



## **ĐH Swinburne (Việt Nam) sẽ đăng cai tổ chức Hội nghị quốc tế về Mạng & Hệ thống thông minh 2022**

*Tháng 3 vừa qua, Hội nghị quốc tế về Mạng và Hệ thống thông minh (ICISN) lần thứ nhất đã diễn ra thành công và là cơ sở để hội nghị ICISN lần thứ hai tiếp tục được tổ chức. ĐH Swinburne (Việt Nam) sẽ là đơn vị đăng cai tổ chức hội nghị ICISN lần thứ hai, dự kiến diễn ra vào tháng 03/2022.*

Là đơn vị đăng cai tổ chức Hội nghị quốc tế về Mạng & Hệ thống thông minh lần thứ hai, ĐH Swinburne (Việt Nam) được kỳ vọng sẽ mang đến nhiều giá trị cho cộng đồng nghiên cứu và ứng dụng, từ những công trình nghiên cứu mới nhất của các chuyên gia đến từ Tổ chức Giáo dục FPT cũng như từ Swinburne University of Technology – Trường Đại học Công nghệ top đầu Australia cho đến góc nhìn Doanh nghiệp và góc nhìn thị trường của các chuyên gia công nghệ đến từ Tập đoàn FPT – Tập đoàn hàng đầu Việt Nam về nghiên cứu và ứng dụng Công nghệ.

ICISN là Hội thảo Khoa học Quốc tế về Công nghệ & Chuyển đổi số được định hướng tổ chức thường niên và xuất bản kỷ yếu trên nền tảng của các tổ chức học thuật uy tín trên thế giới như: Springer, SCImago, ISI và Google Scholar. Đây là diễn đàn quốc tế nhằm trao đổi học thuật giữa các nhà khoa học Việt Nam với các nhà khoa học đến từ nhiều nước trên thế giới trong lĩnh vực điện tử, truyền thông, công nghệ thông tin cùng các lĩnh vực khác có liên quan. Đăng cai tổ chức ICISN 2022, ĐH Swinburne (Việt Nam) bày tỏ mong muốn thu hút những công trình nghiên cứu có chất lượng cao và chưa từng được công bố ở bất kỳ Hội thảo, Hội nghị nào khác.



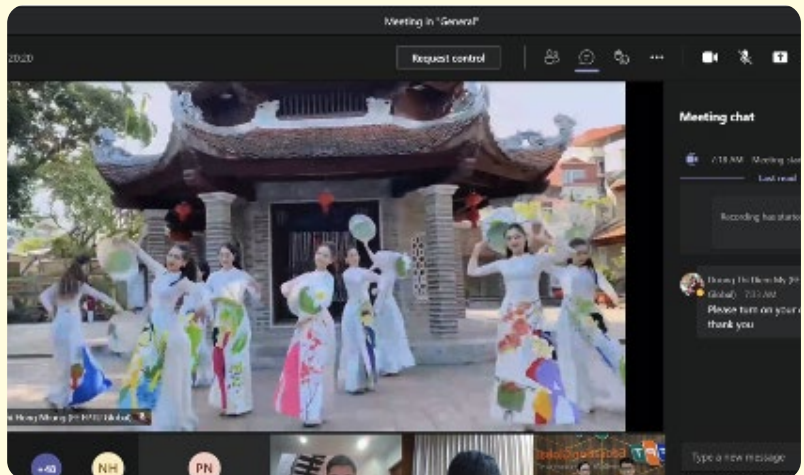
*TS. Hoàng Việt Hà - Giám đốc ĐH Swinburne (Việt Nam) nhận cờ đăng cai ICISN 2022*

## **SV FPT Edu học tập và trải nghiệm văn hoá quốc tế với Asean Virtual Study Tour**

*Tháng 3 vừa qua, FPT Edu Global đã tổ chức chuỗi sự kiện Asean Virtual Study Tour nhằm mang đến cho các SV FPT Edu trong và ngoài nước một sân chơi bổ ích, thú vị và an toàn.*

Trong bối cảnh Covid-19, việc trao đổi SV giữa các nước bị hạn chế, Asean Virtual Study Tour được coi là một “điểm sáng” giúp SV FPT Edu Global học tập và trải nghiệm văn hoá theo cách khác biệt. Chương trình có sự tham gia của gần 40 SV từ 4 quốc gia: Việt Nam, Nhật Bản, Indonesia và Thái Lan với nhiều hoạt động giúp phát triển và tăng kết nối giữa các thành viên như làm việc nhóm, thuyết trình, hùng biện... cũng như các hoạt động mang tính khám phá văn hoá và giao lưu ngôn ngữ.

Nói về Asean Virtual Study Tour, ông Abdulaziz Abdulwahab, đại diện trường Prince of Songkla Thái Lan cho biết: “Tôi muốn bày tỏ sự cảm kích với FPT Edu vì các bạn đã dành rất nhiều thời gian và công sức xây dựng chương trình ý nghĩa này. Đây là một trải nghiệm tuyệt vời cho các SV của chúng ta, giúp các SV có cơ hội nâng cao các kỹ năng mềm cũng như khám phá, giao lưu văn hoá một cách an toàn trong bối cảnh Covid-19”.



*SV FPT Edu đến từ Nhật Bản, Indonesia và Thái Lan khám phá văn hoá Việt Nam qua Asean Virtual Study Tour*

*Tạp chí Giáo dục Đại học Quốc tế* (tên tiếng Anh là International Higher Education, viết tắt là IHE) là ấn phẩm định kỳ hàng quý của Trung tâm Giáo dục Đại học Quốc tế (CIHE – Boston College).

Tạp chí phản ánh sứ mệnh của Trung tâm nhằm tạo tầm nhìn quốc tế hỗ trợ cho việc xây dựng và thực thi chính sách một cách sáng suốt. Thông qua *Tạp chí Giáo dục Đại học Quốc tế*, mạng lưới các học giả trên thế giới cung cấp thông tin và bình luận về những vấn đề chính yếu của giáo dục đại học toàn cầu. IHE được xuất bản bằng Tiếng Anh, Hoa, Pháp, Nga, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha và Việt Nam. Độc giả có thể xem các ấn bản điện tử này tại

<https://www.internationalhighereducation.net>

Hợp tác với **University World News (UWN)**

Từ tháng 1/2017, CIHE đã hợp tác với UWN - một bản tin cùng các bình luận trực tuyến được phổ biến rộng rãi về bức tranh hiện tại của giáo dục đại học quốc tế. Chúng tôi hân hạnh được tích hợp các nội dung của UWN trên IHE và ngược lại - tích hợp các nội dung của IHE trên Website và bản tin hàng tháng của của UWN.



Đăng ký tạp chí IHE tại  
[ihe@fpt.edu.vn](mailto:ihe@fpt.edu.vn)

## GIỚI THIỆU

### THẾ GIỚI HẬU COVID-19

#### 02— Tranh đấu tìm nguồn tài trợ và chống lại bất bình đẳng hậu COVID-19

HANS DE WIT và  
PHILIP G. ALTBACH

#### 04— Tác động của COVID-19 đến giáo dục đại học nhìn từ quan điểm công bằng

JAMIL SALMI

#### 07— “Tương lai học” và giáo dục đại học trong môi trường hậu COVID-19

WILLIAM LOCKE

### CÁC VẤN ĐỀ QUỐC TẾ

#### 10— Phát triển những phương pháp tiếp cận toàn hệ thống để giảng dạy xuất sắc

PAUL ASHWIN

#### 13— Thông tin và thị trường giáo dục đại học

JANJA KOMLJENOVIC

### CHIẾN TRANH LẠNH TRONG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC?

#### 15— Quan hệ Trung Quốc - Toàn cầu: chiến tranh lạnh về giáo dục đại học?

LIZHOU WANG và WEN WEN

#### 19— Thời điểm thách thức cho quan hệ khoa học - công nghệ của Trung Quốc với nước ngoài

ANTHONY WELCH

#### 22— Sinh viên Trung Quốc hoãn kế hoạch du học Mỹ

XIAOFENG WAN

#### 24— Bước ngoặt của giáo dục đại học Hồng Kông

PHILIP G. ALTBACH và  
GERARD A. POSTIGLIONE

#### 27— Tương lai vững chắc của quan hệ đối tác giáo dục đại học Trung Quốc - Đức

MARIJKE WAHLERS

### ĐÀO TẠO TIẾN SĨ: CẦN XEM XÉT LẠI

#### 29— Đào tạo tiến sĩ: viễn cảnh toàn cầu

VICTOR RUDAKOV và MARIA  
YUDKEVICH

#### 32— Đào tạo tiến sĩ ở châu Phi: những thách thức về nguồn lực

WONDWOSEN TAMRAT và  
GETNET TIZAZU FETENE

#### 35— Nhật Bản: sụt giảm số lượng đăng ký học các chương trình tiến sĩ - khủng hoảng đối với đổi mới

YUKIKO SHIMMI

### THỰC TIỄN CHƯA RÕ TRONG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

#### 37— Tham nhũng trong học thuật có thể xóa bỏ được không?

LIZ REISBERG

#### 40— Mua hay không mua - đầu tư cho một luận án ở Ukraine

ARARAT L. OSIPIAN

#### 43— Liên kết giả mạo và gian lận chỉ số chất lượng đại học

VIVIANNE C. BACHELET

### CÁC QUỐC GIA VÀ KHU VỰC

#### 45— Bi kịch của nền giáo dục đại học Brazil

MARCELO KNOBEL và  
FERNANDA LEAL

#### 48— Xuất hiện từ trong sương mù: các trường đại học Pháp và bảng xếp hạng toàn cầu

LUDOVIC HIGHMAN

#### 50— Chưa phải là niết bàn: hệ quả của cuộc bầu cử Hoa Kỳ đối với giáo dục đại học quốc tế

PHILIP G. ALTBACH và HANS DE WIT

#### 52— TIN TỨC VÀ ẤN PHẨM MỚI

## Tranh đấu tìm nguồn tài trợ và chống lại bất bình đẳng hậu COVID-19

Hans de Wit và Philip G. Altbach

*Hans de Wit là Giáo sư danh dự và Nhà nghiên cứu (Distinguished Fellow), Trung tâm Giáo dục Đại học Quốc tế (CIHE) tại Boston College, Hoa Kỳ. Email: dewitj@bc.edu. Philip G. Altbach là Giáo sư Nghiên cứu và Distinguished Fellow, CIHE. Email: altbach@bc.edu.*

Đại dịch COVID-19 đã mở ra chiếc hộp Pandora chứa đựng những lựa chọn và dự đoán về vai trò tương lai của giáo dục đại học. Một bên là những người dự đoán rằng sẽ không có gì thay đổi và mọi thứ sẽ trở lại “hoạt động như bình thường” sau cuộc khủng hoảng. Quan điểm bảo thủ này dường như mang tính thực tế hơn những quan điểm khác dự đoán về một cuộc cách mạng mà qua đó giáo dục đại học sẽ được chuyển đổi hoàn toàn. Nhiều bài báo trên University World News và các trang tin khác đã lập luận rằng sự thay đổi triệt để vừa là mong muốn vừa không thể tránh khỏi - và việc hình dung lại bức tranh giáo dục sau trung học là một nhu cầu cấp thiết.

Đây không phải là lời kêu gọi đầu tiên cho sự thay đổi mang tính cách mạng tại một trong hai thể chế lâu đời nhất trên thế giới (thể chế kia là nhà thờ Công giáo La Mã). Cách đây không lâu, nhiều người cho rằng MOOCs sẽ chuyển đổi giáo dục đại học - điều này tất nhiên đã không xảy ra. Như Henry Mance viết trên Financial Times ("Tương lai của trường đại học trong thời đại Covid", ngày 18 tháng 9 năm 2020): "Thực tế, đại dịch đã nhấn mạnh nhu cầu đối với những gì mà các trường đại học vẫn làm". Vào dịp khai giảng năm học ở châu Âu và Bắc Mỹ, các chính phủ và các nhà lãnh đạo đại học đã kêu gọi mở lại các cơ sở trường học, nhiều giảng viên và sinh viên cũng kêu gọi điều này. Giáo dục trực tuyến được chấp nhận trong một thời gian ngắn để đối phó với làn sóng đầu tiên của đại dịch. Nhưng nó cũng là dịp để chứng tỏ rằng trường đại học là một thứ lớn hơn một cơ sở đào tạo. Đây là những cộng đồng sống của giảng viên và sinh viên bên trong các lớp học, thậm chí còn lớn hơn ở bên ngoài lớp. "Sinh viên sẽ không dành nhiều thời gian và tiền bạc chỉ để học trực tuyến. Sinh viên đến trường đại học để gặp gỡ những người tuyệt vời, trò chuyện đầy cảm hứng với giảng viên, cộng tác với các nhà nghiên cứu trong phòng thí nghiệm và trải nghiệm cuộc sống xã hội trong khuôn viên trường" - báo cáo Education at a Glance của OECD đã viết hoàn toàn chính xác. Và trong khi có những lo ngại rằng số lượng sinh viên - cả trong nước và quốc tế - sẽ giảm mạnh, trong thực tế vào đầu năm học con số này dường như lại tăng lên, bao gồm cả sinh viên quốc tế, mặc dù các quốc gia và các cơ sở giáo dục sau trung học bị ảnh hưởng khác nhau. Điều này không có gì đáng ngạc nhiên, vì trong thời gian thất nghiệp, giáo dục trở thành một giải pháp thay thế. Những năm tới sẽ cho thấy điều này có đúng không, đặc biệt liên quan đến sinh viên quốc tế.

Chắc chắn là việc trở lại "bình thường" sẽ phải trả giá. Ở những nơi các trường đại học đã mở cửa để giảng dạy tại trường hoặc theo phương thức kết hợp, sự hứng khởi của sinh viên đã dẫn đến việc bỏ qua các quy tắc và ít chú ý đến an toàn, do đó các ca lây nhiễm COVID-19 gia tăng đáng kể. Hơn nữa,

### Tóm tắt

Đại dịch COVID-19 đã mở ra chiếc hộp Pandora về vai trò của giáo dục đại học trong tương lai. Giáo dục trực tuyến được chấp nhận trong một thời gian ngắn, nhưng cũng cho thấy rõ rằng các cơ sở giáo dục đại học cũng là một cộng đồng sống gồm giảng viên và sinh viên. Đại dịch đã làm nổi bật tầm quan trọng của sự hợp tác nghiên cứu quốc tế, nhưng do kinh tế suy thoái nghiêm trọng, đại dịch làm trầm trọng thêm tình trạng bất bình đẳng trong lĩnh vực giáo dục đại học và nghiên cứu.

việc hồi sinh cuộc sống sinh viên trong khuôn viên trường được chú ý chủ yếu ở những trường đại học hàng đầu tại những quốc gia có thu nhập cao, điều này góp phần làm gia tăng bất bình đẳng và phân biệt đối xử. Các trường đại học ở khắp nơi đang gặp khó khăn tài chính nghiêm trọng, bởi các khoản chi bổ sung do COVID-19, bởi thất thu học phí, và bởi ngân sách càng ngày càng bị cắt giảm. Vì những lý do này, cho dù không thực hiện những thay đổi mang tính cách mạng, các trường đại học cũng không thể trở lại hiện trạng như trước đại dịch. Những thay đổi sẽ xảy ra, những cải cách sẽ được thực hiện, nhưng sẽ diễn ra từ từ và với sự định hướng chủ động và chú ý đến tiếng nói của sinh viên, của giảng viên và của thế giới bên ngoài.

### **Tương lai của hoạt động nghiên cứu**

Mặc dù chỉ một thiểu số nhỏ trong số hơn 20 ngàn trường đại học trên thế giới có sứ mệnh nghiên cứu rõ nét, hoạt động nghiên cứu được thực hiện trong các trường đại học có tầm quan trọng trung tâm đối với những trường đại học nghiên cứu cũng như đối với xã hội. Các trường đại học trên khắp thế giới hiện đang tham gia vào nghiên cứu COVID-19, và đa số những chuyên gia y tế công cộng xuất hiện trên các phương tiện truyền thông toàn cầu là những giáo sư đại học. Nhìn chung, các trường đại học được bảo vệ khỏi việc chính trị hóa hoạt động khoa học - điều đang xảy ra ở một số quốc gia - và đang được công nhận là những nhân tố đóng góp chính vào việc giải quyết cuộc khủng hoảng y tế toàn cầu gay gắt nhất thời hiện đại. Đại dịch đã làm nổi bật tầm quan trọng của việc nghiên cứu và hợp tác nghiên cứu. Simon Marginson (Giáo dục Đại học Quốc tế, số #104) viết: "Hợp tác nghiên cứu toàn cầu là một tin tốt lành trong thời kỳ khó khăn". Nếu xem xét 30 nhóm đang nghiên cứu về vắc-xin hiện nay, ta sẽ thấy tất cả đều phụ thuộc vào quan hệ đối tác quốc tế của những nhà nghiên cứu làm việc trong những công ty đa quốc gia, viện nghiên cứu và trường đại học, tất cả những tổ chức này đều cần tiếp cận những bộ óc tốt nhất, thiết bị tinh vi nhất và cơ hội thử nghiệm ở các khu vực khác nhau của thế giới. Nỗ lực này thực sự mang tính toàn cầu và minh họa cho sự cần thiết toàn cầu hóa khoa học và học thuật.

Cuộc khủng hoảng COVID-19 cũng cho thấy việc giải quyết vấn đề này về cơ bản mang tính liên ngành, và các trường đại học là những tổ chức duy nhất có thể dễ dàng điều phối chuyên môn từ cả những ngành khoa học cứng (khoa học tự nhiên) và những ngành khoa học xã hội. Hơn nữa, hầu hết các học giả y tế cộng đồng theo định hướng nghiên cứu đều làm việc tại các trường đại học và các viện y tế đã đi đầu trong việc tìm hiểu những khía cạnh khác nhau của COVID-19. Các nhà khoa học xã hội thuộc nhiều lĩnh vực, bao gồm kinh tế học, xã hội học, nhân chủng học và những lĩnh vực khác cũng tham gia cung cấp các kiến thức chuyên môn cần thiết.

### **Thách thức**

Nhưng vẫn có những lo ngại. OECD đã cảnh báo rằng nếu sau COVID-19, số lượng và chất lượng của các nghiên cứu sinh tiến sĩ và sau tiến sĩ quốc tế bị giảm sút, hoạt động nghiên cứu sẽ suy yếu vì họ đang chiếm một tỷ lệ đáng kể trong số cán bộ phòng thí nghiệm. Tài trợ ích lợi (fungding boon) đã được David Matthews dự đoán trong bài báo ngày 14 tháng 9 năm 2020 trên tạp chí

*Do kinh tế suy thoái*

*ngghiêm trọng bởi đại dịch,*

*kinh phí dành cho nghiên*

*cứu có thể sẽ bị cắt giảm*

*hơn nữa ở những nước có*

*thu nhập thấp và thu nhập*

*trung bình, nơi kinh phí*

*này vốn đã hạn hẹp.*

Times Higher Education (“Một quỹ tài trợ kích cầu được thiết lập cho các trường đại học châu Âu”) sẽ chỉ là tương đối. Ngân sách nghiên cứu của Ủy ban châu Âu cho giai đoạn 2021 - 2027 có thể sẽ bị cắt giảm từ 94 tỷ Euro xuống còn 86 tỷ do thỏa thuận về quỹ phục hồi giữa các nhà lãnh đạo châu Âu. Cũng có những lo ngại về những hành động theo chủ nghĩa dân tộc sẽ làm hạn chế hợp tác nghiên cứu quốc tế. Những ví dụ kịch tính nhất thể hiện trong mối quan hệ căng thẳng giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc và giữa Úc và Trung Quốc, và trong việc một số chính phủ tìm cách tránh né phân phối vắc xin theo cách công bằng.

Do kinh tế suy thoái nghiêm trọng bởi đại dịch, kinh phí dành cho nghiên cứu có thể sẽ bị cắt giảm hơn nữa ở những nước có thu nhập thấp và thu nhập trung bình, nơi kinh phí này vốn đã hạn hẹp. Một ngoại lệ có thể là Trung Quốc và chủ yếu trong lĩnh vực khoa học cứng, do những khoản đầu tư lớn gần đây vào các trường đại học nghiên cứu và những dấu hiệu ban đầu của sự phục hồi kinh tế - nhưng những ràng buộc đối với tự do học thuật trong khoa học xã hội và nhân văn khiến nghiên cứu liên ngành gặp rủi ro.

Đại dịch đã làm trầm trọng thêm sự bất bình đẳng trong lĩnh vực giáo dục đại học và nghiên cứu - giữa sinh viên, giảng viên và các trường - và giữa các quốc gia. Giải quyết xu hướng tiêu cực này “sẽ đòi hỏi một tầm nhìn dài hạn, những thay đổi cấu trúc và cam kết đồng lòng từ tất cả các học giả, các bên liên quan, các trường đại học và các quốc gia trên thế giới” (Xin Xu, “Tác động của Đại dịch COVID-19 đối với Nghiên cứu Toàn cầu, “Giáo dục Đại học Quốc tế, số # 104).

## Tác động của COVID-19 đến giáo dục đại học nhìn từ quan điểm công bằng

**Jamil Salmi**

*Jamil Salmi là Chuyên gia Giáo dục Đại học toàn cầu và là thành viên nghiên cứu tại Trung tâm Giáo dục Đại học Quốc tế, Boston College, Hoa Kỳ. Email: jsalmi@tertiaryeducation.org.*

Những gián đoạn do đại dịch COVID-19 gây ra ảnh hưởng đến mọi quốc gia, cả giàu và nghèo, và sinh viên từ những nhóm thiểu số phải đối mặt với nhiều thách thức hơn. Ở những quốc gia có Internet chưa phổ biến và dung lượng băng thông thấp, cơ hội học tập trực tuyến bị hạn chế đáng kể. Các trường cao đẳng và đại học ở những quốc gia có thu nhập thấp chật vật triển khai những chương trình đào tạo từ xa có chất lượng, do thiếu những học giả có kinh nghiệm và thiếu nguồn lực.

### Hiệu ứng và phản ứng ngắn hạn

- Đóng cửa và chuyển sang giáo dục trực tuyến: Các quốc gia và các trường đã không được chuẩn bị trước cho sự thay đổi với cùng mức độ. Các trường đại học và cao đẳng ở những nước đang phát triển phải đối mặt với những khó khăn nghiêm trọng về cơ sở hạ tầng CNTT và thực trạng truy cập Internet.

**Tóm tắt**

Những gián đoạn do đại dịch COVID-19 gây ra ảnh hưởng đến mọi quốc gia, cả giàu và nghèo, và sinh viên từ những nhóm thiểu số phải đối mặt với nhiều thách thức hơn. Ở những quốc gia có Internet chưa phổ biến và dung lượng băng thông thấp, cơ hội học tập trực tuyến bị hạn chế đáng kể. Các trường cao đẳng và đại học ở những quốc gia có thu nhập thấp phải vật lộn để triển khai những chương trình đào tạo từ xa có chất lượng, do thiếu những học giả có kinh nghiệm và thiếu nguồn lực.

- Ảnh hưởng đến sinh viên: Sự xáo trộn do việc đóng cửa đột ngột các khu học xá và chuyển đổi nhanh chóng sang giáo dục trực tuyến đã làm gián đoạn cuộc sống của sinh viên trên toàn thế giới. Sinh viên từ những nhóm thiểu số bị ảnh hưởng đặc biệt nặng nề; họ phải đối mặt với những khó khăn về kinh tế, khó khăn về kết nối và suy sụp tinh thần.
- Đánh giá và thi cử: Nhiều cơ sở giáo dục đại học đã phải vật lộn với những lựa chọn khó khăn về đánh giá thi cử trực tuyến và nguy cơ gian lận gia tăng.
- Các trường đại học đang đối mặt với thách thức COVID-19: Một khía cạnh tích cực là phản ứng hào phóng của các trường đại học trên toàn thế giới trong việc đóng góp kiến thức khoa học và nguồn lực của họ để chống lại đại dịch. Các trường đại học phát triển các xét nghiệm COVID-19 nhanh hơn và rẻ hơn, quyên góp thiết bị dư thừa để giúp các bệnh viện, và sản xuất vật tư y tế, thiết bị khử trùng và thuốc.

**Hiệu quả lâu dài hơn**

- Mở cửa trở lại vào mùa thu: Ở những quốc gia nơi đại dịch vẫn đang hoành hành, những quyết định về việc mở cửa lại các trường học chịu ảnh hưởng nặng nề bởi những cân nhắc về chính trị và kinh tế. Tại Vương quốc Anh và Hoa Kỳ, việc không thừa nhận COVID-19 và mối đe dọa của những khó khăn kinh tế đang tới khiến nhiều cơ sở giáo dục đại học phải chấp nhận mạo hiểm với sức khỏe của sinh viên.
- Học tập giảm sút và sinh viên rớt môn ngày càng tăng: Nhiều sinh viên sẽ không có đủ trải nghiệm học tập trong năm học 2019 - 2020. Bên cạnh tác động tiêu cực đến chất lượng của trải nghiệm giáo dục trong thời gian dịch COVID-19, những vấn đề sức khỏe tâm thần trong sinh viên cũng gia tăng.
- Giảm nguồn lực, thay đổi nhu cầu, đóng cửa và tái cơ cấu: Cuộc khủng hoảng đã bộc lộ những điểm yếu trong cơ cấu của những mô hình tài chính hiện có của nhiều hệ thống và cơ sở giáo dục đại học. Đối với những cơ sở giáo dục đại học tư thực phụ thuộc hoàn toàn vào học phí và/hoặc sinh viên quốc tế, đây là một thử thách khắc nghiệt khả năng tồn tại về mặt tài chính. Một số lượng lớn sinh viên với nguồn lực hạn chế hoàn toàn có thể bỏ học đại học. Hậu quả có thể rất nghiêm trọng ở nhiều quốc gia thu nhập thấp – nơi có truyền thống phân bổ không đủ tài chính công cho giáo dục đại học, thường là dưới 0,5% GDP.
- Ảnh hưởng đến hoạt động nghiên cứu: Việc đóng cửa các phòng thí nghiệm và hạn chế đi lại có nghĩa là các nhà nghiên cứu không thể tiếp tục các thí nghiệm hoặc điều tra thực địa, trừ khi những công việc thí nghiệm và cộng tác có thể thực hiện từ xa. Một mối quan tâm ngày càng tăng đối với tất cả các trường đại học nghiên cứu là khả năng bị giảm kinh phí trong những năm tới, ngoại trừ những chương trình nghiên cứu liên quan trực tiếp đến COVID-19. Dữ liệu về năng suất nghiên cứu cho thấy các học giả nữ bị ảnh hưởng nghiêm trọng hơn, phản ánh sự lệch lạc trong phân chia lao động trong gia đình.

**Những chính sách giảm nhẹ của quốc gia**

- Hỗ trợ tài chính: Một số quốc gia có thu nhập cao đã nhanh chóng phê duyệt những gói giải cứu kinh tế cho các trường cao đẳng, đại học và/hoặc sinh viên. Một số ít quốc gia có thu nhập thấp cũng cung cấp những gói hỗ trợ đáng kể.

- Nâng cao năng lực kết nối và giáo dục trực tuyến: Nhiều quốc gia đã cố gắng tăng cường khả năng kết nối Internet cho các cơ sở giáo dục đại học và sinh viên. Các chính phủ ở châu Phi cận Sahara đã tăng cường dung năng băng thông rộng thông qua Mạng nghiên cứu và giáo dục quốc gia (NRENs).
- Tính linh hoạt trong đảm bảo chất lượng và đánh giá: Biện pháp can thiệp thứ ba ở cấp quốc gia là những nỗ lực hướng đến sự áp dụng linh hoạt hơn những tiêu chí đảm bảo chất lượng và phương pháp đánh giá.

### **Chính sách giảm nhẹ của trường đại học**

- Những cách tiếp cận giáo dục sáng tạo: Bước đầu tiên nhằm giúp việc chuyển sang giáo dục trực tuyến dễ dàng hơn là cung cấp những khóa huấn luyện sử dụng nền tảng kỹ thuật số và áp dụng những kỹ thuật hiệu quả cho dạy và học trực tuyến. Những trường có đầy đủ các dịch vụ chức năng hỗ trợ dạy và học nhận thấy mình được chuẩn bị tốt hơn để hỗ trợ cộng đồng học thuật của trường. Sự nhất quán của chương trình giảng dạy, phương pháp sư phạm và phương pháp đánh giá chính là cốt lõi tạo nên thành công của trải nghiệm giáo dục trực tuyến. Cũng rất quan trọng là nhận thức rằng giảng dạy trực tuyến không phải là ghi hình một bài giảng truyền thống rồi đưa lên trang Web của tổ chức, mà là áp dụng những phương pháp sư phạm nhằm thu hút sinh viên tham gia vào những trải nghiệm giáo dục đầy hứng khởi. Cuối cùng, nhiều trường nhận thấy không thể bỏ qua việc tăng cường hệ thống hỗ trợ học tập và tâm lý cho những cá nhân sinh viên bị ảnh hưởng bởi cuộc khủng hoảng sức khỏe và kinh tế, và đang chật vật thích nghi với giáo dục trực tuyến.
- Quản trị vượt qua đại dịch: Cuộc khủng hoảng đã thử thách kỹ năng lãnh đạo của các hiệu trưởng trường cao đẳng và đại học theo cách chưa từng có, buộc họ phải đưa ra những quyết định nhanh chóng và quan trọng để bảo vệ sức khỏe của cộng đồng học thuật và duy trì hoạt động liên tục của tổ chức. Bài học rút ra từ cuộc khủng hoảng này là tầm quan trọng của việc truyền thông hiệu quả và thường xuyên để giải thích một cách trung thực và minh bạch những thách thức và những điều chưa biết do COVID-19 mang lại.
- Phát minh ra những mô hình hoạt động mới: Những cơ hội mới có thể nảy sinh từ thời kỳ hậu đại dịch. Các cơ sở giáo dục đại học có thể nghiêm túc cân nhắc việc tiếp nhận những người học trưởng thành như một phân khúc hợp pháp trong số sinh viên mục tiêu của họ. Việc áp dụng mô hình học tập suốt đời nhấn mạnh quyền ưu tiên của người học, công nhận những năng lực có được trong công việc và đáp ứng nhu cầu học tập của một nhóm khách hàng đa dạng hơn. Các cơ sở giáo dục đại học cũng có thể thành lập các liên minh đại học để cấp bằng chung, dạy các khóa học chung và thực hiện hợp tác nghiên cứu, kết hợp tài năng và nguồn lực tài chính của họ một cách hiệu quả hơn.
- Những phản ứng tập trung vào bình đẳng: Một trong những nhiệm vụ ưu tiên của nhiều cơ sở giáo dục đại học ngay sau khi đóng cửa các hoạt động trong khuôn viên trường là làm giảm bớt những khó khăn của những sinh viên từ những gia đình có thu nhập thấp và từ những nhóm dễ bị tổn thương. Trợ giúp tài chính bao gồm những hình thức trợ cấp bổ sung, cho vay không lãi suất và tiếp cận các ngân hàng lương thực (food bank). Để thu hẹp khoảng cách về công nghệ số, nhiều trường đã tặng thiết bị cho sinh viên và cung cấp các gói Internet để truy cập trực tuyến.

*Cuộc khủng hoảng đã thử*

*thách kỹ năng lãnh đạo*

*của các hiệu trưởng trường*

*cao đẳng và đại học theo*

*cách chưa từng có.*



### Kết luận

Chưa bao giờ sức mạnh của các trường cao đẳng và đại học lại bị thử thách gay gắt như trong thời kỳ đại dịch hiện nay. Cuộc khủng hoảng y tế đã cho thấy khoảng cách công nghệ số và bất bình đẳng kinh tế là những thực tế khó chịu, ảnh hưởng trực tiếp đến năng lực đối phó của sinh viên với cuộc khủng hoảng COVID-19.

Trong khi những trường đại học hàng đầu thế giới ít khả năng phải chịu những hậu quả bất lợi lâu dài, đối với nhiều tổ chức giáo dục đại học, sự tồn tại về tài chính sẽ là một thách thức nghiêm trọng. Hàng triệu sinh viên với nguồn lực hạn chế hoàn toàn có thể bỏ học đại học.

Đại dịch đã làm bộc lộ mức độ sâu sắc của sự phân chia công nghệ số và những bất bình đẳng kinh tế xã hội, khiến càng tăng thêm khoảng cách rõ rệt giữa các quốc gia, giữa các cơ sở giáo dục đại học và giữa sinh viên; do đó điều cần thiết là phải xem xét, ở cấp quốc gia và cấp tổ chức, những biện pháp tập trung vào việc đạt được sự công bằng trong giáo dục đại học cho sinh viên từ những gia đình có thu nhập thấp, cho sinh viên nữ và cho các dân tộc và chủng tộc thiểu số.

## “Tương lai học” và giáo dục đại học trong môi trường hậu COVID-19

**William Locke**

*William Locke là Giáo sư và là Giám đốc của Trung tâm Nghiên cứu Giáo dục Đại học Melbourne tại Đại học Melbourne, Úc. Email: william.locke@unimelb.edu.au.*

*Bài viết này dựa trên một chương trong cuốn “Thay đổi giáo dục đại học cho một thế giới đang thay đổi”, được biên tập bởi Claire Callender, William Locke và Simon Marginson, Bloomsbury. Cuốn sách này là sản phẩm của Trung tâm Giáo dục Đại học Toàn cầu, được tài trợ bởi Hội đồng Nghiên cứu Kinh tế và Xã hội của Vương quốc Anh, Văn phòng Sinh viên và Nghiên cứu Anh.*

Hơn bất kỳ điều gì khác, một cuộc khủng hoảng có thể kích thích những ý tưởng về những tương lai khác nhau và những khởi đầu mới. Ít nhất, ngay bây giờ chúng ta được đã biết rằng sẽ có một trạng thái “bình thường mới” và không có cách nào để mọi thứ quay lại như trước COVID-19. Tuy nhiên, ngay cả trước khi đại dịch xảy ra, đã có nhiều nhà tương lai học - đặc biệt ở những quốc gia nói tiếng Anh - dự báo về một loạt những kịch bản thảm họa sẽ xảy ra với giáo dục đại học, trong đó những yếu tố khác nhau kết hợp lại tạo ra những thách thức và phá vỡ những quy ước học thuật truyền thống, những mô hình kinh doanh và phương thức làm việc tại các trường đại học công. Một số người suy đoán rằng những chuyển đổi này có thể đe dọa chính nền tảng của giáo dục đại học, giá trị kinh tế và vai trò của nó đối với xã hội.

Trong những kịch bản này thường có sự kết hợp của một số yếu tố sau đây, được gọi là “những yếu tố gây xáo trộn”: sự chuyển đổi việc làm của sinh viên tốt nghiệp; kỳ vọng cao của sinh viên; một cuộc cách mạng công nghệ bao gồm việc áp dụng rộng rãi hình thức học tập trực tuyến, phân tích dữ liệu và trí tuệ nhân tạo; mở rộng giáo dục và hạn chế tài chính công; nhiễu loạn chính sách; và cạnh tranh toàn cầu ngày càng tăng, đặc biệt là từ các tổ chức tư nhân vì lợi nhuận và các trường đại học từ những quốc gia mới nổi. Các nhà tương lai học tiên tiến hiện còn thêm vào hỗn hợp trên tác động tăng tốc của COVID-19 và những mối lo ngại vì đại dịch.

### Cuộc tranh luận của các nhà tương lai học

Các nhà tương lai học - thường là các nhà tư vấn quản lý, “các nhà lãnh đạo tư tưởng” và các nhà báo - dự đoán rằng tương lai sẽ mang lại những thay đổi, thách thức nhanh chóng, liên tục và sự bất định cho những nhà quản lý và những người làm việc trong các trường đại học. Để đáp lại, những nhà quản lý và nhân lực đại học cần tự chuyển đổi một cách cơ bản để thích ứng với những điều kiện và nhu cầu mới này. Đặc biệt, “lực lượng lao động” học thuật của tương lai sẽ cần “nhanh nhẹn” và “linh hoạt” hơn, “chuyên nghiệp hóa” cao hơn và chấp nhận “chuyên môn hóa” sâu hơn. Ernst and Young thậm chí còn đưa ra dự báo rằng phần lớn các học giả sẽ trở thành những học giả tự do làm việc với một số cơ sở giáo dục đại học (HEI) và các doanh nghiệp tri thức.

Vì vậy, người ta lập luận rằng, chủ nghĩa bảo thủ, “tâm lý silo” (tách biệt), thái độ chống đối liên ngành và kiến thức thực tế, sự đa cảm đối với các khóa học “giá trị thấp”, và tất nhiên, tốc độ thay đổi chậm chạp vốn có trong các trường đại học công lập phải được khắc phục. Di sản “lực lượng lao động” của giáo dục đại học sẽ bị loại bỏ. May mắn thay, trong khi cuộc tranh cãi vẫn tiếp tục giữa lúc đại dịch lan rộng toàn cầu và làm đảo lộn cuộc sống, các cộng đồng và các thể chế, những chuyển đổi thiết yếu này sẽ được xúc tiến.

### Một phương pháp sai lầm

Những chuyên gia tự xưng về giáo dục đại học này chủ yếu đưa ra đánh giá dựa trên những cuộc phỏng vấn và khảo sát những người đứng đầu các trường đại học, những nhà hoạch định chính sách cấp cao và những bên liên quan chính như lãnh đạo doanh nghiệp và nhà tuyển dụng sau đại học. Họ hiếm khi tìm hiểu quan điểm của cán bộ nhân viên hoặc sinh viên đang làm việc và học tập trong các cơ sở giáo dục đại học, chưa nói đến việc tham khảo những nghiên cứu học thuật hiện có về sự phát triển và xu hướng trong hệ thống giáo dục đại học trên toàn thế giới. Dù vậy, thuyết tương lai học này đang lan truyền khắp những mạng lưới nhiều ảnh hưởng và bắt đầu cung cấp thông tin cho việc hoạch định chiến lược hiện tại trong các tổ chức và hoạch định chính sách ở cấp tiểu bang, quốc gia và toàn cầu. Vì vậy, ta không nên đơn giản coi nó là hoạt động tiếp thị dự đoán, mà nên đánh giá nó như một đàm luận có ảnh hưởng và tác động quan trọng đến hành vi và việc ra quyết định.

Những dự báo về thảm họa tương lai đã xuyên tạc những mô hình giáo dục đại học công lập hiện có. Các trường đại học được cho là những tổ chức truyền thống của “thế kỷ 20”, thiên về học thuật hơn là tập trung vào sinh viên hoặc khách hàng. Họ cũng có đặc điểm là quá giống nhau và bị chi phối bởi lực

### Tóm tắt

Ngay cả trước khi có COVID-19, các nhà tương lai học từng khẳng định rằng một số gián đoạn diễn ra trong giáo dục đại học kết hợp lại với nhau sẽ tạo ra những kịch bản tàn phá đối với các trường đại học. Những tuyên bố này cho biết về một chính sách ngày càng chiếm ưu thế và những tranh luận của các nhà quản lý về nhu cầu chuyển đổi nhanh chóng và triệt để trong các quy ước học thuật, mô hình kinh doanh và phương thức làm việc. Tuy nhiên, điều các trường đại học đang cần là những phương pháp tiếp cận dựa trên bằng chứng và lặp đi lặp lại cho phép hình dung ra tương lai, rút ra từ chính những thử nghiệm những hình thức giáo dục đại học mới.

*Hơn bất kỳ điều gì khác,  
một cuộc khủng hoảng  
có thể kích thích những ý  
tưởng về những tương lai  
khác nhau và những khởi  
đầu mới.*

lượng lao động học thuật đang già đi và không muốn thay đổi. Các nhà tương lai học hầu như chỉ trích dẫn những báo cáo tư vấn quản lý, tài liệu chính sách và những bài báo trước đây. Do đó, họ tái chế những câu chuyện thần thoại và văn học dân gian đã trở nên quá quen thuộc, nhưng thành thật mà nói, họ lại không dựa trên sự chặt chẽ của các bằng chứng thực nghiệm.

### **Công việc học thuật dựa trên chứng cứ**

Một lĩnh vực hầu như không có bằng chứng lại liên quan đến công việc thực tế của những người làm việc trong các trường đại học. Các nhà tương lai học bỏ qua nhiều bằng chứng nghiên cứu hiện có về công việc học thuật. Ví dụ, họ cho rằng nghề nghiệp học thuật phần lớn vẫn là thuần nhất và đa số người làm công việc học thuật đều giữ vị trí lâu dài, vừa giảng dạy vừa nghiên cứu. Bằng chứng cho thấy ngược lại. Ngày càng có nhiều tài liệu nghiên cứu về sự đa dạng hóa của “nghề” học thuật, thành phần tham gia đa dạng (bao gồm từ các ngành nghề khác), những con đường sự nghiệp khác nhau và sự xói mòn của sự nghiệp học thuật tuyến tính. Hơn nữa, đội ngũ giảng viên bán thời gian, cố định, dự phòng, chỉ giảng dạy và không chính thức đã phát triển đáng kể ở Vương quốc Anh, Úc và Hoa Kỳ trong những năm gần đây.

### **Tiếp cận dựa trên bằng chứng để nhìn về phía trước**

Ngược lại với những đánh giá này, chúng ta nên bắt đầu bằng một phân tích chính xác về hiện tại, dựa trên những bằng chứng nghiên cứu tốt nhất đang có và phân tích những xu hướng trong quá khứ gần đây, trung hạn và dài hạn. Bao gồm việc phân tích chặt chẽ những ví dụ hiện có về thực tiễn hiệu quả và thành công có thể cung cấp những minh họa phôi thai về sự phát triển cho tương lai. Chương trình “Các trường đại học của tương lai” do Liên minh châu Âu tài trợ và Phòng thí nghiệm Thế kỷ 21 của Đại học Lincoln là hai ví dụ.

Nếu có nhiều hơn những phương pháp tiếp cận dựa trên bằng chứng và lặp đi lặp lại nhằm hình dung tương lai, chúng ta có thể đánh giá đầy đủ những yếu tố ảnh hưởng đến những xu hướng hiện tại, bao gồm những yếu tố văn hóa xã hội, chính trị và môi trường (và thậm chí những yếu tố có hiệu lực pháp lý hạn chế), cũng như những yếu tố kinh tế và công nghệ. Khi đó, chúng ta có thể tránh những phương pháp tiếp cận đơn giản hóa vẫn thường chú trọng vào những hoạt động cụ thể, và những giả định tất định thường để cao những kết quả riêng biệt.

### **Đại dịch có phải là kẻ hủy diệt cuối cùng không?**

Vậy thì, đại dịch có phải là kẻ hủy diệt cuối cùng không? Nó chắc chắn đang cung cấp rất nhiều nguyên liệu dự báo cho các nhà tương lai học. Người ta nói với chúng ta rằng “đây là những thời điểm chưa từng có” và quả thực rất hiếm khi toàn bộ ngành giáo dục đại học phải thu hẹp lại, và rất nhiều trường đại học phải cắt giảm quy mô. Tuy nhiên, trước đây từng xảy ra những sự gián đoạn - các cuộc chiến tranh, bao gồm nội chiến, các phong trào dân tộc, các cuộc xâm lược, các cuộc di cư ồ ạt, tất cả đều ảnh hưởng nghiêm trọng đến các trường đại học ở nhiều nơi trên thế giới. Trước đây từng có những đợt cắt giảm: Sau cuộc khủng hoảng tài chính 2008 - 2009, nhiều hệ thống giáo dục đại học quốc gia phải thu hẹp, với việc cán bộ nhân viên chuyển sang chế độ làm

việc ít ngày trong tuần hơn, cắt giảm lương, và cắt giảm tự nguyện và bắt buộc những chương trình phụ, để đổi lấy sự đảm bảo công việc cho đa số những người còn ở lại.

Chúng ta cũng được cho biết rằng “sẽ không thể trở lại trạng thái bình thường cũ”, nhưng hầu hết các trường đại học hiện đang quan tâm đến sự tồn tại trong ngắn hạn đến trung hạn, và không thay đổi quá nhiều mô hình kinh doanh và phương thức hoạt động vì sợ sụp đổ. Một cuộc khủng hoảng không phải là thời điểm tốt để bắt đầu đưa ra chiến lược mới, mặc dù chiến lược cũ có thể đã thất bại. Trước đây, khi các trường đại học có đủ tiền để đổi mới, họ không cảm thấy cần phải làm thế; nhưng bây giờ khi họ cần đổi mới hoạt động của mình, họ lại không có kinh phí để đầu tư vào việc quản lý những thay đổi cần thiết.

Tất nhiên, không có điều nào trong số này là tốt đối với các nhà tư vấn quản lý, những người sẽ chịu thiệt hại do tài chính của các trường đại học bị thu hẹp. Vì vậy, có lẽ đã đến lúc các trường đại học phải tự gánh vác trách nhiệm về tương lai của chính mình.

## Phát triển những phương pháp tiếp cận toàn hệ thống để giảng dạy xuất sắc

**Paul Ashwin**

*Paul Ashwin là Giáo sư về Giáo dục đại học và là Trưởng khoa Nghiên cứu Giáo dục tại Đại học Lancaster, Vương quốc Anh. Email: paul.ashwin@lancaster.ac.uk.*

*Bài viết này dựa trên một chương trong “Thay đổi giáo dục đại học cho một thế giới đang thay đổi”, được biên tập bởi Claire Callender, William Locke và Simon Marginson, Bloomsbury. Cuốn sách này là sản phẩm của Trung tâm Giáo dục Đại học Toàn cầu, được tài trợ bởi Hội đồng Nghiên cứu Kinh tế và Xã hội của Vương quốc Anh, Văn phòng Sinh viên và Nghiên cứu Anh.*

**B**ài viết này đánh giá những phương pháp tiếp cận kiểu hình mẫu và lập bản đồ hiện hữu để trả lời ba câu hỏi: Giảng dạy xuất sắc được định nghĩa thế nào? Giảng dạy xuất sắc được đo lường thế nào? Kế hoạch giảng dạy xuất sắc giúp nâng cao việc dạy và học như thế nào? Những câu trả lời sẽ cho phép xác định những nguyên tắc để phát triển những cách tiếp cận hiệu quả hơn, nhằm đạt được sự xuất sắc trong giảng dạy trên toàn hệ thống.

### Giảng dạy xuất sắc được định nghĩa như thế nào?

Theo cách tiếp cận kiểu hình mẫu, giảng dạy xuất sắc được định nghĩa bởi những ứng viên đăng ký đạt danh hiệu “xuất sắc”. Logic của các cách tiếp cận này là mỗi ứng viên xây dựng một báo cáo kèm theo bằng chứng về cách giảng dạy xuất sắc của mình. Điều này cho phép hình thành nhiều định nghĩa khác nhau về giảng dạy xuất sắc.

Ngược lại, những phương pháp lập bản đồ xác định rõ những kết quả mong muốn của việc giảng dạy xuất sắc và sau đó đánh giá những kết quả này trên toàn hệ thống. Ví dụ, trong TEF, các trường đại học được đánh giá theo

**Tóm tắt**

Có hai cách tiếp cận thúc đẩy giảng dạy xuất sắc toàn hệ thống: cách tiếp cận “hình mẫu” (exemplar) và “lập bản đồ” (mapping). Những phương pháp tiếp cận kiểu “hình mẫu” tập trung vào việc xác định những trường hợp giảng dạy xuất sắc cụ thể - giảng viên hoặc tổ chức - ở cấp quốc gia, và đã được áp dụng ở một số nước, như Phần Lan, Đức, Na Uy, Nam Phi và Vương quốc Anh. Phương pháp lập bản đồ tìm cách đánh giá công việc giảng dạy trên toàn bộ hệ thống, có thể là phạm vi quốc gia hoặc quốc tế. Hai ví dụ chính về phương pháp lập bản đồ là việc OECD thí điểm không thành công AHELO (Đánh giá Kết quả Học tập Giáo dục Đại học) và Khung Giảng dạy xuất sắc (TEF) ở Anh.

một loạt những thước đo dựa trên những đánh giá của sinh viên về đào tạo, tỷ lệ bỏ học của sinh viên và tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp. Bên thẩm định sẽ đưa ra đánh giá ban đầu về kết quả hoạt động của các tổ chức theo các thước đo trước khi xem xét đề cương giảng dạy xuất sắc do tổ chức đệ trình, hiệu suất hoạt động tính theo những thước đo này là yếu tố quan trọng nhất đóng góp vào kết quả TEF của tổ chức.

Cả hai cách tiếp cận đều không đưa ra một định nghĩa rõ ràng về giảng dạy xuất sắc, điều này cho thấy rõ trọng tâm của sự mâu thuẫn. Bằng cách nào những chương trình toàn hệ thống có thể xác định được tỷ lệ giảng dạy xuất sắc, nếu họ không biết giảng dạy xuất sắc là gì? Câu trả lời là họ dựa trên quan điểm ngầm định về những gì tạo nên sự xuất sắc trong giảng dạy, vốn không chịu sự giám sát của công chúng. Các phương pháp tiếp cận sẽ hiệu quả hơn nếu họ phát triển những định nghĩa rõ ràng về giảng dạy xuất sắc, phù hợp với những mục đích giáo dục của giáo dục đại học, và cho thấy cách mà giảng dạy đóng góp vào sự thành công của việc giáo dục sinh viên. Điều này gợi ý nguyên tắc đầu tiên để lập kế hoạch giảng dạy xuất sắc trên toàn hệ thống phải được xác định là: *Các kế hoạch giảng dạy xuất sắc trên toàn hệ thống cần đưa ra định nghĩa về giảng dạy xuất sắc, định nghĩa này phải phản ánh được mục đích giáo dục của giáo dục đại học.*

**Đánh giá giảng dạy xuất sắc thế nào?**

Theo những phương pháp tiếp cận kiểu hình mẫu, các ứng viên tự lập báo cáo về việc giảng dạy xuất sắc và cung cấp bằng chứng để hỗ trợ những báo cáo này. Một số loại bằng chứng cụ thể là yêu cầu bắt buộc, chẳng hạn như kết quả đánh giá của sinh viên về việc giảng dạy; nhưng những bằng chứng này có xu hướng được điều chỉnh cho phù hợp với báo cáo của ứng viên, vì ứng viên chính là người lựa chọn áp dụng những biện pháp nào và đưa ra lời giải thích vì sao chúng quan trọng.

Phương pháp lập bản đồ có xu hướng tập trung vào những thước đo chung về kết quả đầu ra của sinh viên, cho dù đây là những thước đo được lựa chọn trong TEF hay thành tích của sinh viên trong các bài kiểm tra thông thường như trong AHELO. Vấn đề mà phương pháp này gặp phải được gói gọn trong luật Goodhart rằng một khi một thước đo trở thành một chỉ số đo lường hiệu suất hoạt động, nó sẽ không còn là một thước đo tốt nữa. Mặc dù một thước đo có thể đồng biến cùng với chất lượng trong quá khứ, khi các tổ chức tìm cách tối đa hóa kết quả hoạt động của mình, mối quan hệ của thước đo với chất lượng đã mất đi. Điều này có thể được giải quyết bằng cách tập trung vào cả thước đo quá trình và thước đo kết quả, bởi vì điều này tạo ra một tình huống, trong đó cách đơn giản nhất để “sửa chữa” hệ thống là thực sự tham gia vào các quá trình nâng cao chất lượng dạy và học. Điều này không có nghĩa là không nên sử dụng các thước đo kết quả, mà là chúng cần được củng cố bởi những thước đo cung cấp bằng chứng về cách thức đạt được những kết quả này.

Nhìn chung, để đánh giá sự xuất sắc trong giảng dạy cần có một loạt thước đo riêng biệt tập trung vào cả quá trình và kết quả giảng dạy chất lượng cao. Với nguyên tắc 1, những thước đo này cần đưa ra bằng chứng về mức độ đạt được so với định nghĩa về giảng dạy xuất sắc. Do đó, định nghĩa của nguyên tắc thứ hai là: *Các thước đo sự xuất sắc trong giảng dạy trong toàn hệ thống cần phải phù hợp với định nghĩa về giảng dạy xuất sắc và tập trung vào các quá trình giáo dục cũng như kết quả giáo dục.*

*Nhìn chung, để đánh giá sự xuất sắc trong giảng dạy cần có một loạt thước đo riêng biệt tập trung vào cả quá trình và kết quả giảng dạy chất lượng cao.*

### **Giảng dạy xuất sắc cải thiện chất lượng thế nào?**

Các phương pháp tiếp cận kiểu hình mẫu và lập bản đồ xuất phát từ những quan điểm khác nhau về cách thức chúng nâng cao chất lượng giảng dạy. Các phương pháp tiếp cận kiểu hình mẫu dựa trên mô hình lan truyền của sự thay đổi, giả định rằng nếu những cá nhân, bộ phận hoặc tổ chức xuất sắc nhất được xác định và khen thưởng, thì họ sẽ chia sẻ những phương pháp xuất sắc của mình và giúp khuyến khích những người, đơn vị khác trở nên xuất sắc. Mặc dù những chương trình này có thể giữ vai trò cho thấy tầm quan trọng của giảng dạy và mang lại lợi ích đáng kể cho các cá nhân và bộ phận, nhưng chúng lại không hề giúp nâng cao việc dạy và học hàng ngày trong toàn hệ thống.

Các phương pháp tiếp cận kiểu lập bản đồ dựa trên mô hình cạnh tranh của thay đổi, trong đó những tổ chức xuất sắc nhất được khen thưởng và những tổ chức khác sẽ phải cải thiện thực tiễn của họ hoặc họ sẽ mất sinh viên và phải ngừng cung cấp các chương trình cấp bằng. Vấn đề với cách tiếp cận này là để nâng cao được chất lượng dạy và học, sẽ phải dựa vào những biện pháp giảng dạy xuất sắc hợp lệ, rõ ràng và chính xác; đồng thời dựa vào những người đăng ký áp dụng những biện pháp này để giảng dạy các chương trình có cấp bằng. Cả hai điều này dường như đều không đúng. Những vấn đề về đo lường sự xuất sắc trong giảng dạy đã được xem xét trong phần trước, và những nghiên cứu đều nhất quán cho thấy sinh viên có xu hướng không sử dụng thông tin theo cách này để đưa ra lựa chọn của mình.

Điều này cho thấy rằng cả hai phương pháp tiếp cận kiểu hình mẫu và kiểu lập bản đồ đều dựa trên những lý thuyết chưa hoàn chỉnh về sự thay đổi. Một cách tiếp cận thay thế có thể được phát triển dựa trên luật Goodhart. Nếu như để đo lường giảng dạy xuất sắc, chúng ta sử dụng một chỉ báo về mức độ các tổ chức tham gia vào những hoạt động thực tế mà theo đánh giá của các nghiên cứu, nó giúp nâng cao được chất lượng dạy và học, thì nhiều khả năng điều này sẽ khiến các tổ chức cải thiện được hoạt động của họ. Dựa trên những xem xét này về cách thức giảng dạy xuất sắc trong toàn hệ thống có thể giúp nâng cao chất lượng hoạt động, nguyên tắc thứ ba được định nghĩa như sau: *Hiệu suất của các biện pháp giảng dạy xuất sắc chỉ cải thiện được nhờ vào những cải tiến trong thực tiễn giảng dạy.*

**Tóm tắt**

Để thị trường hóa, giáo dục đại học cần được nhà nước hỗ trợ và cần một khung pháp lý phù hợp. Tuy nhiên, như vậy vẫn chưa đủ để thị trường hoạt động. Thị trường còn cần đến những tác nhân thị trường, những người tính toán và hành xử phù hợp với logic kinh tế. Các phương tiện thị trường (market devices) giúp biến sinh viên, nhân viên, người sử dụng lao động và những người khác trở thành những tác nhân như vậy. Bài viết này đề cập tới những công cụ thông tin thị trường giúp ta tính toán về mặt kinh tế, tổ chức những hoạt động được coi là có giá trị và xây dựng xã hội tương lai.

## Thông tin và thị trường giáo dục đại học

**Janja Komljenovic**

*Janja Komljenovic là Giảng viên về Giáo dục đại học tại Đại học Lancaster, Vương quốc Anh. Email: j.komljenovic@lancaster.ac.uk.*

*Bài viết này tóm tắt một chương trong cuốn "Thay đổi giáo dục đại học cho một thế giới đang thay đổi", được biên tập bởi Claire Callender, William Locke và Simon Marginson, Bloomsbury. Cuốn sách là sản phẩm của Trung tâm Giáo dục Đại học Toàn cầu, được tài trợ bởi Hội đồng Nghiên cứu Kinh tế và Xã hội Vương quốc Anh, Văn phòng Sinh viên và Nghiên cứu Anh.*

Giáo dục đại học trên thế giới ngày càng được thị trường hóa. Tuy nhiên, để thị trường giáo dục đại học hoạt động, việc thay đổi luật pháp hoặc đưa ra quy định về học phí là chưa đủ. Trong chương sách gần đây được xuất bản trong cuốn Thay đổi giáo dục đại học vì một thế giới đang thay đổi, tôi khảo sát vai trò của các phương tiện thị trường. Mặc dù đây là một danh mục dài và bao gồm mọi thứ từ thẻ giá đến giỏ hàng, từ màn hình máy tính đến phân tích dữ liệu, từ công thức đến xếp hạng, và nhiều loại khác nữa, tôi tập trung vào những công cụ thông tin thị trường trong giáo dục đại học. Qua bốn minh họa dưới đây, tôi chỉ ra cách thức hoạt động của những công cụ này.

### Bốn đối tượng khảo sát

Những công cụ thông tin thị trường được khảo sát gồm Unistats (nay là Discover Uni), một trang web của Anh cung cấp thông tin chương trình học tập cho sinh viên tương lai. Unistats có giao diện trực quan cho người dùng để làm nổi bật những nét đặc thù của các chương trình và các trường đại học, còn những thông tin khác không có hoặc khó tìm. Trường hợp thứ hai minh họa cho những thông điệp tiếp thị của Coursera hướng đến khách hàng doanh nghiệp. Những con số và thông điệp mà Coursera truyền tải đến khách hàng đóng khung một hiện thực đặc biệt, trong đó chất lượng được xác định bởi thương hiệu và uy tín của trường đại học, và giá trị của các khóa MOOC được xác định bằng cách quy đổi những kỹ năng học được thành tiền. Minh họa thứ ba đề cập đến các đại lý tuyển sinh quốc tế. Những sự kiện do các nhà môi giới này tổ chức có tác dụng như thông tin thị trường báo hiệu độ tin cậy mà các trường đại học có thể tin nhiệm. Cuối cùng là khảo sát dữ liệu và phân tích của LinkedIn về lao động và kỹ năng. Các thuật toán của LinkedIn, dựa trên hiệu ứng mạng, thể hiện giá trị của những kỹ năng cụ thể, đối chiếu ứng viên với công việc và tạo ra nhiều cơ hội học tập và làm việc. Mặc dù những phương tiện được đề cập tới trong bốn minh họa nói trên đều khác biệt về cách thức hoạt động, nhưng chúng có nhiều điểm chung hơn ta nghĩ ban đầu.

### Phương tiện thị trường khiến các tác nhân phải tính toán

Công cụ thông tin thị trường trang bị cho các tác nhân thị trường những thông tin được thể hiện sẵn dưới một hình thức cụ thể. Chính các phương tiện này cũng tự tính toán, so sánh và cung cấp cho các cá nhân những giải pháp sẵn sàng. Ví dụ hãy nghĩ về dữ liệu và những đề xuất của LinkedIn về con người, kỹ năng của họ, các khóa đào tạo, để xuất việc làm, tất cả đều dựa trên giải thuật của nó. Tính tự nhiên và logic của những phương tiện này trở

nên thiết yếu đối với bản chất của thị trường giáo dục đại học vì chúng can thiệp vào tính hợp lý của từng cá nhân, vào việc tạo ra ý nghĩa và đưa ra quyết định. Chúng ta không sinh ra đã là homo economicus (con người kinh tế), nhưng chúng ta được đào tạo thành những homo economicus với sự trợ giúp của những công cụ như vậy. Thậm chí còn hơn thế, chúng ta được đào tạo thành những homo economicus đặc biệt, biết tính toán với những thông tin và giải pháp do các phương tiện thị trường cung cấp.

*Mặc dù các công cụ thông*

*tin thị trường là để mang*

*lại tính minh bạch cho hệ*

*thống, và chúng đã làm*

*được ở chừng mực nào*

*đó, thực tế chúng vẫn khá*

*tù mù.*

### **Phương tiện thị trường tù mù**

Mặc dù các công cụ thông tin thị trường là để mang lại tính minh bạch cho hệ thống, và chúng đã làm được ở chừng mực nào đó, thực tế chúng vẫn khá tù mù. Những công cụ này dựa vào nhiều bước phân loại trước khi công bố thông tin nhất định. Ví dụ, việc xếp hạng đại học và bảng phân nhóm trong các giải thi đấu thể thao đều phải dựa vào những thước đo tổng hợp, đa diện. Những thước đo này được quảng bá là khách quan và đáng tin cậy để đại diện cho thế giới, nhưng trên thực tế, chúng cũng diễn giải, phân loại và sắp xếp thế giới. Một mặt, công cụ thông tin thị trường phục vụ chức năng thông tin cho các tác nhân thị trường và cho họ cơ hội chọn cách tính toán, mặt khác, chúng cũng là những thiết bị chấm điểm và phân loại các cá nhân và cơ sở đào tạo.

### **Các phương tiện thị trường tương tác và xây dựng những tiêu chí giá trị mới**

Theo cách riêng, các công cụ thông tin thị trường xác định và hình thành nên những tiêu chí giá trị mới. Ví dụ, các tiêu chí xếp hạng, phân nhóm trường đại học xác định thứ mà ta hiểu là chất lượng đại học. Hoặc một ví dụ khác là Coursera cung cấp một quan điểm được quy đổi ra tiền về giá trị của các khóa học MOOC cho các khách hàng doanh nghiệp. Theo cách này, giá trị kinh tế của các khóa học được đặt lên trên những hình thức giá trị khác mà khóa học có thể mang lại cho nhân viên, chẳng hạn như kiến thức hoặc sự phát triển cá nhân.

Những phương tiện thị trường hiện có trong giáo dục đại học trên thế giới thường tương tác với nhau trong phạm vi nào đó, hoặc có thể chia sẻ nhiều khu vực thị trường. Ví dụ, Coursera và LinkedIn tương tác với nhau bằng việc Coursera cho phép người học đưa vào hồ sơ LinkedIn của họ, chỉ bằng một nhấp chuột, những chứng chỉ họ đã đạt được và đã trả phí. Một ví dụ khác là các đại lý tuyển sinh sử dụng trang web Discover Uni để tư vấn chọn trường cho sinh viên. Vì các công cụ thông tin thị trường thường vượt ra phạm vi toàn cầu, nên cuộc cạnh tranh quyền lực giữa những cấu trúc và logic khác nhau của những phương sách này cũng trở nên toàn cầu. Nói chung, dường như các công cụ thị trường giáo dục đại học hình dung giá trị của giáo dục đại học theo cách cá thể hóa, linh hoạt, tách nhóm riêng, đo lường được và thiết thực.



### **Các phương tiện thị trường xây dựng xã hội tương lai**

Các công cụ thông tin thị trường thường vẽ ra một tương lai cụ thể. Bằng cách hỗ trợ các cá nhân trong việc tính toán và ra quyết định, những công cụ này góp phần hiện thực hóa tương lai đã được dự đoán. Ví dụ, Unistats cung cấp thông tin về mức lương của người tốt nghiệp những chương trình xác định ở những trường đại học cụ thể. Mặc dù đó sẽ là thông tin quá khứ đối với những sinh viên sẽ tốt nghiệp trong tương lai, nhưng nó vẫn có giá trị tham khảo ở thời điểm hiện tại về tương lai sẽ tới. Mỗi công cụ thông tin thị trường mô tả tương lai theo một cách riêng. Nhưng tương lai để xuất tổng thể dường như sẽ ngày càng cạnh tranh, kỹ thuật số, định lượng, và kết nối mạng.

### **Đâu là bước tiếp theo?**

Các công cụ thông tin thị trường giáo dục đại học đang mở rộng cả về quy mô (nhiều nội dung hơn), phạm vi (mở rộng những yếu tố hơn), độ rộng (các công cụ khác nhau khai thác cùng những bộ dữ liệu nhưng tạo ra những tổ hợp dữ liệu khác nhau, đồng thời thêm vào một số dữ liệu riêng của mình), và chiều dài thời gian (lịch sử và tương lai). Do đó, quan trọng là các nhà hoạch định chính sách, các bên liên quan và những người dùng khác hiểu được cách thức hoạt động của những công cụ này, vì chúng đang góp phần tạo ra lĩnh vực giáo dục đại học trong những hình thức thị trường hóa. Vấn đề quan trọng là sử dụng bộ phân loại nào hoặc dùng công thức nào để tính toán. Đây không phải là những lựa chọn phi chính trị. Những phương tiện khác nhau có những hệ quả khác nhau, nên việc xem xét kỹ lưỡng bản chất và tác động của chúng cho phép chúng ta thảo luận về cách thức thị trường giáo dục đại học có thể thúc đẩy hoặc làm suy giảm bình đẳng và công bằng xã hội nói chung.

## **Quan hệ Trung Quốc - toàn cầu: chiến tranh lạnh về giáo dục đại học?**

**Lizhou Wang và Wen Wen**

*Lizhou Wang là Trợ lý nghiên cứu và là Nghiên cứu sinh tại Trung tâm Giáo dục Đại học Quốc tế, Boston College, Hoa Kỳ. Email: wangliz@bc.edu. Wen Wen là Phó Giáo sư về Giáo dục đại học tại Viện Giáo dục và là Phó Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu châu Á, Đại học Thanh Hoa, Trung Quốc. Email: wenwen@tsinghua.edu.cn.*

**C**ó những dấu hiệu cho thấy chúng ta đang ở thời điểm quyết định trong mối quan hệ học thuật và khoa học giữa Trung Quốc và phần còn lại của thế giới. Bài báo này trình bày những khía cạnh quan trọng của những diễn biến hiện tại. Trong khi những hoạt động trao đổi và hợp tác quốc tế giữa các sinh viên, học giả và nhà nghiên cứu đã đóng góp đáng kể vào hiểu biết đa văn hóa, sản xuất tri thức toàn cầu, nghiên cứu và xuất bản, thì tại thời điểm bài viết này ra đời, các mối quan hệ đang trở nên bất bình hơn.

### Loại trừ “ảnh hưởng” Trung Quốc trong các cơ sở đào tạo của Hoa Kỳ

Chính quyền của Tổng thống Trump đã áp đặt những hạn chế lên giáo dục và giao lưu quốc tế, thúc đẩy chương trình nghị sự về chống nhập cư và gián điệp nước ngoài. Trong đại dịch, Cơ quan Thực thi Di trú và Hải quan Hoa Kỳ đã đưa ra một chính sách nhập cư mới khiến sinh viên quốc tế bị trục xuất nếu họ không đến trường học, mặc dù chính sách này đã bị hủy bỏ sau khi các cơ sở giáo dục đại học và tổng chưởng lý của 20 bang khởi kiện. Bộ An ninh Nội địa Hoa Kỳ đang lên kế hoạch giới hạn bốn năm đối với sinh viên quốc tế tại Hoa Kỳ, nhằm ngăn chặn các đối thủ nước ngoài khai thác môi trường giáo dục của đất nước.

Nhiều hành động nhắm vào các học giả và nghiên cứu viên Trung Quốc với lý do một số người có thể đã có được công nghệ, dữ liệu và tài sản trí tuệ nhạy cảm của Mỹ. Vào tháng 5, Tổng thống Donald Trump đã ký tuyên bố cấm những nghiên cứu sinh và sinh viên Trung Quốc có quan hệ với Quân Giải phóng Nhân dân nhập cảnh vào Hoa Kỳ, làm ảnh hưởng đến khoảng 3.000 đến 4.000 sinh viên. Ngay sau đó, Hoa Kỳ thu hồi visa của hơn 1.000 sinh viên và nghiên cứu viên Trung Quốc bị coi là những kẻ đe dọa an ninh. Ngoài ra, những sinh viên nhận tài trợ từ Hội đồng Học bổng Trung Quốc (CSC, một cơ quan chính phủ chịu trách nhiệm trao đổi sinh viên và học giả quốc tế) ngày càng bị xem xét kỹ lưỡng tại các sân bay Hoa Kỳ. Sau khi học kỳ mùa thu bắt đầu, trường Đại học Bắc Texas đã chấm dứt chương trình trao đổi với 15 nhà nghiên cứu do CSC tài trợ và yêu cầu họ rời khỏi đất nước trong vòng 30 ngày. Hơn nữa, các quan chức liên bang đã chấm dứt chương trình trao đổi Fulbright ở Hồng Kông và Trung Quốc Đại lục, đồng thời cấm các nhà ngoại giao Trung Quốc đến thăm khuôn viên các trường đại học mà không có sự cho phép của chính phủ Hoa Kỳ.

Các trường đại học, bị nhiều quan chức chính quyền Trump coi là chiến trường quan trọng, bị thanh tra vì các phòng thí nghiệm của trường phát triển những công cụ quan trọng cho công nghệ Internet tương lai, y học, chiến tranh và kinh tế trong tương lai. Bộ Giáo dục Hoa Kỳ đã điều tra hơn một chục trường đại học, bao gồm Đại học Stanford và Đại học Fordham, về việc nhận quà tặng và hợp đồng nước ngoài, đặc biệt là từ Trung Quốc. Những cơ sở này phải nộp tài liệu về tất cả các hợp đồng và quà tặng nước ngoài từ thập kỷ trước; những thông tin trao đổi với tất cả nghiên cứu viên và học giả Trung Quốc được mời đến làm việc trong thời gian đó; và thông tin về bất kỳ mối liên hệ nào mà những người này từng có với chính phủ hoặc quân đội Trung Quốc - điều mà chính phủ, chứ không phải các trường đại học, sàng lọc trong quá trình xin thị thực.

### Vòng quanh thế giới

Chính phủ Úc được cho là đã tiến hành một cuộc điều tra ở phạm vi rộng về sự can thiệp nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục. Mối liên kết của các trường đại học với Trung Quốc - là kênh dẫn hàng tỷ đô la đổ vào lĩnh vực giáo dục đại học của Úc, chủ yếu thông qua học phí từ gần 150 ngàn sinh viên - chưa bao giờ bị giám sát chặt chẽ như vậy. Tại

### Tóm tắt

Vào năm 2020, khi quan hệ song phương giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc và nguy cơ “chia tách” hay “Chiến tranh Lạnh mới” ngày càng xấu đi, giáo dục đại học luôn bị chỉ trích vì bản chất quốc tế của nó. Giáo dục đại học được hình thành dựa trên sự tồn tại của những phong trào và trao đổi toàn cầu mở và tự do cho phép các tổ chức và cá nhân tạo ra sản phẩm khoa học. Làm thế nào để giáo dục đại học giữ vững được vị trí của mình trong thời kỳ địa chính trị hỗn loạn này là vấn đề sống còn đối với tương lai của nó.

*Brussels đang xây dựng*

*một khuôn khổ chung*

*nhằm xác định rõ hơn cách*

*thức mà các trường đại học*

*và tổ chức nghiên cứu châu*

*Âu nên hợp tác với Trung*

*Quốc, có cân nhắc những*

*vấn đề an ninh và quyền sở*

*hữu trí tuệ.*

Canada, Cơ quan Tình báo An ninh Canada cảnh báo rằng Chương trình Ngân Nhân tài của Trung Quốc đã sử dụng "những chiến thuật ăn mòn, được thực hiện nhằm thúc đẩy những mục tiêu kinh tế và chiến lược của các quốc gia thù địch", và bày tỏ lo ngại về việc các giáo sư Canada tham gia vào chương trình này.

Các Viện Khổng Tử, những địa điểm quan trọng nhất cho việc trao đổi và xuất khẩu ngôn ngữ và văn hóa Trung Quốc, đang bị đóng cửa trên toàn thế giới. Quốc hội Hoa Kỳ đã chặn không cho những trường đại học có Học viện Khổng Tử nhận những khoản tài trợ nhất định của Bộ Quốc phòng - một chiến lược lưỡng đảng khiến nhiều cơ sở đào tạo phải đóng cửa. Các trường đại học và trường công lập ở Bỉ, Đức và New South Wales ở Úc cũng chấm dứt quan hệ với các Viện Khổng Tử. Thụy Điển đã đóng cửa tất cả các Viện và Lớp học Khổng Tử.

Tại châu Âu, Tổng giám đốc nghiên cứu và đổi mới của Ủy ban châu Âu đã nêu quan ngại về mối quan hệ không cân bằng giữa Liên minh châu Âu và Trung Quốc, bao gồm dữ liệu mở, hợp tác nghiên cứu và trao đổi học thuật. Mặc dù vẫn nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tiếp tục hợp tác, Brussels đang xây dựng một khuôn khổ chung nhằm xác định rõ hơn cách thức mà các trường đại học và tổ chức nghiên cứu châu Âu nên hợp tác với Trung Quốc, có cân nhắc những vấn đề an ninh và quyền sở hữu trí tuệ.

### **Trong khi đó, ở Trung Quốc**

Hơn bốn thập kỷ qua kể từ khi mở cửa, nền giáo dục đại học của Trung Quốc đã phát triển thịnh vượng thông qua việc hợp tác và trao đổi quốc tế. Các trường đại học nghiên cứu hàng đầu của Trung Quốc đang dẫn đầu trong các bảng xếp hạng toàn cầu. Các nhà khoa học Trung Quốc, đặc biệt trong các lĩnh vực STEM, đang tạo ra những nghiên cứu và công bố có tác động cao. Với gần 500 ngàn sinh viên quốc tế, Trung Quốc đã trở thành điểm đến du học lớn nhất châu Á.

Trong khi đó, những bất ổn địa chính trị toàn cầu gần đây và sự nhạy cảm về chính trị trong nước đã và đang ảnh hưởng đến các trường đại học Trung Quốc. Rào cản hiển nhiên đối với những nhà nghiên cứu và học giả Trung Quốc đi theo hướng sản xuất và trao đổi sản phẩm khoa học quốc tế là quyền tiếp cận thông tin. Trong khi mọi người trên thế giới đều tham gia vào những cuộc họp ảo qua Zoom, thì nền tảng này và những nền tảng nghiên cứu, truyền thông và mạng xã hội phổ biến khác như Google Scholar và YouTube lại không dễ dàng truy cập được ở Trung quốc Đại lục.

Từ năm 2016, nhằm nâng cao sức mạnh mềm và chất lượng học thuật tổng thể, Trung Quốc bắt đầu xây dựng "một hệ thống triết học và khoa học xã hội mang đặc trưng Trung Quốc". Cải cách Đánh giá Nghiên cứu của Trung Quốc, được công bố vào mùa xuân năm 2020, dự kiến sẽ chấm dứt sự sùng bái đối với Chỉ số Trích dẫn Khoa học và khuyến khích các học giả giải quyết những vấn đề của Trung Quốc trong bối cảnh riêng của họ bằng tiếng Trung. Trong khi đó, các học giả được khuyến khích "kể hay câu chuyện của Trung Quốc" với thế giới

bên ngoài, bằng cách sử dụng ngôn từ học thuật với những đặc điểm của Trung Quốc thay vì “giải quyết những vấn đề Trung Quốc qua lăng kính của Mỹ”. Sáng kiến này có thể thách thức hệ thống kiến thức học thuật chủ yếu dùng tiếng Anh và tác động đến hợp tác quốc tế.

Nhiều học giả phương Tây dự đoán rằng vai trò lãnh đạo của Đảng được nâng cao trong các trường đại học, đặc biệt trong việc xây dựng đội ngũ nhân tài, nghiên cứu và chương trình giảng dạy - nhiều khả năng sẽ tác động tiêu cực đến sự phát triển các ngành khoa học của Trung Quốc. Trong khi đó, một số học giả Trung Quốc cho rằng đây là đặc điểm thống trị và nổi bật nhất của một trường đại học Trung Quốc, khiến nó trở thành “ý tưởng hoặc mô hình Trung quốc về một trường đại học”, nếu có một mô hình như vậy.

### **Hệ quả**

Cuộc Chiến tranh Lạnh mới này có ảnh hưởng lan tỏa rõ ràng đến giáo dục đại học, tác động đến các cá nhân và tổ chức trên toàn thế giới. Trung Quốc từ lâu đã trở thành quốc gia dẫn đầu thế giới về số lượng sinh viên ra nước ngoài du học. Chỉ riêng tại Hoa Kỳ, đã có hơn 360 ngàn sinh viên quốc tế người Trung Quốc trong năm 2018, trong đó 133.4 ngàn học chương trình sau đại học. 9 trong 10 sinh viên ở lại Hoa Kỳ sau khi lấy bằng tiến sĩ, trở thành nguồn cung cấp chính các nhà khoa học, nhà nghiên cứu và giáo sư hàng đầu, đặc biệt trong các lĩnh vực STEM. Trong bối cảnh mối quan hệ Trung - Mỹ ngày càng xấu đi, dữ liệu khảo sát cho thấy trong sinh viên Trung Quốc mức độ sẵn sàng và tự tin để học tập ở Hoa Kỳ thấp hơn. Số lượng ứng viên quốc tế nộp đơn vào các chương trình tiến sĩ của nhiều khoa STEM bị sụt giảm.

Khi căng thẳng gia tăng, nhiều sinh viên muốn học tập, và làm việc sau khi tốt nghiệp ở những quốc gia có thái độ và chính sách thân thiện hơn, chẳng hạn như Canada, Vương quốc Anh và những nơi khác ở châu Âu. Một phân tích gần đây của Đại học Georgetown cho thấy sự gia tăng 75% số đơn đăng ký thành công của cư dân Hoa Kỳ vào các chương trình nhập cư có tay nghề cao của Canada kể từ năm 2017. Tất cả số tăng trưởng này có được là do những ứng viên không phải là công dân Hoa Kỳ, nhiều người trong số họ được đào tạo tại Hoa Kỳ.

Về phía các cơ sở đào tạo và các học giả, những thủ tục rườm rà trong việc nộp tài liệu và báo cáo về những ảnh hưởng của nước ngoài có thể ngăn cản họ xúc tiến và mời gọi hợp tác quốc tế.

### **Tương lai mờ mịt**

Hoa Kỳ và Trung Quốc là hai quốc gia lớn nhất và có ảnh hưởng nhất trong việc tạo ra tri thức. Sự hợp tác giữa hai quốc gia này thúc đẩy sự phát triển khoa học và giáo dục đại học toàn cầu. Mặc dù việc hợp tác với Trung Quốc được coi là có tổng bằng không, nhưng hợp tác khoa học quốc tế tạo ra kết quả có tổng dương. Bất kể môi trường chính trị và kinh tế bên ngoài như thế nào, các cơ sở giáo dục đại học nên giữ vững những giá trị cơ bản của tư duy tự do và phản biện và theo đuổi chân lý.

**Tóm tắt**

Những hành động của Hoa Kỳ nhằm hạn chế hợp tác nghiên cứu với Trung Quốc trong những lĩnh vực công nghệ then chốt và khoa học công nghệ cao ngày càng được xem là một phần của cuộc chiến công nghệ, nếu không muốn nói là cuộc chiến ý thức hệ. Những nước khác như Úc, châu Âu và Nhật Bản cũng thiết lập những biện pháp hạn chế hợp tác trong những lĩnh vực công nghệ cao nhạy cảm, với lý do quan ngại về an ninh và lo mất tài sản trí tuệ. Nếu không đủ tinh tế, những biện pháp như vậy tiềm ẩn nhiều rủi ro và có thể làm suy yếu những mạng lưới nghiên cứu quan trọng và lâu đời với Trung Quốc.

**Những hành động của Hoa**

**Kỳ là một phần của cái gọi**

**là cuộc chiến thương mại**

**Mỹ-Trung, nay ngày càng**

**được nhìn nhận là một**

**cuộc chiến công nghệ, và**

**thậm chí có thể là chiến**

**tranh lạnh về ý thức hệ.**

## Thời điểm thách thức cho quan hệ khoa học - công nghệ của Trung Quốc với nước ngoài

**Anthony Welch**

*Anthony Welch là Giáo sư Giáo dục, Trường Giáo dục & Công tác Xã hội, Đại học Sydney, Úc. Email: anthony.welch@sydney.edu.au.*

Việc Hoa Kỳ quyết định thu hồi visa của 1.000 sinh viên sau đại học và các nhà nghiên cứu từ Trung Quốc là một ví dụ gần đây về việc gia tăng hạn chế quan hệ nghiên cứu khoa học và công nghệ giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc. Những hành động trước đó bao gồm việc bắt giữ một số nhà khoa học Trung Quốc, những người không thừa nhận đã được hỗ trợ tài chính từ những quỹ nghiên cứu của Trung Quốc, trong đó có một quỹ nằm trong chương trình “tài năng nước ngoài” quan trọng của Trung Quốc.

Nhưng những hành động như vậy, bao gồm cả việc truy tố những nhà nghiên cứu Trung Quốc không thừa nhận có mối liên hệ quân sự, đã bị một số nhà nghiên cứu Hoa Kỳ chỉ trích. Họ nêu ra trường hợp những nhà nghiên cứu y khoa Trung Quốc bị nghi ngờ một cách mặc nhiên, đơn giản chỉ vì bệnh viện Trung Quốc - nơi họ làm việc - có một số liên kết với quân đội. Những tuyên bố gây tranh cãi liên quan đến gián điệp công nghiệp và quan ngại về những nghiên cứu có ứng dụng quân sự được đưa ra sau khi Hoa Kỳ từ chối cấp thị thực cho các nhà nghiên cứu Trung Quốc trong các lĩnh vực STEM, đặc biệt những người liên quan đến chính sách Made in China 2025 của Trung Quốc ưu tiên những lĩnh vực công nghệ cao quan trọng như CNTT, robot, công nghệ hàng không vũ trụ, vật liệu mới và công nghệ sinh học (liên quan đến nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn thì vấn đề hơi khác, bao gồm ngôn ngữ, các khung diễn giải và nhận thức khác nhau, cũng như sự kiểm duyệt và “Bức tường lửa vĩ đại” của Trung Quốc). Để đối phó với việc bị hủy visa, một số sinh viên Trung Quốc đã đăng trực tuyến một danh sách đường như chỉ bao gồm những tổ chức có liên kết với quân đội Trung Quốc.

### Những hạn chế đang lan rộng

Những hành động của Hoa Kỳ là một phần của cái gọi là cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung, nay ngày càng được nhìn nhận là một cuộc chiến công nghệ, và thậm chí có thể là chiến tranh lạnh về ý thức hệ. Những tham chiếu nghiên cứu trong tài liệu "Phương pháp tiếp cận chiến lược" năm 2020 của Nhà Trắng liệt kê hàng vi chiếm đoạt công nghệ, ăn cắp tài sản trí tuệ, vi phạm bí mật và không khai báo những lợi ích nước ngoài. Nhưng những động thái nhằm hạn chế hợp tác nghiên cứu quốc tế đang lan rộng. Sự hợp tác lâu dài và thực chất của Liên minh châu Âu với các nhà nghiên cứu Trung Quốc gần đây đã bị Jean-Eric Pacquet - Tổng Giám đốc Ủy ban châu Âu về nghiên cứu và đổi mới - thách thức khi ông cảnh báo Bắc Kinh thiếu minh bạch về dữ liệu khoa học và hạn chế hợp tác trong một số lĩnh vực khoa học mạnh nhất của Trung Quốc. Theo Pacquet, Liên minh châu Âu không còn tin rằng những mối liên kết khoa học với Trung Quốc là có đi có lại. Ông lập luận rằng, trong khi việc tiếp cận khoa học của châu Âu là tự do

và cởi mở, thì việc tiếp cận Trung Quốc rất “cồng kềnh và đôi khi bị hạn chế một cách hình thức”. Những quan ngại như thế, gồm cả việc chuyển giao công nghệ bắt buộc, báo trước sẽ có một khung quy định nhằm xác định rõ hơn quan hệ đối tác của các trường đại học và tổ chức nghiên cứu châu Âu với Trung Quốc, bao gồm những vấn đề như an ninh quốc gia và quyền sở hữu trí tuệ. Cũng như với Hoa Kỳ, lập trường thay đổi về hợp tác nghiên cứu là một phần trong quá trình chuyển đổi rộng hơn của Liên minh châu Âu: từ việc coi Trung Quốc là đối tác chiến lược, chuyển sang coi Trung Quốc là đối thủ có hệ thống vào tháng 3 năm 2019.

Nhật Bản cũng đang cân nhắc kiểm soát chặt chẽ hơn đối với các nhà nghiên cứu và nhà khoa học Trung Quốc, trong một nỗ lực ngăn chặn rò rỉ nghiên cứu công nghệ cao ở những lĩnh vực như điện toán lượng tử, trí tuệ nhân tạo và sản xuất chất bán dẫn. Có những đề xuất hướng dẫn thắt chặt việc kiểm tra thị thực và yêu cầu các trường đại học và cơ sở nghiên cứu của Nhật Bản kê khai mọi thu nhập từ nghiên cứu nước ngoài. Tuy nhiên, trong năm 2017, Nhật Bản có 6.313 nhà nghiên cứu quốc tế là người Trung Quốc (trong tổng số 39.473), nhưng chưa rõ bao nhiêu người trong số họ có chuyên môn trong những lĩnh vực công nghệ cao, nhạy cảm. Ngoài ra, một số nhà khoa học Nhật Bản bày tỏ lo ngại rằng những biện pháp bảo vệ nghiên cứu nhạy cảm và tăng cường tính toàn vẹn của nghiên cứu không nên hạn chế khoa học mở và đổi mới, hay nỗ lực nghiên cứu quốc gia của Nhật Bản.

Giữa những tuyên bố về sự gia tăng can thiệp nước ngoài, Úc đã đề xuất một cuộc điều tra của quốc hội về ảnh hưởng nước ngoài. Cuộc điều tra đặc biệt chú trọng vào các trường đại học trong nước và liệt kê những mối quan ngại về hợp tác nghiên cứu. Mặc dù không có quốc gia nào được đề cập cụ thể, nhưng rõ ràng việc này là nhằm vào Trung Quốc. Sự kiện hai nhà nghiên cứu Trung Quốc nổi tiếng bị cho là mở rộng những nghiên cứu của Úc ở Trung Quốc trở thành những mục tiêu đầu tiên và bị hủy visa, đã không tạo niềm tin rằng một chiến lược tinh tế đang được áp dụng. Với sự tài trợ của Trung tâm Tương tác Toàn cầu của Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ, Viện Chính sách Chiến lược Úc đã xây dựng Chương trình Theo dõi các Trường đại học Quốc phòng vào năm 2019: một cơ sở dữ liệu về những cơ sở đào tạo Trung Quốc tham gia vào nghiên cứu khoa học và công nghệ có liên quan đến quân sự hoặc an ninh. Trang web này bao gồm các mục thông tin riêng lẻ về gần 100 trường đại học dân sự, 50 cơ sở đào tạo của Quân đội Giải phóng Nhân dân, 3 cơ sở đào tạo của Bộ Nội vụ và 12 tập đoàn công nghiệp quốc phòng thuộc sở hữu nhà nước.

### **Khác với Hoa Kỳ: Liên minh châu Âu và châu Á**

Hoa Kỳ đang gây sức ép buộc tất cả đồng minh của mình đi theo hướng kiểm chế Trung Quốc, kể cả trong hợp tác nghiên cứu. Nhật Bản có thể làm theo. Nhưng Trung Quốc vẫn muốn hợp tác quốc tế và rất ít bằng chứng cho thấy cả châu Âu hoặc phần lớn châu Á muốn giới hạn những lựa chọn của mình chặt chẽ như vậy. Ví dụ, chọn đứng về bên nào, sẽ rất mâu thuẫn với mong muốn lâu nay của ASEAN trong việc bảo vệ, tối đa hóa không gian vận động giữa hai siêu cường quốc ngày càng cạnh tranh

và khó tính này. Không quốc gia thành viên ASEAN nào bày tỏ dấu hiệu về mong muốn hạn chế hợp tác nghiên cứu với Trung Quốc - đối tác tri thức lớn của nhiều hệ thống nghiên cứu trong ASEAN trên thực tế. Chẳng hạn ngay cả Việt Nam, với một lịch sử lâu dài và phức tạp trong quan hệ với Trung Quốc, cũng không có dấu hiệu muốn cắt giảm quan hệ nghiên cứu với nước láng giềng khổng lồ thường xuyên gây rắc rối cho mình. Ngoài ra, tại một số quốc gia trong ASEAN, các trường đại học và cơ sở nghiên cứu đang sử dụng một số lượng lớn nhân lực kỹ năng cao từ cộng đồng tri thức Trung Quốc.

### **Rủi ro**

Những ví dụ trên cho thấy những quan ngại về an ninh quốc gia đang chi phối các quyết định về hợp tác nghiên cứu quốc tế. Nhưng kèm theo điều đó là những rủi ro. Đầu tiên là có thể đánh vỡ bình vì ném chuột. Rõ ràng là cần một sự tinh vi hơn trong việc phân biệt những dự án công nghệ cao nhạy cảm với nhiều dự án khác không gây rủi ro về an ninh quốc gia. Như Denis Simon, chuyên gia về sự trỗi dậy của nền khoa học Trung Quốc và là cựu giám đốc điều hành cao cấp tại Đại học Duke Kunshan ở Tô Châu, mới đây đã nói, “Giả định về một âm mưu toàn diện là quá xa so với thực tế”.

Rủi ro thứ hai của cách tiếp cận quá phiến diện là nhiều nhà nghiên cứu thiên tài của Trung Quốc có thể quyết định không đến Hoa Kỳ hoặc những hệ thống khác có những hạn chế tương tự. Hoặc họ có thể rời khỏi Hoa Kỳ: Đã có bằng chứng đáng lo ngại cho thấy một số nhà nghiên cứu gốc Hoa đang rời đi. Những người khác chuyển hướng hợp tác nghiên cứu của mình sang Nhật Bản, Vương quốc Anh (tuy nhiên, quốc gia này gần đây đã công bố Đề án Công nghệ Phê duyệt Học thuật gồm những lệnh cấm có chọn lọc) hoặc châu Âu. Hiệu ứng này có thể là một chiến thắng cho Trung Quốc, nhưng là sự lỗ rỗng đối với nghiên cứu của Hoa Kỳ, như một số nhà nghiên cứu Hoa Kỳ đã cảnh báo.

Rủi ro cuối cùng được cho là đáng lo ngại nhất: sự trỗi dậy của chủ nghĩa dân tộc và chủ nghĩa bản địa trong một số hệ thống trên thế giới. Việc nâng cao an ninh quốc gia liên quan tới những lo ngại về ngoại giao và học thuật có thể làm suy yếu mạng lưới nghiên cứu song phương và quốc tế đã được thiết lập tốt và ngày càng củng cố đầu ra kết quả nghiên cứu toàn cầu. Khi một phần ba công bố khoa học trên toàn thế giới hiện nay là kết quả của sự hợp tác giữa các nhà nghiên cứu từ ít nhất hai quốc gia, và khi Trung Quốc và Hoa Kỳ là hai quốc gia cộng tác nhiều nhất trong những nghiên cứu đồng tác giả được công bố, việc loại trừ những đóng góp to lớn của Trung Quốc - nay đã là một trong những siêu cường về khoa học của thế giới - liệu có là hợp lý?

## Sinh viên Trung Quốc hoãn kế hoạch du học Mỹ

**Xiaofeng Wan**

*Xiaofeng Wan là Phó Giám đốc Tuyển sinh và Điều phối viên Tuyển sinh quốc tế của Đại học Amherst, Amherst, Hoa Kỳ. Email: xwan@amherst.edu.*

Hoa Kỳ đã chứng kiến sự gia tăng đáng kể số lượng du học sinh từ Trung Quốc trong các cơ sở đại học của họ trong hơn mười năm qua. Theo Viện Giáo dục quốc tế (IIE), trong niên khoá 2018 - 2019 các trường đại học Mỹ có khoảng 370 ngàn du học sinh Trung Quốc theo học, chiếm một phần ba tổng số sinh viên quốc tế. Theo Bộ Thương mại, năm 2018 du học sinh Trung Quốc đã đóng góp 15 tỷ đô la vào nền kinh tế Mỹ, tạo ra hàng ngàn công việc mới. Nhưng điều này có thể sớm thay đổi.

Theo báo cáo nghiên cứu số tháng Sáu của ChinaICAC - Viện Tư vấn Du học của Trung Quốc - 36% học sinh được khảo sát cho biết họ đã hoàn toàn gạt bỏ kế hoạch du học Mỹ. Trong số những lý do, 85% chỉ ra mối lo ngại chính của họ là những rủi ro tiềm ẩn về sức khoẻ ở Mỹ. Gần một nửa lo ngại về chính sách visa bất ổn và chủ nghĩa bài châu Á.

Ngày 28 tháng 5, Tổng thống Trump ký tuyên bố cấm nhập cảnh vào Mỹ đối với những sinh viên sau đại học và nghiên cứu viên có liên hệ với quân đội Trung Quốc, viện lý do ngăn chặn mất cắp tài sản trí tuệ và công nghệ. Tính đến ngày 8 tháng 9 năm 2020, chính quyền Mỹ đã thu hồi hơn 1000 visa của những công dân Trung Quốc bị coi là không đủ điều kiện thị thực dựa vào tuyên bố này. Động thái này làm tăng thêm nỗi lo lắng trong sinh viên Trung Quốc, rằng họ phải đối mặt với điều kiện visa gắt gao hơn nếu chọn học chuyên ngành STEM, và có khả năng bị phí phạm nhiều năm chuẩn bị. Khi quan hệ Trung-Mỹ tiếp tục xấu đi, những lo ngại về những chính sách thù địch hơn đối với sinh viên Trung Quốc và về việc họ bị sử dụng như những con tốt chính trị càng khiến các gia đình Trung Quốc lo lắng.

Sau đó, đại dịch hoành hành khắp nước Mỹ, làm bùng lên những cuộc tấn công phân biệt chủng tộc, bằng cả lời nói và hành động bạo lực, nhằm vào người châu Á, được cổ vũ bởi chính tổng thống Mỹ, người luôn gọi COVID-19 là "Virus Trung Quốc". Đây là những yếu tố gây lo lắng sâu sắc cho phụ huynh Trung Quốc khi cân nhắc những thứ được và mất nếu gửi con cái, phần đông là con một, du học xa nửa vòng trái đất.

### Chưa phải là điều tồi tệ nhất

Frances Zhang, giám đốc tuyển sinh Học viện WLSA Thượng Hải, nhận định về những tác động tiềm tàng của xu hướng các trường đại học Mỹ giảm tuyển sinh từ Trung quốc: "Mùa đông đang đến. Sẽ tác động chậm đến số lượng sinh viên Trung quốc nộp đơn vào các trường đại học Mỹ. Sự suy giảm thực sự sẽ thể hiện trong vòng hai hoặc 3 năm tới, khi những học sinh đang học lớp 9 và lớp 10 bước vào ngưỡng cửa đại học".

Số liệu mới đây cho thấy số lượng học sinh tham gia zhongkao (kỳ thi đầu vào trung học Trung Quốc) tăng 20% ở Bắc Kinh và 15% ở Thượng Hải. Trong khi đó nhiều chương trình quốc tế trong các trường trung học công lập cũng như tư thục trên toàn quốc báo cáo không đạt chỉ tiêu tuyển sinh, thậm chí rất lâu sau mùa tuyển sinh.

### Tóm tắt

Hoa Kỳ đã chứng kiến sự gia tăng đáng kể số lượng du học sinh từ Trung Quốc trong các cơ sở đại học của họ trong hơn mười năm qua. Tuy nhiên, đại dịch đang hoành hành khắp nước Mỹ, cùng với chính sách thị thực thù địch đối với sinh viên Trung Quốc và luận điệu bài ngoại của chính quyền Trump có thể làm đảo ngược xu hướng này. Các gia đình Trung Quốc vẫn quan tâm đến du học Mỹ, nhưng xu hướng đảo chiều sẽ có tác động lâu dài.

*Theo báo cáo nghiên cứu số tháng Sáu của ChinaICAC - Viện Tư vấn Du học của Trung Quốc - 36% học sinh được khảo sát cho biết họ đã hoàn toàn gạt bỏ kế hoạch du học Mỹ.*



Trong một hội thảo gần đây của Amherst, Williams và Yale với các hiệu trưởng trung học, hiệu trưởng một trường trung học công lập danh tiếng ở Tây An - đô thị của Thiểm Tây, miền tây Trung Quốc - đã than thở rằng chương trình quốc tế của họ chỉ đạt 40% chỉ tiêu tuyển sinh, và để giữ chân số học sinh này, nhà trường phải đưa các môn gaokao vào chương trình giảng dạy để học sinh đủ điều kiện thi vào các trường đại học Trung Quốc, đây là một động thái chưa từng có. Do phụ huynh đe dọa sẽ chuyển con cái họ sang trường khác nếu không làm như vậy.

Một công bố chính thức mới đây của Trung Quốc cho thấy lần đầu tiên UK vượt qua US trở thành điểm đến du học hàng đầu của sinh viên Trung Quốc. Tuy nhiên ngay cả những trường cung cấp chương trình tú tài A-Level độc quyền, và gửi hầu hết học sinh tốt nghiệp của họ đến các trường đại học UK cũng trong tình trạng suy giảm chung. Một chi nhánh trường trung học chọn lọc dạy bằng tiếng Anh ở tỉnh Giang Tô miền Nam Trung Quốc đã chứng kiến tỷ lệ tuyển sinh giảm 50% trong năm học này.

### **Hoa Kỳ còn chào đón sinh viên quốc tế không?**

Một trong những mối lo ngại chính của các gia đình Trung Quốc là Hoa Kỳ nói chung không còn chào đón họ nữa. Khác biệt về chính trị và văn hóa có thể là nguyên nhân gây ra tâm lý này, khi nhiều gia đình Trung Quốc liên kết luận điệu bài ngoại của chính quyền Trump với dư luận/ thái độ của xã hội Mỹ đối với giáo dục đại học.

Vụ kiện gần đây chống lại quy định mới của cục Thuế quan và Nhập cư Hoa Kỳ cấm nhập cảnh những sinh viên quốc tế chỉ tham gia học trực tuyến, với nguyên đơn là trường Harvard và MIT - cho thấy chính phủ Hoa Kỳ không có toàn quyền kiểm soát thái độ của các trường đại học đối với du học sinh. Bản thân vụ kiện và chiến thắng của các trường thể hiện sự trái ngược với những quy định của hệ thống.

Thêm vào đó, những thông tin sai lệch tràn lan trên mạng xã hội - WeChat và Weibo, xung quanh việc tuyển sinh đại học và tương lai của mối quan hệ Trung - Mỹ, càng làm gia tăng lo lắng trong các gia đình Trung Quốc - liệu có khôn ngoan không khi lựa chọn du học Hoa Kỳ. “Chúng tôi hy vọng sẽ có thêm nhiều thông tin trực tiếp từ các trường đại học đến với các gia đình Trung Quốc, nhằm thuyết phục phụ huynh rằng đại học Mỹ vẫn chào đón con em họ và để họ không dễ bị kích động bởi những thông tin sai lệch trên mạng xã hội”, Hiệu trưởng của một trong những trường trung học công lập uy tín nhất ở Bắc Kinh cho biết tại một hội thảo các hiệu trưởng gần đây.

### **Triển vọng trong tương lai**

Có một điều chắc chắn là các gia đình Trung Quốc vẫn thấy giá trị của việc gửi con cái đi du học Mỹ vì những tư tưởng và cơ hội hàng đầu mà nền giáo dục đại học Hoa Kỳ đại diện và cung cấp. Mặc dù tác động của cuộc khủng hoảng chính trị và dịch bệnh hiện nay có vẻ nghiêm trọng và sẽ còn kéo dài, nhưng mong muốn của các gia đình Trung Quốc cho con cái thụ hưởng một nền giáo dục tốt nhất sẽ vẫn không thay đổi.

Những phân tích trên cho thấy công tác tuyển sinh từ Trung Quốc trong vài năm tới đặt ra nhiều thách thức hơn bao giờ hết. Kiểm soát tốt đại dịch

chính là chìa khóa để khôi phục lại lòng tin của họ vào Hoa Kỳ. Trong trường hợp thiếu vắng sự lãnh đạo ở cấp quốc gia nhằm kiểm soát sự lây lan của virus và thu nhận nhân tài từ nước ngoài, giáo dục đại học phải đảm nhận nhiều công việc hơn. Phụ huynh sẽ không quan tâm đến việc chúng ta cung cấp được bao nhiêu tài nguyên, trước khi biết được chúng ta quan tâm đến lợi ích và an toàn của con cái họ như thế nào, đặc biệt là trong thời kỳ đại dịch toàn cầu. Là đầu mối liên hệ đầu tiên, cán bộ tuyển sinh có vai trò quan trọng thể hiện lập trường hoan nghênh và cam kết của trường hỗ trợ trực tiếp sinh viên quốc tế, loại trừ những thông tin lệch lạc, xóa bỏ những nghi ngờ và quan niệm sai lầm về việc học tập tại Hoa Kỳ — để sinh viên Trung Quốc không chỉ muốn đến Hoa Kỳ như trước đây, tôi tin là họ sẽ đến, mà còn thành đạt trong các học xá đại học và ngoài xã hội, nhờ vào phẩm hạnh và sự hỗ trợ.

## Bước ngoặt của giáo dục đại học Hồng Kông

**Philip G. Altbach và Gerard A. Postiglione**

*Philip G. Altbach là giáo sư nghiên cứu và là học giả xuất sắc của Trung tâm Giáo dục Đại học Quốc tế, Đại học Boston, US. Email: altbach@bc.edu. Gerard A. Postiglione là giáo sư danh dự và là điều phối viên tập đoàn Nghiên cứu Giáo dục Đại học châu Á, Khoa Giáo dục, Đại học Hồng Kông, Email: gerry@hku.hk.*

**T**rong năm vừa qua một cuộc khủng hoảng chưa từng có đã xảy ra ở Hồng Kông. Những cuộc biểu tình kéo dài và bạo lực, với sự tham gia tích cực của sinh viên, liên quan đến dự luật dẫn độ, tương lai nền dân chủ, đại dịch Covid-19, và luật an ninh quốc gia mới của chính phủ trung ương - đã gây ra tâm lý lo ngại và không chắc chắn về tương lai của giáo dục đại học. Sau nhiều tháng gián đoạn hoạt động ở một số học xá đại học, cộng đồng học thuật Hồng Kông và thế giới đã đặt ra nhiều câu hỏi. Người dân đang phải hứng chịu một làn sóng COVID-19 khác và lo lắng về việc luật an ninh mới được áp dụng, mà đối với một số người đó là dấu hiệu đáng ngại về những điều sắp đến. Tất nhiên còn quá sớm để đánh giá chính xác ý nghĩa của bộ luật trong thực tế, nhưng cũng nên xem xét giáo dục đại học trong bối cảnh hiện tại và cân nhắc những rủi ro tiềm ẩn.

### Sức mạnh truyền thống của giáo dục đại học Hồng Kông

Năm 2012, chúng tôi đã viết một bài báo có tựa đề “Lợi thế học thuật của Hồng Kông” (IHE, số 66, Mùa đông 2012). Bài báo đã được dịch sang tiếng Trung và được xuất bản trên một tạp chí giáo dục nổi tiếng của Trung Quốc Đại lục. Bài báo phản ánh những lý do vì sao Hồng Kông, mặc dù có quy mô nhỏ, lại có một tỷ lệ cao những trường đại học được đưa vào bảng xếp hạng toàn cầu (3 trường trong top 100, 5 trường trong top 200 toàn cầu). Và nhìn chung là một hệ thống đại học chất lượng cao.

Bài báo nêu ra những yếu tố chính. Trong đó có quyền tự do học thuật của giảng viên, sinh viên và tự do lên tiếng về những vấn đề công. Các nhà khoa

#### Tóm tắt

Trong năm qua, các trường đại học Hồng Kông phải đối mặt với những thách thức chưa từng có. Tình trạng bất ổn xã hội kéo dài ảnh hưởng đến tương lai của Hồng Kông đã lên đỉnh điểm khi Trung Quốc Đại lục áp đặt luật an ninh mới nhằm hạn chế phần lớn quyền tự trị của lãnh thổ này, gây chấn động các trường đại học và toàn xã hội. Mặc dù những tác động của bộ luật chưa được phân tích đầy đủ, có thể thấy các trường đại học Hồng Kông sẽ mất đi sức hấp dẫn quốc tế và bị giảm quyền tự chủ. Câu hỏi về tự do học thuật cũng được đặt ra.

*Việc chính quyền áp dụng*

*luật an ninh mới đã tạo*

*ra một ý thức mới về thực*

*tế - cho xã hội và giáo dục*

*đại học.*

học, học giả và sinh viên không bị giới hạn truy cập thông tin và không bị hạn chế xuất bản kết quả nghiên cứu khoa học. Các trường đại học có quyền tự quản và tự chủ cao, đồng thời được chính phủ hỗ trợ mạnh mẽ và định hướng toàn diện về chính sách giáo dục đại học. Tiếng Anh là ngôn ngữ phổ biến trong giảng dạy và nghiên cứu trong hầu hết các trường đại học. Hồng Kông lựa chọn Hiệu trưởng cho các trường đại học trên cơ sở sự nổi tiếng của họ trong tư cách các nhà khoa học/học giả quốc tế, và các trường đại học Hồng Kông được quốc tế hóa theo cách độc đáo bằng việc tuyển dụng những học giả hàng đầu từ khắp thế giới. Sinh viên quốc tế đến từ tất cả các châu lục, và có mối liên kết chặt chẽ với các trường đại học trên toàn thế giới. Giới học thuật của Hồng Kông không những có tầm quốc tế, mà còn có hiệu năng cao, công bố những nghiên cứu nổi bật và nhận tài trợ nghiên cứu lớn từ nguồn địa phương, quốc gia và quốc tế. Họ đóng góp cho khoa học toàn cầu cũng như cho nền kinh tế năng động và xã hội dân sự của vùng lãnh thổ này. Thành công học thuật của Hồng Kông rất đáng kể nếu tính theo số trường đại học được xếp hạng toàn cầu của vùng lãnh thổ có số dân 7 triệu người này so với 1,4 tỷ của Trung Quốc Đại lục.

Trong bài báo của IHE, chúng tôi đã chỉ ra một số lý do khiến chúng tôi tin rằng cách thức tổ chức nền học thuật Hồng Kông mang lại cho họ lợi thế độc đáo so với các trường của Trung Quốc đại lục. Từ khi đó, các trường đại học của Trung Quốc đại lục, đặc biệt những trường hàng đầu đã đạt được những tiến bộ rất ấn tượng. Nhưng thực tiễn của bộ máy quan liêu bảo thủ cùng với sự kiểm soát chính trị toàn diện, mức lương thấp, hạn chế tự do học thuật, hạn chế tiếp cận thông tin trong một số lĩnh vực, cộng với những định kiến trong khoa học, đã phần nào kìm hãm sự tiến bộ. Trong vài năm gần đây, chính phủ Trung Quốc tăng thêm những quy định hạn chế và chính trị hóa sâu hơn đối với các trường đại học.

### **Điểm ngoặt của Hồng Kông**

Việc chính quyền áp dụng luật an ninh mới đã tạo ra một ý thức mới về thực tế - cho xã hội và giáo dục đại học. Điều này ảnh hưởng thế nào đến sức hấp dẫn của đại học Hồng Kông đối với sinh viên quốc tế vẫn chưa rõ ràng. Từ góc độ chính sách và an ninh, nhiều sinh viên từ Trung Quốc đại lục từng lên kế hoạch học tập tại Hoa Kỳ hiện xem châu Âu, Hồng Kông và Singapore là những lựa chọn thích hợp hơn. Mặt khác, nếu Hồng Kông trở thành “một thành phố của Trung Quốc”, thì nó sẽ mất đi tính đặc biệt trong giáo dục đại học. Trước khi rơi vào sự bất ổn, chính quyền trung ương đã có kế hoạch để các trường đại học Hồng Kông là trung tâm của Đại Sáng kiến Vùng Vịnh mới (Hồng Kông, Macao và bảy thành phố của tỉnh Quảng Đông), nhằm xây dựng một Thung lũng Silicon kiểu Trung Quốc. Tình hình thay đổi có thể dẫn đến việc chính quyền trung ương chuyển hướng đầu tư sang xây dựng nhiều trường đại học hàng đầu hơn ở vùng lân cận Quảng Đông, bao gồm các đặc khu kinh tế Thâm Quyến và Chu Hải.

### **Tác động của luật mới đến giáo dục đại học**

Dù chưa thể đánh giá được đầy đủ tác động của bộ luật đối với các trường đại học Hồng Kông, vẫn có thể nhận ra một vài dấu hiệu. Năm trong số tám Hiệu trưởng các trường đại học công lập đã tuyên bố ủng hộ luật an ninh quốc gia, đồng thời tuyên bố rằng họ sẽ kiên trì đeo đuổi những nguyên tắc tự do học thuật và tự chủ đại học. Liệu việc thực hiện những cam kết này có làm nảy sinh những vấn đề phức tạp trong thực tế hay không?

Hội đồng học thuật của một trường đại học hàng đầu đã quyết định giữ lại một học giả từng bị đi tù vì tham gia vào một cuộc biểu tình gây mất trật tự. Chính phủ đã loại bỏ một số sách khỏi các thư viện công cộng để điều tra xem liệu chúng có vi phạm luật an ninh mới hay không, nhưng dù bị loại bỏ, chúng vẫn có thể được tìm thấy trên Internet - trừ phi chính phủ quyết định chặn (một hành động chưa từng có) những trang web này. Sau khi luật an ninh mới được ban hành, nửa triệu người dân Hồng Kông đã đăng ký bỏ phiếu trong cuộc bầu cử sơ bộ của đảng chính trị đối lập, việc mà chính quyền cho rằng vi phạm luật an ninh mới. Những môn học khai phóng là bắt buộc ở trường trung học nhằm thúc đẩy tư duy phản biện và tương thích với những chương trình đại cương ở đại học. Trong năm nay chính phủ sẽ công bố cách xử lý chủ đề gây tranh cãi này, mà các nhà phê bình cho rằng đã góp phần gây ra những bất ổn xã hội kéo dài nhiều tháng ở Hồng Kông.

Luật mới không hạn chế sinh viên và học giả đến hoặc đi khỏi Hồng Kông. Tuy nhiên một học giả quốc tế nổi tiếng đã đưa ra lời cảnh báo "ngay từ bây giờ phải hết sức thận trọng trong việc hợp tác với các đồng nghiệp Trung Quốc và Hồng Kông", một hiệp hội học thuật quốc tế lớn đã cảnh báo các thành viên, lưu ý rằng "luật mới tỏ ra mơ hồ và mở rộng thêm nhiều loại hành vi phạm tội khiến chúng ta không thể biết được lời nói và hành động nào sẽ dẫn đến hậu quả pháp lý nghiêm trọng".

Những mâu thuẫn này chưa khẳng định sự thay đổi đáng kể đối với đời sống học thuật, nhưng có thể khiến các nhà khoa học và học giả trong cộng đồng học thuật toàn cầu phải cân nhắc sự nghiệp học thuật ở Hồng Kông hoặc hợp tác học thuật với các trường đại học Hồng Kông.

### **Kết luận**

Sức hấp dẫn chính của giáo dục đại học Hồng Kông, cũng như của nền kinh tế và xã hội Hồng Kông nói chung là sự cởi mở, quốc tế hóa và chủ nghĩa thế giới (cosmopolitanism) đã thành truyền thống. Nguyên tắc "một quốc gia, hai chế độ" cho đến nay vẫn mang lại lợi ích cho nền giáo dục đại học Hồng Kông. Nếu mất đi những gì tạo ra điều đó, giáo dục đại học Hồng Kông có thể mất đi tính đặc biệt và Hồng Kông cũng mất đi lợi thế cũng như uy tín quốc tế.

**Tóm tắt**

Quan hệ cộng tác đại học giữa Trung Quốc và Đức được xây dựng trên cơ sở vững chắc và lâu dài, giờ là lúc cần đảm bảo để sự hợp tác này tiếp tục trong tương lai. Cách nhìn đa chiều về những thông số, mục tiêu và nội dung cụ thể của từng mối quan hệ đối tác chính là chìa khóa giải quyết vấn đề. Đối thoại cởi mở cả về cơ hội và thách thức - riêng của từng trường và chung của các bên đối tác - sẽ giúp làm rõ các vấn đề và xác định lộ trình phát triển. Cẩm nang hướng dẫn về quan hệ đối tác giữa các trường đại học Đức và Trung Quốc của Hội nghị các Hiệu trưởng nhằm hỗ trợ và tăng cường cho đối thoại này.

**Do đó, chúng tôi có thể tự**

**tin nói rằng đã có một cầu**

**nối ổn định giữa học thuật**

**Đức và Trung Quốc.**

## Tương lai vững chắc của quan hệ đối tác giáo dục đại học Trung Quốc - Đức

**Marijke Wahlers**

*Marijke Wahlers là Trưởng ban Quan hệ Quốc tế thuộc Hội nghị các Hiệu trưởng Đại học Đức. Email: wahlers@hrk.de. URL: www.hrk.de/guidance\_China\_cooperation.*

**P**hát triển hợp tác xuyên biên giới và trao đổi học thuật giữa các trường đại học Đức và Trung Quốc trong 30 qua là một câu chuyện thành công thực sự. Do điều kiện chính trị của thời điểm đó, Hội nghị các Hiệu trưởng Đức (HRK - The German Rectors' Conference) chỉ ghi nhận gần 100 thỏa thuận đối tác giữa các trường đại học Đức và Trung Quốc trong những năm 1980. Hai thập kỷ sau, vào những năm 2.000, con số này đã tăng gấp ba lần. Đến nay, qua hai thập kỷ nữa, đã có khoảng 1.400 thỏa thuận hợp tác giữa hơn 200 trường đại học Đức và gần 400 trường đại học Trung Quốc. Do đó, chúng tôi có thể tự tin nói rằng đã có một cầu nối ổn định giữa học thuật Đức và Trung Quốc. Quan hệ hợp tác ban đầu thường là thỏa thuận song phương giữa các cá nhân học giả, giờ đây đã bao gồm mọi hoạt động hợp tác, từ du học của các cá nhân sinh viên và nghiên cứu sinh, chương trình nghiên cứu chung, dự án tiến sĩ, đến các sáng kiến nghiên cứu, đổi mới và giáo dục xuyên quốc gia. Các đối tác Trung Quốc sớm nhận ra tiềm năng to lớn của các trường đại học khoa học ứng dụng Đức, do đó các trường Đức tham gia khá đồng đều vào các loại hình tổ chức đại học của Trung Quốc.

### Cân bằng lợi ích

Tuy nhiên, nhìn kỹ sẽ thấy một số khiếm khuyết lớn nhỏ khác nhau trên chiếc cầu nối này. Ví dụ, về ngành học, hoạt động hợp tác luôn tập trung khá phiến diện vào một số lĩnh vực nhất định, như khoa học tự nhiên, kỹ thuật, kinh tế và luật. Cho đến nay các ngành khoa học xã hội và nhân văn vẫn xuất hiện khá hiếm hoi trong liên minh này. Sự mất cân bằng cũng thể hiện rõ ràng trong chiều dịch chuyển của sinh viên và nghiên cứu viên. Năng lực của các trường đại học và tổ chức nghiên cứu của Trung Quốc trong nhiều lĩnh vực chưa đủ sức thu hút nhiều sinh viên và học giả Đức đến Trung Quốc.

Ngoài ra, một số dấu hiệu cho thấy, ít nhất trong giai đoạn đầu, các thỏa thuận hợp tác đã không xem xét đầy đủ những mối quan tâm của các trường đại học Đức hoặc lợi ích mà họ gặt hái được. Cần xây dựng một chiến lược dài hạn ở cấp trường cũng như cấp hệ thống để khắc phục sự mất cân bằng này. Từ năm 2005, HRK đã nhấn mạnh trong khuyến nghị dành cho các chương trình hợp tác nghiên cứu Đức - Trung rằng quan hệ đối tác phải tạo ra giá trị gia tăng cho tất cả các bên và chương trình hợp tác đào tạo cần đáp ứng nhu cầu của sinh viên ở cả hai quốc gia. Do sự khác biệt trong ngành ngày càng tăng cùng với việc các trường đại học Đức tăng cường nỗ lực xây dựng hình ảnh đặc thù của tổ chức, những vấn đề nêu trên đã được chú trọng nhiều hơn. Cũng từ đó, các trường đại học Đức thay đổi rõ rệt cách tiếp cận quốc tế hoá, từ cách

nắm bắt cơ hội một cách hù họa (không tìm kiếm một cách có hệ thống) sang cách tiếp cận có chiến lược cho phép liên kết các hoạt động của các trường đại học riêng lẻ theo một hình thức thống nhất. Mặc dầu vậy, một nghiên cứu năm 2018 do Bộ Giáo dục & Nghiên cứu liên bang và Văn phòng đối ngoại liên bang chủ trì đã kết luận rằng mặc dù các trường đại học Đức đã bắt đầu chú trọng hơn đến việc khám phá Trung Quốc và đánh giá Trung Quốc là một quốc gia toàn cầu quan trọng, kiến thức và chuyên môn về Trung Quốc của sinh viên, giảng viên và các nhà nghiên cứu vẫn cần được mở rộng nhiều hơn.

### **Tạo lập quan hệ đối tác trên những hệ thống giá trị vững chắc**

Biến động địa chính trị toàn cầu, cùng với những thay đổi chính trị ở Đức và Trung Quốc cũng tác động đến hợp tác đại học giữa hai nước. Do đó, chúng ta đang chứng kiến sự hợp lưu của những dòng chảy khác nhau: trong khi quá trình hợp tác là một trải nghiệm vô cùng tích cực và những dự án chung đang tiếp tục thành công trong một số lĩnh vực, sự cộng tác trong những lĩnh vực khác lại bị ảnh hưởng đáng kể.

Trong những năm gần đây, nhiều trường đại học đối tác phía Đức phải đối mặt với những yêu cầu pháp lý gia tăng và rào cản về mặt tổ chức từ phía Trung Quốc. Ngoài ra, nhà nước Trung Quốc ngày càng can thiệp nhiều hơn vào chương trình và quy trình giảng dạy trong các trường đại học, đồng thời áp đặt thêm những hạn chế đối với quyền tự do học thuật khiến quan hệ đối tác trở nên căng thẳng, thậm chí, trong một số trường hợp, hoàn toàn bế tắc.

Neo giữ những hoạt động giáo dục đại học xuyên biên giới bằng một hệ thống giá trị vững chắc và đúng nghĩa là hết sức quan trọng, đó là lý do vì sao HRK nhấn mạnh rằng tự do nghiên cứu và giảng dạy là một tiền đề để các trường đại học vận hành thành công. Theo quan điểm của HRK, quyền tự do này là nguyên tắc cơ bản, không bàn cãi; nguyên tắc này cũng được áp dụng trong hoạt động và quan hệ đối tác quốc tế của các trường đại học Đức. Trước những thay đổi sâu sắc trên phạm vi toàn cầu, vào tháng 4 năm nay HRK đã xuất bản tài liệu hướng dẫn và tiêu chuẩn quản lý quan hệ đối tác đại học quốc tế.

Ngoài ra, HRK gần đây đã đưa ra những câu hỏi hướng dẫn dành cho hợp tác đại học với Trung Hoa. Chúng bổ sung cho bộ tài liệu hướng dẫn và tiêu chuẩn chung bằng cách chi tiết hóa những quy trình hành động bắt buộc hoặc tùy chọn liên quan cụ thể đến hợp tác học thuật với các đối tác Trung Quốc. Hướng dẫn này được sử dụng để xác nhận đối tác mới và, khi cần, để điều chỉnh những quan hệ đối tác hiện hữu với các trường đại học và học viện Trung Quốc. Đồng thời, nó cũng khuyến khích các trường đại học Đức tiếp tục phát triển hoạt động học thuật tại Trung Quốc, chủ động hình thành mối quan hệ hợp tác với các đối tác Trung Quốc.

### **Tiếp cận khác biệt mở ra quan hệ đối tác bền vững**

Tài liệu hướng dẫn được biên soạn để cung cấp cho các trường đại học, như một tổ chức gồm nhiều đơn vị thành viên, cũng như cho các đại học thành viên - động lực, sự hỗ trợ và định hướng khi thiết lập và phát

triển quan hệ đối tác bền vững với các trường đại học và học viện Trung Quốc. Hướng dẫn được chia thành ba loại chính: chiến lược và quản trị; hợp tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu; và trường đại học như một không gian xuyên quốc gia. Hướng dẫn đề cập đến những điều kiện tiên quyết, những yêu cầu và mục tiêu của quan hệ đối tác trên cơ sở bình đẳng. HRK tin rằng việc lựa chọn kỹ lưỡng các đối tượng và đối tác là một trong những yếu tố then chốt để hợp tác thành công. Giá trị gia tăng và tính bền vững của quan hệ đối tác quốc tế đều bắt nguồn từ cấu trúc và quy trình của trường đại học. Ngoài ra chúng liên quan chặt chẽ với cách trường đại học tự định vị, với sứ mệnh, lịch sử, nguyên tắc tổ chức và giá trị của trường.

HRK giữ quan điểm rằng tăng cường đối thoại và hợp tác với các đối tác Trung Quốc trên tất cả các lĩnh vực là cần thiết. Đây là cơ sở lý luận khoa học, tiên quyết và quan trọng nhất; tuy nhiên, xã hội cũng cần thuyết phục sinh viên và các nhà nghiên cứu tương tác sâu rộng hơn với Trung Quốc, nhờ đó tăng cường sự hiểu biết về Trung Quốc. Ở đây, cách nhìn đa chiều về những thông số, mục tiêu và nội dung cụ thể của từng quan hệ đối tác chính là chìa khóa, vì nó sẽ tạo điều kiện thuận lợi để làm rõ các vấn đề với những đối tác Trung Quốc khi cần, đồng thời xác định những lộ trình phát triển hữu ích. Trong đàm phán về cơ hội và rủi ro, nhất thiết phải chủ động xác định những lĩnh vực của cơ hội không gây phương hại cho các giá trị và tiêu chuẩn của tổ chức. HRK sẽ nỗ lực hết sức để hỗ trợ các thành viên trong quá trình phát triển sắp tới để đảm bảo rằng chúng ta tiếp tục xây dựng cầu nối học thuật trên một nền tảng vững chắc, cả trước mắt và lâu dài.

## Đào tạo tiến sĩ: viễn cảnh toàn cầu

**Victor Rudakov và Maria Yudkevich**

*Victor Rudakov là Nghiên cứu viên tại Trung tâm Nghiên cứu đại học, Đại học nghiên cứu quốc gia Trường Kinh tế Cao cấp (HSE), Mát-xcơ-va, Nga. Email: vrudakov@hse.ru. Maria Yudkevich là Giám đốc Trung tâm và là phó hiệu trưởng của HSE. Email: yudkevich@hse.ru.*

*Bài viết này cung cấp một cái nhìn tổng quan về kết quả của cuốn sách xuất bản gần đây "Những Xu hướng và Vấn đề trong đào tạo Tiến sĩ: Quan điểm toàn cầu", do M. M. Yudkevich, P. G. Altbach và H. de Wit chủ biên. NXB Sage, 2020.*

**N**ét đặc trưng của ngành đào tạo tiến sĩ trên toàn thế giới là cùng lúc diễn ra hai xu hướng song song, một hướng tới sự đa dạng, một hướng tới sự thống nhất. Cả hai xu hướng này đều bị ảnh hưởng bởi quá trình đại chúng hóa và quốc tế hóa, bởi những yêu cầu nghiên cứu ngày càng tăng, bởi những thách thức của thị trường lao động và sự thay đổi trong mục đích đào tạo tiến sĩ. Một mặt, đào tạo tiến sĩ có xu hướng tăng tính linh hoạt, như được minh họa bởi sự phát triển các hình thức đào tạo tiến sĩ thực hành, chuyên nghiệp (professional and work-based doctorates), và những biến thể

của chương trình đào tạo tiến sĩ, quá trình hướng dẫn và nghiên cứu. Mặt khác, việc hình thành các hệ thống đào tạo tiến sĩ toàn cầu thu hút các luồng sinh viên, giảng viên và sinh viên tốt nghiệp từ khắp nơi trên thế giới; và sự phát triển của các trường đại học đẳng cấp thế giới góp phần thống nhất quá trình tuyển sinh và đào tạo tiến sĩ, và dẫn đến sự thống nhất những yêu cầu đặt ra đối với những người có ý định theo đuổi sự nghiệp tại các trường đại học đẳng cấp thế giới. Tuy nhiên, quá trình hợp nhất này chỉ ảnh hưởng đến các trường đại học hàng đầu, thường không làm thay đổi hệ thống đào tạo tiến sĩ quốc gia - điều này cũng tạo ra sự phân hóa các trường đại học trong các quốc gia.

### **Nguồn gốc của sự khác biệt toàn cầu**

Cách thức đào tạo tiến sĩ ở một quốc gia nhất định phụ thuộc đáng kể vào mô hình được chọn trong thời kỳ hình thành và vào tác động của những cải cách tiếp theo.

Trong quá trình hình thành hệ thống đào tạo tiến sĩ, các quốc gia thường áp dụng những mô hình hoặc yếu tố đào tạo tiến sĩ của những quốc gia khác có hệ thống học thuật trưởng thành. Ví dụ, một số quốc gia đã áp dụng mô hình của Đức, tập trung mạnh mẽ vào nghiên cứu trong thời gian đào tạo tiến sĩ. Một số đi theo hệ thống giáo dục tiến sĩ hai bước như ở Liên Xô và một số nước (yêu cầu hai luận án). Sau này, những nước khác đã áp dụng mô hình của Hoa Kỳ, có cấu trúc mạch lạc hơn và bao gồm nhiều đồ án.

Trong suốt thế kỷ 19 và 20, một số quốc gia luôn dẫn đầu trong khoa học, và kết quả là đào tạo tiến sĩ ở nhiều quốc gia là sự kết hợp của những phương pháp tốt nhất của những quốc gia hàng đầu này, được áp dụng phù hợp với thực tế của quốc gia và của các trường đại học trong nước. Trong ấn phẩm Những Xu hướng và Vấn đề trong đào tạo Tiến sĩ: Một Quan điểm Toàn cầu (2020) chúng tôi phân tích những xu hướng chính trong đào tạo tiến sĩ trên thế giới.

### **Quy mô kết quả đầu ra của thị trường lao động**

Trong suốt hai thập kỷ qua, số lượng người có bằng tiến sĩ tăng nhanh, do tham vọng nghiên cứu ngày càng tăng của các trường đại học và do hệ thống giáo dục đại học mở rộng cần nhiều giảng viên hơn. Người ta thường nêu ra vấn đề về tình trạng dư thừa ứng viên tốt nghiệp tiến sĩ trên toàn cầu. Tuy nhiên, cần phân biệt giữa tình huống ở những quốc gia có thu nhập thấp hơn và có hệ thống giáo dục đại học đang mở rộng, nơi có nhu cầu rất lớn đối với nghiên cứu viên tốt nghiệp tiến sĩ, và tình huống ở hầu hết những quốc gia có thu nhập cao hơn, nơi nghiên cứu viên tốt nghiệp tiến sĩ thực sự đang dư thừa và họ phải đối mặt với thực tế là rất khó tìm được việc làm trong lĩnh vực học thuật. Do thị trường lao động học thuật ở những nước này đang bị thu hẹp, triển vọng công việc đối với những người có bằng tiến sĩ, đặc biệt trong các ngành khoa học xã hội và nhân văn, ngày càng trở nên tối tệ, điều này giải thích vì sao những hình thức tuyển dụng người có bằng tiến sĩ cho ngành công nghiệp đang lan rộng, và nhấn mạnh tầm quan trọng của ngành công nghiệp như một nơi cung cấp việc làm cho người tốt nghiệp tiến sĩ.

### **Quốc tế hóa**

Về mặt quốc tế hóa, những quốc gia nói tiếng Anh và những quốc gia cho phép tùy chọn viết và bảo vệ luận án bằng tiếng Anh có lợi thế cạnh tranh quan trọng

### **Tóm tắt**

Nét đặc trưng của việc đào tạo tiến sĩ trên toàn thế giới là cùng lúc diễn ra hai xu hướng song song, một hướng tới sự đa dạng, một hướng tới sự thống nhất. Không có mô hình đào tạo tiến sĩ nào được coi là tiêu chuẩn. Bức tranh đào tạo tiến sĩ trên toàn thế giới khá đa dạng và tính linh hoạt cũng như số lượng những biến thể ngày càng tăng thêm. Tuy nhiên, đào tạo tiến sĩ đã trở thành một thị trường toàn cầu thu hút các luồng sinh viên quốc tế, giảng viên và sinh viên tốt nghiệp, khiến hình thành nhu cầu thống nhất các tiêu chí và chuẩn mực.

*Nét đặc trưng của đào tạo tiến sĩ trên toàn thế giới là cùng lúc diễn ra hai xu hướng song song, một hướng tới sự đa dạng, một hướng tới sự thống nhất.*



trong việc thu hút sinh viên tiến sĩ quốc tế. Có lịch sử đào tạo tiến sĩ lâu đời, như Đức, hay trong quá khứ là một cường quốc có nhiều thuộc địa, như trường hợp của Pháp - nơi cung cấp một lượng lớn sinh viên từ các thuộc địa cũ có hệ thống giáo dục đại học đang mở rộng - là những yếu tố dự báo khác về số lượng lớn sinh viên tiến sĩ quốc tế. Những nước như Brazil, Trung Quốc và Nga là những cường quốc trong khu vực về giáo dục đại học và chủ yếu thu hút sinh viên từ các nước lân cận.

### **Quy trình và các loại hình đào tạo tiến sĩ**

Có những khác biệt đáng kể giữa các chương trình đào tạo tiến sĩ, cụ thể là khoảng thời gian đào tạo, các cấp độ và các kỳ thi giữa giai đoạn ảnh hưởng đến tỷ lệ hoàn thành chương trình tiến sĩ và tỷ lệ bỏ học; giữa các loại hình bằng cấp, yêu cầu về luận án và hướng dẫn cũng có sự khác biệt. Trên khắp thế giới ngày càng xuất hiện nhiều chương trình đào tạo tiến sĩ bán thời gian và từ xa, tuy nhiên, điều này làm nảy sinh những vấn đề về chất lượng và kết quả đầu ra. Thời gian đào tạo thiếu sự đồng nhất, mặc dù nói chung các chương trình thường kéo dài từ ba đến 5 năm tùy thuộc vào quốc gia và đối tượng. Mặc dù thực tế là ở một số quốc gia (ví dụ: Đức, Ba Lan và Nga) vẫn tồn tại một số yếu tố của chương trình đào tạo tiến sĩ hai bước, với việc thực hiện cải cách Bologna, những hệ thống này đang dần dần mất đi. Có sự khác biệt giữa hình thức đào tạo tiến sĩ dựa trên nghiên cứu (chủ yếu ở châu Âu) và đào tạo dựa trên khóa học (chủ yếu ở Hoa Kỳ), nhưng hầu hết các nước dần tiến tới đào tạo tiến sĩ theo khóa học. Một xu hướng rõ ràng khác là sự thay đổi trong yêu cầu của luận án, cụ thể là các công bố nghiên cứu ngày càng có ý nghĩa lớn hơn.

Nhu cầu có các nhà lãnh đạo mới trong nền kinh tế định hướng tri thức, tầm quan trọng của quan hệ đối tác giữa các ngành công nghiệp và các trường đại học, thị trường lao động hàn lâm đang bị thu hẹp và những chỉ trích rộng rãi rằng các kỹ năng không được chú trọng đã dẫn đến sự thay đổi mục đích của việc đào tạo tiến sĩ. Các chương trình tiến sĩ không còn giới hạn trong việc nuôi dưỡng các học giả mới cho thị trường lao động học thuật. Điều này dẫn đến sự phát triển đào tạo các tiến sĩ chuyên nghiệp và dựa trên công việc, đặc biệt trong các lĩnh vực như kế toán, tài chính, luật, y học và điều dưỡng.

### **Tài trợ và vị trí của học viên tiến sĩ**

Có nhiều mô hình tài trợ cho đào tạo tiến sĩ: miễn phí, trả học phí, được cấp học bổng và các khoản vay, hoặc được trả lương. Ở Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Vương quốc Anh và Hoa Kỳ học phí cao và sự trợ giúp tài chính phụ thuộc vào nguồn tài trợ từ các chương trình, dự án nghiên cứu hoặc các trường đại học. Đức cung cấp cho học viên tiến sĩ sự hỗ trợ cần thiết trong quá trình nghiên cứu của họ, khiến cho học tiến sĩ tại đây là một lựa chọn hấp dẫn cho thanh niên tài năng từ khắp nơi trên thế giới. Ở Kazakhstan và Nga, một số nghiên cứu sinh phải trả học phí, nhưng mức học phí này khá thấp. Trong phần lớn các hệ thống đào tạo tiến sĩ, bao gồm cả ở Vương quốc Anh và Hoa Kỳ, các học viên tiến sĩ được coi là sinh viên, trong khi ở Đức, Hà Lan và một số nước Scandinavia, học viên tiến sĩ có tư cách là nhân viên đại học.

### Tác động của đại dịch

Như tất cả sinh viên khác, nghiên cứu sinh tiến sĩ bị ảnh hưởng bởi đại dịch hiện nay. Nhiều người không thể tiếp tục thực hiện các dự án của họ, đặc biệt là khi công việc nghiên cứu liên quan đến thiết bị. Một số không có được sự giao tiếp và hỗ trợ từ các cố vấn và phòng ban của họ. Với những người đang tham gia thị trường việc làm năm nay, tình hình vô cùng bấp bênh và không an toàn. Những tác động tiêu cực của đại dịch có khả năng gia tăng. một số khoa đào tạo tiến sĩ tại một số trường đại học lớn của Hoa Kỳ đã thông báo rằng họ sẽ không nhận thêm học viên tiến sĩ vào chương trình của họ trong năm tới để “tập trung nguồn lực của mình cho công việc với những học viên tiến sĩ hiện có”. Các trường đại học chắc chắn sẽ cần một khoảng thời gian mới có thể khôi phục hoàn toàn chức năng đào tạo các học giả mới của mình.

## Đào tạo tiến sĩ ở châu Phi: những thách thức về nguồn lực

### Wondwosen Tamrat và Getnet Tizazu Fetene

*Wondwosen Tamrat là Giáo sư Cộng tác, Chủ tịch sáng lập của Đại học St. Mary, Ethiopia, và là thành viên của PROPHE. Ông điều phối Phân nhóm Giáo dục đại học tư thục trong Ủy ban chiến lược giáo dục lục địa châu Phi thuộc Hiệp hội châu Phi (CESA). E-mail: wonderwosentamrat@gmail.com hoặc preswond@smuc.edu.et. Getnet Tizazu Fetene là Trợ lý Giáo sư ngành Xã hội học giáo dục tại khoa Lập kế hoạch & Quản lý Giáo dục, Đại học Addis Ababa, Ethiopia. E-mail: getnet.fetene@gmail.com.*

Các nghiên cứu tiến sĩ đóng góp nhiều vào sự tiến bộ của tri thức, điều này được thừa nhận rộng rãi. Ở lục địa châu Phi, do có vai trò quan trọng và tiềm năng đóng góp cho phát triển kinh tế và khoa học, đào tạo tiến sĩ được đặc biệt chú trọng. Do đó, mối liên hệ giữa nghiên cứu tiến sĩ và nghiên cứu vì sự phát triển của châu Phi luôn được nhấn mạnh trong các bài diễn thuyết trước công chúng, trong định hướng chính sách và các kế hoạch mở rộng chương trình. Có giả định rằng xây dựng năng lực nghiên cứu và tăng cường phát triển kinh tế trên lục địa có thể thực hiện được bằng cách hỗ trợ các cơ sở giáo dục cung cấp các chương trình sau đại học, đặc biệt là đào tạo tiến sĩ.

Giả định cơ bản này dường như được chia sẻ trên toàn châu lục, đồng thời tầm quan trọng của các chương trình đào tạo tiến sĩ trong việc nâng cao chất lượng giáo dục tại các trường đại học châu Phi cũng được thừa nhận. Vấn đề hai của giả định này được quyết định bởi nhu cầu nâng cấp trình độ học vấn của giảng viên trong những lĩnh vực đang thiếu hụt trầm trọng tại nhiều trường đại học trên khắp lục địa. Tuy nhiên, mặc dù việc mở rộng các chương trình đào tạo tiến sĩ ngày càng nhận được nhiều sự quan tâm, thực tế nghiên cứu tiến sĩ ở châu Phi và ở những nước có thu nhập thấp hơn nói chung vẫn chật vật và đứng trước vô số thách thức.

Trong một nghiên cứu gần đây do chúng tôi thực hiện nhằm xem xét quan điểm của sinh viên tiến sĩ về những chương trình hỗ trợ và những nguồn lực được triển khai để thực hiện các chương trình đào tạo tiến sĩ, vấn đề tài trợ và

**Tóm tắt**

Bài báo này phân tích việc đào tạo tiến sĩ ở Ethiopia và những tác động của nó đối với giáo dục đại học châu Phi. Mặc dù đào tạo tiến sĩ được cho là sẽ đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế và cải thiện chất lượng giáo dục đại học, nhiều quốc gia châu Phi vẫn đang rất thiếu nguồn lực để thực hiện các chương trình đào tạo tiến sĩ. Họ vẫn cần tập trung nhiều nỗ lực hơn cho việc xây dựng năng lực tổ chức và tận dụng những nguồn lực cần thiết để vận hành thành công các chương trình đào tạo tiến sĩ.

nguồn lực nổi lên là hai yếu tố quan trọng nhất cản trở sự tiến bộ và thành công của chương trình đào tạo tiến sĩ tại Đại học Addis Ababa - trường đại học hàng đầu của Ethiopia và là nơi cung cấp tiến sĩ chính.

**Nguồn lực sẵn có**

Nghiên cứu cho thấy các học viên tiến sĩ không hài lòng với cơ sở vật chất thiếu thốn và kém chất lượng, bao gồm các thiết bị CNTT và máy tính, không gian làm việc hoặc học tập cá nhân, tài nguyên thư viện và tài nguyên điện tử phục vụ nghiên cứu cũng như dịch vụ thư viện, chất lượng của thư viện, và sự thiếu thốn phòng thí nghiệm, phòng khám hoặc những cơ sở vật chất liên quan.

Đánh giá chung của các nghiên cứu sinh tiến sĩ về mức độ đầy đủ của cơ sở vật chất là rất thấp và đáng lo ngại. Về những danh mục xác định cụ thể, sự sẵn có phòng thí nghiệm, phòng khám, phòng thu âm hoặc các cơ sở vật chất khác được xếp hạng trung bình là 1,65 (độ lệch chuẩn [SD]=0,99), thấp hơn điểm trung bình của thang điểm 5; và sự sẵn có không gian làm việc hoặc học tập cá nhân được xếp hạng 1,91 (SD=1,13). Rõ ràng là có mức độ nhất quán cao trong nhận định của các nghiên cứu sinh về sự thiếu thốn các nguồn lực, điều chắc chắn đang ảnh hưởng tiêu cực đến sự thành công của hành trình nghiên cứu tiến sĩ của họ.

Chúng tôi nhận thấy kết quả của chúng tôi tương đồng với những nghiên cứu địa phương trước đó, những nơi có cơ sở vật chất và nguồn lực nghèo nàn, thiếu phòng thí nghiệm và tài liệu học tập, thiếu văn phòng hoặc không gian làm việc cho các nghiên cứu sinh, và những thiếu thốn liên quan được coi là những thách thức lớn đối với những chương trình sau đại học tại hầu hết các trường đại học Ethiopia. Điều này cũng đúng với nhiều quốc gia châu Phi, nơi việc mở rộng đào tạo tiến sĩ không đi kèm với sự cải thiện tương ứng cơ sở vật chất và trang thiết bị cần thiết để vận hành thành công các chương trình đào tạo tiến sĩ.

**Hỗ trợ tài chính**

Việc tài trợ cho các nghiên cứu tiến sĩ ở nhiều nước châu Phi đã nhiều lần được xác định là một yếu tố kích thích quan trọng - hoặc là rào cản. Trong phạm vi của nghiên cứu này, các nghiên cứu sinh tiến sĩ đánh giá sự hỗ trợ tài chính và những chương trình hỗ trợ liên quan dành cho các trường đại học là nghèo nàn. Tính theo thang điểm 5, đánh giá của các nghiên cứu sinh tiến sĩ giao động trong khoảng điểm trung bình từ 1,18 (SD=0,68) đến 2,53 (SD=1,13). Sự sẵn có của nguồn tài chính hỗ trợ cho việc tham gia các hội nghị hoặc hội thảo - là hạng mục được đánh giá thấp nhất, hơn 92% những người được hỏi cho biết họ nhận được rất ít hỗ trợ. Đây là một nguyên nhân đáng lo ngại, vì điều này không chỉ hạn chế sự thành công của quá trình nghiên cứu tiến sĩ mà còn có thể hạn chế cơ hội phát triển năng lực và kỹ năng nghiên cứu của các học viên tiến sĩ. Những thách thức tài chính mà các học viên tiến sĩ phải đối mặt dường như là một đặc điểm chung và nổi bật của cả hệ thống. Hầu hết các chương trình thường được triển khai mà không có sự chuẩn bị cần thiết và không có đủ nguồn lực. Về ngân sách dành cho đào tạo tiến sĩ, số tiền Đại học Addis Ababa được phân bổ cho đến gần đây là 25.000 ETB (781,23 USD) cho mỗi học viên. Nhận thức được chi phí đắt đỏ liên quan đến việc thực hiện đào tạo tiến sĩ, trường đại học này đã buộc phải hỗ trợ bổ sung bằng cách sử dụng nguồn tiền từ thu nhập nội bộ của mình và nguồn vốn bên ngoài nhận được từ các đối tác phát triển quốc tế.

Nghiên cứu tiếp tục chỉ ra rằng mức tăng gần đây của ngân sách nghiên cứu lên 45.000 ETB (1.406,25 USD) cho nghiên cứu sinh ngành xã hội và nhân văn và 60.000 ETB (1.875,00 USD) cho nghiên cứu sinh khoa học và công nghệ, vẫn được coi là không đạt yêu cầu trong mắt các nghiên cứu sinh. Một nghiên cứu sinh đã chỉ trích sự bất cập của kế hoạch tài trợ như sau: “Khi các ứng viên tiến sĩ được khuyến khích thực hiện những nghiên cứu có ích cho đất nước, họ cần được hỗ trợ tài chính đầy đủ. Tuy nhiên, nguồn hỗ trợ tài chính hiện nay là rất thấp. Nếu cho biết từ kinh nghiệm của tôi, số tiền hỗ trợ tôi nhận được không đủ để trả cho chi phí đi lại. Ở những nơi thiếu an ninh, bạn cần đi máy bay. Ngân sách hỗ trợ thậm chí không bao gồm điều đó. Và những người liên quan biết rõ rằng như vậy là bất cập. Tôi nghĩ rằng chính phủ nhận thức được điều đó. Vấn đề là họ không coi trọng vấn đề và không làm gì để cải thiện tình hình”.

Điều đáng lo ngại hơn nảy sinh từ những khó khăn tài chính mà các học viên tiến sĩ phải đối mặt là thực tế rằng sự eo hẹp tài chính hiện tại đang buộc họ đi trạch trọng tâm nghiên cứu của mình và thỏa hiệp với chất lượng thấp của đầu ra nghiên cứu. Một ứng viên tiến sĩ nhận xét: “Bởi vì họ biết họ sẽ chỉ được nhận một số tiền hạn chế từ trường đại học, các nghiên cứu sinh tiến sĩ cố gắng để đề tài luận văn của họ phù hợp với sứ mệnh và hoạt động của một số tổ chức phi chính phủ nhất định, nhằm mục đích được nhận một vài khoản trợ cấp. Điều đó có nghĩa là các học viên tiến sĩ không nghiên cứu về những vấn đề mà họ quan tâm cũng như những nội dung nhằm giải quyết các vấn đề quốc gia. Họ thực hiện nghiên cứu để nhận được một số lợi ích tài chính từ quỹ tài trợ nghiên cứu bằng cách gán đề tài của họ với những mối quan tâm của những tổ chức tài trợ tiềm năng”. Đây là một dấu hiệu cho thấy những thách thức tài chính của trường đại học đang đe dọa mục tiêu tăng năng suất nghiên cứu và tăng cường phát triển kinh tế thông qua đào tạo tiến sĩ vốn được coi là những lý do chính để triển khai các chương trình đào tạo tiến sĩ. Các kết quả nghiên cứu ở cấp khu vực cũng cho thấy bức tranh tương tự. Phần lớn các nước châu Phi chi tiêu rất ít cho nghiên cứu, đổi mới và phát triển, vốn là yếu tố tác động trực tiếp đến việc mở rộng các chương trình đào tạo tiến sĩ và thúc đẩy chất lượng đầu ra.

### **Kết luận**

Trong hoàn cảnh đó, có thể đoán trước rằng cả quá trình đào tạo tiến sĩ cũng như chất lượng đầu ra nghiên cứu ở Ethiopia đều không giúp quốc gia đạt được mục tiêu của các chương trình tiến sĩ, trừ khi những cải tiến đáng kể được thực hiện để điều chỉnh cả định hướng quốc gia và các nguồn lực và cơ chế hỗ trợ. Điều tương tự cũng đúng với nhiều hệ thống giáo dục đại học trên lục địa, nơi mặc dù có những nỗ lực khuyến khích mở rộng đào tạo tiến sĩ, lại rất thiếu sự quan tâm đến việc thực hiện những yêu cầu cần thiết để vận hành thành công các chương trình đào tạo tiến sĩ. Những nỗ lực trong tương lai nên tập trung vào giải quyết những hạn chế hiện có, thay vì mở thêm những chương trình tiến sĩ mới mà không có kế hoạch tài chính phù hợp.

*Những thách thức tài*

*chính mà các học viên tiến*

*sĩ phải đối mặt dường như*

*là một đặc điểm chung và*

*nổi bật của cả hệ thống.*

**Tóm tắt**

Vì một số lý do, trong khi số lượng học viên tốt nghiệp tiến sĩ ngày càng tăng lên ở những nước hàng đầu, ở Nhật Bản số lượng đăng ký mới vào các chương trình đào tạo tiến sĩ đang giảm dần. Để mang lại sự đổi mới cho xã hội và ngành công nghiệp, Nhật Bản cần tăng cường sức hấp dẫn của các chương trình đào tạo tiến sĩ của mình bằng sự hỗ trợ ổn định và lâu dài.

## Nhật Bản: sụt giảm số lượng đăng ký mới vào các chương trình tiến sĩ - khủng hoảng đối với đổi mới

**Yukiko Shimmi**

*Yukiko Shimmi là giảng viên cao cấp tại Trung tâm Học tập Toàn cầu, Học Viện vì sự Xuất sắc trong Giáo dục Đại học, Đại học Tohoku, Nhật Bản. Email: shimmi@tohoku.ac.jp.*

Những người có bằng tiến sĩ được coi là động cơ thúc đẩy sự đổi mới, và ở những quốc gia hàng đầu số lượng tiến sĩ vẫn tiếp tục tăng lên. Dữ liệu của OECD cho thấy từ năm 2010 đến năm 2017, số lượng học viên tốt nghiệp các chương trình tiến sĩ hoặc trình độ tương đương ở Hoa Kỳ tăng từ 57.407 lên thành 71.042 và ở Vương quốc Anh từ 18.756 lên 28.143. Tuy nhiên, ở Nhật Bản số lượng này giảm nhẹ từ 15.867 xuống 15.674. Đáng nói hơn, tại Nhật Bản, số lượng đăng ký mới vào các chương trình đào tạo tiến sĩ đã giảm xuống so với đỉnh cao là 18.232 năm 2003, còn 14.976 vào năm 2019; theo khảo sát hàng năm của Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ (MEXT). Số lượng học viên tiến sĩ quốc tế - nhiều người đến từ các nước châu Á và đặc biệt là từ Trung Quốc - vẫn giữ nguyên mức là 2.643 và 2.664 trong hai năm này; tính theo tỷ lệ, đối tượng này tăng từ 14,5% lên 17,8%. Trong khi sự hiện diện của các nghiên cứu sinh tiến sĩ quốc tế ngày càng tăng tại các trường đại học Nhật Bản, các cơ sở giáo dục dường như không thể bù đắp được sự sụt giảm tổng thể số lượng nghiên cứu sinh tiến sĩ người Nhật.

### Cơ sở và lý do tiềm năng

Một trong những lý do giới trẻ Nhật không ưa chuộng các chương trình đào tạo tiến sĩ là bằng tiến sĩ không được coi là một ưu thế giúp tăng thêm cơ hội được tuyển dụng vào các công ty Nhật Bản. Hơn nữa, mức lương trung bình của những người có bằng tiến sĩ thường không cao hơn những người có bằng thạc sĩ. Để thấy rõ hơn, ở Nhật Bản, cho đến đầu những năm 1990, mục đích chính của các chương trình tiến sĩ là đào tạo đội ngũ giảng viên tương lai và các nhà nghiên cứu làm việc trong các học viện. Sau năm 1991, năng lực của các trường đào tạo sau đại học mở rộng khoảng 2,5 lần nhằm đào tạo các chuyên gia có tay nghề cao. Tuy nhiên, theo truyền thống lâu đời, học viên tốt nghiệp các chương trình tiến sĩ đều được đào tạo để thực hiện những công việc học thuật, nên những kỹ năng được đào tạo cho mục đích này không phù hợp với sự kỳ vọng của các công ty Nhật Bản. Trong một cuộc khảo sát của Viện Khoa học Quốc gia và Chính sách Công nghệ (NISTEP) năm 2012, nhiều công ty Nhật Bản báo cáo rằng mặc dù những người tốt nghiệp bằng tiến sĩ có kiến thức chuyên ngành, kiến thức và kỹ năng của họ khó phù hợp ngay với nhu cầu của công ty. Tình trạng tương tự cũng xảy ra với các nghiên cứu sinh tiến sĩ quốc tế muốn tìm việc tại các công ty Nhật Bản.

Ngoài ra, giới trẻ Nhật Bản không mặn mà với các chương trình đào tạo tiến sĩ vì những tiến sĩ mới tốt nghiệp thường khó có được công việc ổn định trong lĩnh vực học thuật. Tình hình này trở nên rõ ràng khi các trường đại học quốc gia Nhật Bản bị cắt giảm ngân sách vào năm 2003. Theo NISTEP, trong số những người nhận bằng tiến sĩ năm 2012, khoảng 60% tìm được việc làm tại các trường đại học hoặc các viện nghiên cứu công lập. Tuy nhiên, hơn 60% trong số đó làm việc ở những vị trí ngắn hạn, với 70% có hợp đồng dưới ba năm. Lương của nhân viên hợp đồng ngắn hạn thường thấp hơn lương của nhân viên có hợp đồng dài hạn hoặc tại các công ty tư nhân. Ngoài ra, hợp đồng ngắn hạn ngăn cản các nhà nghiên cứu trẻ lựa chọn hoặc tham gia vào những đề tài nghiên cứu đòi hỏi thời gian dài và sự gắn bó. Vấn đề này cũng ảnh hưởng đến các nghiên cứu sinh tiến sĩ quốc tế. Cũng theo báo cáo trên, nghiên cứu sinh tiến sĩ quốc tế có xu hướng tìm kiếm các công việc học thuật. Sau khi tốt nghiệp, hơn một nửa về nước làm việc.

Một lý do khác khiến giới trẻ Nhật Bản không theo học tiến sĩ là do tài chính hỗ trợ khá hạn chế. Ngược lại, một số nghiên cứu sinh tiến sĩ quốc tế nhận được học bổng MEXT để học tập ở Nhật Bản, và nhiều học viên tiến sĩ diện tự túc được miễn giảm học phí. Theo báo cáo của MEXT năm 2014, gần 50% những người có bằng tiến sĩ không được hỗ trợ tài chính. Chương trình học bổng nghiên cứu quy mô nhất, của Hiệp hội Xúc tiến Khoa học Nhật Bản (JSPS), cung cấp 200 ngàn JPY mỗi tháng cho sinh viên tiến sĩ, tương đương khoảng 1900 đô la Mỹ; tuy nhiên, chỉ dưới 5% những người mới tham gia các chương trình tiến sĩ nhận được học bổng này. Ngoài ra, thu nhập từ công việc trợ lý nghiên cứu và trợ giảng tại các trường đại học Nhật Bản không đủ cho một mức sống tươm tất. Thực tế này có thể so sánh với tình hình ở Hoa Kỳ, nơi gần 80% học viên tiến sĩ chủ yếu sống bằng nguồn thu nhập từ công việc trợ lý nghiên cứu, trợ giảng, trợ cấp hoặc học bổng, theo Khảo sát về Đào tạo Tiến sĩ năm 2019.

### **Phản ứng của chính phủ**

Như một cách để nâng cao sức hấp dẫn của các chương trình tiến sĩ ở Nhật Bản, MEXT đã tiến hành một dự án có tên là “Chương trình Hàng đầu cho đào tạo tiến sĩ” từ năm 2011 đến năm 2019. Trong dự án này, 62 chương trình tiến sĩ kéo dài 5 năm tại 33 trường đại học đã nhận được tài trợ cạnh tranh để phát triển chương trình tiến sĩ nhằm đào tạo ra các nhà lãnh đạo được trang bị cả kiến thức chuyên ngành và tầm nhìn rộng lớn để làm việc toàn cầu trong lĩnh vực học thuật hoặc phi học thuật. Trong nhiều chương trình này, những chuyên gia từ các công ty tư nhân đã dạy một số khóa học và học viên được khuyến khích thực tập tại các công ty cũng như nghiên cứu ở nước ngoài. MEXT báo cáo rằng, tính đến tháng 3 năm 2018, 96,5% trong số 1.846 sinh viên trong dự án này đã tìm được việc làm sau khi tốt nghiệp. Tỷ lệ này cao hơn tỷ lệ của tổng số những người nhận bằng tiến sĩ trong năm đó (72,1% trong tổng số 15.658 học viên tốt nghiệp). Hơn nữa, 42,6% học viên tốt nghiệp Dự án MEXT theo đuổi sự nghiệp phi học thuật, ví dụ trong các công ty hoặc các tổ chức chính phủ, cũng cao hơn tỷ lệ phần trăm chung (25,1%).

Mặc dù Chương trình Hàng đầu dường như đã thành công trong việc tăng mối liên kết giữa chương trình tiến sĩ và nghề nghiệp phi học thuật, một trong

*Một trong những lý do giới*

*trẻ Nhật không ưa chuộng*

*các chương trình đào*

*tạo tiến sĩ là bằng tiến sĩ*

*không được coi là một ưu*

*thế giúp tăng thêm cơ hội*

*được tuyển dụng vào các*

*công ty Nhật Bản.*

những vấn đề chính của các dự án gần đây của chính phủ là chúng có xu hướng bị giới hạn trong một thời hạn cố định. Vào thời điểm dự án Chương trình Hàng đầu kết thúc vào năm 2019, một dự án tương tự "Đào tạo sau đại học xuất sắc" được bắt đầu vào năm 2018. Tuy nhiên, đây cũng là một dự án có thời hạn cố định, về cơ bản kéo dài bảy năm. Cuối tháng 1 năm 2020, Hội đồng Khoa học, Công nghệ và Đổi mới đã thảo luận những mục tiêu mới để nâng cao sức hấp dẫn của các chương trình tiến sĩ, bao gồm cả việc tăng mức hỗ trợ tài chính cho nghiên cứu sinh. Vào tháng 12 năm 2020, có thông tin rằng MEXT nâng mức hỗ trợ lên 2.900.000 JPY (khoảng 28 ngàn USD) cho khoảng 7.000 học viên tiến sĩ (khoảng 10% tổng số nghiên cứu sinh tiến sĩ ở Nhật Bản), mặc dù chi tiết của hỗ trợ này vẫn chưa được công bố. Cũng có thông tin rằng đây là chương trình hỗ trợ ổn định, chính là những gì Nhật Bản cần để nâng cao sức hấp dẫn của các chương trình tiến sĩ và mang lại sự đổi mới cho xã hội và ngành công nghiệp.

## Tham nhũng trong học thuật có thể xóa bỏ được không?

Liz Reisberg

*Liz Reisberg là tư vấn viên về giáo dục đại học quốc tế và là thành viên nghiên cứu tại Trung tâm Giáo dục Đại học Quốc tế, Boston College, Hoa Kỳ. Email: reisberg@gmail.com.*

Tham nhũng tồn tại ở hầu hết các doanh nghiệp nhà nước và tư nhân ở mọi quốc gia trên toàn thế giới. Ở bất kỳ nơi nào có cơ hội kiếm chác lợi ích cá nhân, dường như không thể tránh khỏi sẽ có những cá nhân khai thác những cơ hội đó vì lợi ích cá nhân bằng cách gian lận, và phá hoại tính toàn vẹn của hệ thống bằng những hành vi lạm dụng của họ. Giáo dục đại học không miễn dịch trước tham nhũng. Báo cáo năm 2020 của Viện Hàn lâm Khoa học Nga cho thấy việc rút lại 800 bài báo của các học giả Nga là một ví dụ gây sốc về mức độ nghiêm trọng và phổ biến của vấn nạn này.

Trong cuốn sách Tham nhũng trong giáo dục đại học - Những thách thức và ứng phó toàn cầu, do Elena Denisova-Schmidt biên tập, các học giả ở các nước trên thế giới cho rằng tham nhũng trong giáo dục đại học có nguyên nhân là hệ thống được thiết kế kém; sinh viên và giáo sư không hiểu rõ điều gì cấu thành hành vi phi đạo đức; hậu quả không được nhìn thấy rõ ràng; những cá nhân lâm vào những tình huống khó khăn mà "lối tắt" dường như là giải pháp duy nhất; và những cá nhân bị cám dỗ bởi con đường dễ dàng hơn để thăng tiến cá nhân. Không chỉ ra ranh giới rõ ràng giữa đạo đức và phi đạo đức, hoặc không phân biệt những trường hợp có thể kích thích tham nhũng trong những bối cảnh khác nhau làm suy yếu hiệu quả của bất kỳ chính sách hoặc quy trình nào được thiết kế để ngăn chặn tham nhũng trong học thuật.

Rõ ràng là nhiều quốc gia hoặc nhiều cơ sở giáo dục vẫn chưa quan tâm đúng mức đến việc định hướng sinh viên và giảng viên theo những tiêu chuẩn quốc tế đã được chấp nhận về tính liêm chính trong học tập hoặc giải thích vì sao những tiêu chuẩn này lại quan trọng. Trong một số trường hợp, tham nhũng được thực hiện một cách ngây thơ hoặc bởi vì người vi phạm nhận thấy những người khác tham nhũng mà không phải chịu hậu quả và sau đó tham nhũng được "bình thường hóa". Mặc dù một số hành vi rõ ràng là sai, nhưng không thể xử lý chúng nếu không hiểu rõ nguyên nhân dẫn đến việc chúng được thực hiện. Động cơ để gian lận thường rất lớn, trong khi hậu quả do hành vi gian lận lại rất nhỏ.

### Những lỗi tắt và động cơ sai trái

Có lẽ một trong những kết luận quan trọng nhất được rút ra từ cuốn sách nói trên là tham nhũng sẽ không bị xóa bỏ chỉ đơn giản bằng cách trừng phạt những cá nhân bị phát hiện có hành vi tham nhũng. Trong nhiều hệ thống vẫn hiện diện những động cơ sai lầm kích thích sự gian dối hoặc coi nhẹ gian lận. Đó là trường hợp của Armenia, Lithuania, Nga và Ukraine, nơi giảng viên hướng dẫn thấy mình lâm vào tình huống khó xử là bỏ qua sự gian lận hoặc đánh trượt chính những sinh viên, mà học phí của họ góp phần duy trì trường đại học nơi giảng viên đang làm việc.

Đại chúng hóa chắc chắn đã góp phần tạo thành vấn đề. Kết quả của việc mở rộng giáo dục đại học có nghĩa là có nhiều sinh viên hơn gia nhập giáo dục đại học mà không được chuẩn bị trước. Ở những nơi thiếu các dịch vụ hỗ trợ học tập, sẽ có động cơ gian lận để thành công. Một trong số đó là thỏa thuận gian lận, khi sinh viên mua các bài luận để nộp thay vì tự viết. Trong một số trường hợp, sinh viên tìm cách gian dối do áp lực học tập. Rất dễ dàng tìm mua những bài luận văn trực tuyến. Việc mua bán luận án và tiểu luận thường được thực hiện ngang nhiên, đôi khi nơi bán nằm sát khuôn viên trường. "Xưởng sản xuất luận án" không chỉ phục vụ nhu cầu của những sinh viên cần mua chúng, mà còn phục vụ lợi ích của những người bán. Ví dụ ở Kenya, sinh viên tốt nghiệp đại học thường tìm đến công việc bán các bài luận trực tuyến do họ khó tìm được việc làm trong nền kinh tế yếu kém của Kenya. Chính phủ Kenya sẽ đối mặt với vấn đề thất nghiệp lớn hơn nếu có bất kỳ nỗ lực phối hợp nào nhằm giải quyết ngành công nghiệp "sản xuất học thuật" này.

Ở mức độ nào đó số lượng sinh viên tốt nghiệp đại học ngày càng tăng đã khiến giá trị bằng cấp bị giảm xuống. Ở nhiều quốc gia, bằng đại học đã trở thành bằng cấp cơ bản, thậm chí đối với những vị trí công việc không yêu cầu những kỹ năng đại học. Kết quả là xuất hiện một phân khúc thị trường chuyên phục vụ những người quan tâm đến việc có bằng cấp mà không muốn đầu tư thời gian hoặc công sức. Những cá nhân này bị cám dỗ bởi sự dễ dàng kiếm được một tấm bằng từ những lò có thể cung cấp bất kỳ loại bằng cấp nào, cho bất kỳ trình độ nào, chỉ với một số tiền rất nhỏ so với học phí và hầu như không mất thời gian. Bất chấp nhiều nỗ lực, UNESCO và những tổ chức khác vẫn không thu thập được đầy đủ bằng chứng về những doanh nghiệp góp phần vào loại gian lận này.

### Tóm tắt

Tham nhũng ngày càng lan rộng trong giáo dục trên toàn thế giới, sự kết hợp của nhiều hoàn cảnh khiến tham nhũng trở thành hấp dẫn do có thể đem đến những phần thưởng tiềm năng lớn trong khi hậu quả lại rất ít. Nhiều hệ thống giáo dục đại học đã vô tình khuyến khích những động cơ tiêu cực khiến tham nhũng càng gia tăng. Bài viết này trích dẫn những ví dụ về tham nhũng được nêu bật trong ấn bản Tham nhũng trong Giáo dục Đại học – Những Thách thức và Ứng phó toàn cầu.



### Những liên doanh thương mại đáp ứng nhu cầu

Khi việc làm trong lĩnh vực học thuật và sự thăng tiến phụ thuộc vào số lượng bài nghiên cứu được công bố, không thể tránh khỏi tình trạng có những cá nhân sẽ tìm đến những tạp chí khoa học nguy tạo. Số lượng các tạp chí nguy tạo gia tăng đáp ứng nhu cầu này nhưng cũng khiến khó phân biệt những tạp chí nguy tạo với những ấn phẩm hợp pháp. Những nỗ lực lập "danh sách đen" bị cản trở do thiếu nguồn lực cần thiết để theo dõi vô số tạp chí hiện có.

Các hội nghị khoa học nguy tạo cũng tạo thành thách thức tương tự. Những nhà tổ chức loại hội nghị này đã tìm thấy một lượng khán giả để dãi, đặc biệt là những học giả trẻ, những người cần làm đẹp CV của họ hoặc những người cảm thấy hãnh diện khi được mời báo cáo. Ngoài ra chi phí đi lại được trường đại học tài trợ cũng có sức hấp dẫn, kết quả là ngay cả các học giả từ những tổ chức ưu tú cũng tham gia. Thật không may, những nhà tổ chức các sự kiện nguy tạo này chỉ xem họ là một nguồn thu nhập.

Cuối cùng là các "bên thứ ba" tháo vát đóng vai trò trung gian để đưa sinh viên tương lai vào các trường đại học ở nước ngoài (thường là ở Úc, Vương quốc Anh và Hoa Kỳ). Mặc dù hình thức hoạt động này tuân theo quy tắc đạo đức của bên nhận được lợi ích lớn nhất, tất cả các bên tham gia đều có động cơ mạnh mẽ - sinh viên và gia đình họ không tốn nhiều công sức để tìm hiểu, phân loại rất nhiều lựa chọn quốc tế; các trường đại học có được những sinh viên trả học phí đầy đủ mà không cần nỗ lực tuyển sinh; các đại lý trung gian thu lợi.

*Khi việc làm trong lĩnh vực*

*học thuật và sự thăng tiến*

*phụ thuộc vào số lượng bài*

*nghiên cứu được công bố,*

*không thể tránh khỏi tình*

*trạng có những cá nhân*

*sẽ tìm đến những tạp chí*

*khoa học nguy tạo.*

### Biện pháp khắc phục

Để loại bỏ tham nhũng trong giáo dục đại học cần nhiều nỗ lực hơn trên nhiều phương diện. Có lẽ việc quan trọng nhất cần làm là định hướng cho giảng viên và sinh viên về những gì cấu thành tham nhũng trong học tập và để loại bỏ những yếu tố nền tảng khuyến khích hành vi phi đạo đức. Ở những nơi sinh viên không có điều kiện theo học toàn thời gian, cần có cơ chế để giảm bớt áp lực tài chính. Khi sinh viên gặp khó khăn trong việc cân bằng thời gian giữa học tập và việc làm kiếm tiền, họ dễ bị cám dỗ thực hiện gian lận. Ngoài ra, ranh giới giữa lợi ích tài chính, lợi ích chuyên môn, hoặc lợi ích học thuật của những cá nhân đang nắm giữ chức vụ nhà nước hoặc có tầm ảnh hưởng đến chính sách công thường mờ nhạt. Trừ khi xung đột lợi ích được xác định và ngăn chặn, tham nhũng sẽ phát triển mạnh.

Một nội dung quan trọng chỉ được đề cập đến một phần trong cuốn sách là tham nhũng cũng nảy sinh từ cách thức đo lường thành công. Những tiến bộ trong học tập để đạt được bằng cấp vẫn được đo lường chủ yếu bằng các kỳ thi và luận văn, do đó bảng điểm gian lận, sự mạo danh, công nghệ và những người viết luận văn thuê cung cấp một lối đi tắt hấp dẫn để có được kết quả cần thiết. Những cơ chế thay thế nhằm đo lường quá trình học tập của sinh viên có thể loại bỏ nhiều lối tắt dẫn đến tốt nghiệp. Tương tự, nếu thành công của giảng viên được đo lường theo cách định lượng, lựa chọn bất hợp pháp sẽ vẫn hấp dẫn. Cơ hội tham nhũng sẽ giảm đi nếu sự xuất sắc trong giảng dạy và phục vụ cho tổ chức được đánh giá cao hơn.

**Kết luận**

Giáo dục đại học là nền tảng để tạo ra nguồn nhân lực có trình độ cao cần thiết cho nền kinh tế dựa trên tri thức ngày nay. Công dân ở các quốc gia ở mọi giai đoạn phát triển cần tin tưởng vào các trường đại học để bảo vệ tính toàn vẹn và chất lượng của “đầu ra” của họ.

Khi đọc cuốn sách này người ta không thể không bị ấn tượng bởi mức độ đổi mới đã tạo ra rất nhiều hình thức tham nhũng trong học thuật. Giá như những nỗ lực sáng tạo này được sử dụng có đạo đức hơn, các trường đại học trên thế giới đã đạt được những thành tích lớn lao hơn nhiều.

## Mua hay không mua - đầu tư cho một luận án ở Ukraine

**Ararat L. Osipian**

*Ararat L. Osipian là Thành viên của Viện quốc tế Giáo dục và của New University in Exile Consortium, Hoa Kỳ. Email: araratos@yahoo.com.*

Nhiều quốc gia có thu nhập trung bình thấp đã trải qua quá trình chuyển đổi thị trường trong nhiều thập kỷ. Trong nhiều trường hợp, mặc dù trải qua một thời gian dài chuyển đổi, những cải cách thị trường do các chế độ chính trị khác nhau thực hiện khó có thể được gọi là thành công. Chủ yếu theo hình thức độc quyền, bán phong kiến, bất hợp pháp ở mức độ cao và tham nhũng tràn lan, những nền kinh tế quốc gia này không có thị trường phát triển và cạnh tranh. Tuy nhiên, có một thị trường là ngoại lệ rõ ràng nhờ cung cấp thứ sản phẩm bất thường là luận án tiến sĩ. Những người sử dụng sản phẩm này đang làm suy yếu nền kinh tế quốc gia do thiếu những kỹ năng được đào tạo. Vì có thể mua bán được dễ dàng, bằng tiến sĩ không còn là một chứng nhận về chuyên môn. Trên thị trường quốc tế những người có bằng tiến sĩ không có một giá trị rõ ràng. Vấn nạn luận án giả mạo đã trở thành mối quan tâm toàn cầu.

### Thị trường mua bán luận văn ở Ukraine phát triển hơn

Công trình nghiên cứu kéo dài hơn một thập kỷ của tôi với đề tài “Kinh tế học về tham nhũng trong đào tạo tiến sĩ: Thị trường luận văn” - do Tạp chí Kinh tế Giáo dục xuất bản - để cập đến 169 công ty ở Nga chuyên sản xuất các luận văn giả mạo. Vào thời điểm đó Ukraine chỉ có 16 công ty như vậy. Nghiên cứu gần đây của tôi “Hãy để tôi viết luận văn cho bạn: Gian lận bằng cấp tiến sĩ nhìn từ khía cạnh chi phí-lợi ích ở cấp vi mô” - được công bố trong tạp chí So sánh: Tạp chí về Giáo dục So sánh và Quốc tế - đã tìm ra 46 công ty cung cấp luận văn giả mạo ở Ukraine. Ngoài ra, có rất nhiều học giả cá nhân - học giả làm việc kiểu độc lập rất sẵn lòng viết thuê luận văn với mức phí hợp lý. Những công ty và những cá nhân này đại diện cho phía cung của thị trường mua bán luận án. Người ta có thể đặt hàng một luận văn trong bất kỳ lĩnh vực nào theo chủ đề tự lựa chọn. Nhu cầu sử dụng những dịch vụ này

### Tóm tắt

Bên cạnh tình trạng mua bán luận văn ngày càng lan rộng và trở thành toàn cầu hóa, gian lận bằng tiến sĩ cũng là một vấn đề. Ở Ukraine, có hàng chục công ty cung cấp luận án theo yêu cầu đặt hàng. Những người có tham vọng lấy bằng tiến sĩ phải đối mặt với tình huống khó xử là mua hay không một luận văn viết sẵn. Mặc dù chi phí để có được bằng cấp tiến sĩ ngày càng lớn, nó là một tấm thẻ đảm bảo công việc và lợi nhuận tích lũy ngày càng lớn cho những người quyết định đầu tư mua một luận văn viết sẵn.

phần lớn là từ những ứng cử viên tiến sĩ, giảng viên và quản trị viên đầy tham vọng được tuyển dụng vào các trường cao đẳng và đại học, bác sĩ thực hành, công chức, chính trị gia, và doanh nhân. Trong khi các doanh nhân quan tâm đến bằng tiến sĩ để tạo uy tín và danh tiếng, các khách hàng tiềm năng khác có những lý do kinh tế rõ ràng.

### **Đạo đức và luân lý bị bỏ qua**

Kết quả điều tra thực địa của tôi ở Ukraine cho thấy những cân nhắc về đạo đức và ứng xử chuyên nghiệp đóng vai trò rất ít, nếu có, trong những quyết định như vậy. Ngược lại, tiền bạc thường chi phối quyết định. Mua luận văn được xem là một khoản đầu tư dài hạn rất hấp dẫn đối với những khách hàng tiềm năng muốn lấy bằng tiến sĩ. Họ phải cân nhắc chi phí cơ hội của việc tham gia giảng dạy và nghiên cứu học thuật để có được bằng cấp tiến sĩ theo cách hợp pháp, mặc dù bằng tiến sĩ tạo ra một số lợi ích trong dài hạn. Trừ những người làm việc trong các cơ sở giáo dục đại học hoặc nghiên cứu, những nhân viên y tế chuyên nghiệp hoặc công chức làm việc trong các văn phòng công, phục vụ trong quân đội hoặc các cơ quan thực thi luật pháp, hoặc định hướng sự nghiệp như một chính trị gia, bất kỳ lợi ích nào từ việc có bằng tiến sĩ đều đáng ngờ. Khu vực tư nhân, bao gồm các doanh nghiệp lớn, vừa và nhỏ, không quá coi trọng bằng cấp tiến sĩ của nhân viên và chủ doanh nghiệp. Do đó, gian lận bằng tiến sĩ gắn liền với khu vực công.

*Vì có thể mua bán*

*được dễ dàng, bằng*

*tiến sĩ không còn là*

*một chứng nhận về*

*chuyên môn.*

### **Giá của bằng tiến sĩ**

Ukraine vẫn duy trì hệ thống bằng cấp tiến sĩ hai bậc, bậc một là kandidat nauk (phó tiến sĩ), và bậc cao hơn là doktor nauk (tiến sĩ khoa học). Mặc dù bậc một gần đây đã được đổi tên thành "PhD" giống như cách gọi của bằng cấp phương Tây, về bản chất hệ thống này hầu như vẫn còn nguyên vẹn.

Để lên được bậc tiến sĩ cần viết và bảo vệ luận án. Cũng cần thực hiện nghiên cứu và xuất bản những công trình học thuật này. Tất cả những thứ này đều có thể mua được. Tổng chi phí cho luận văn, các công trình học thuật, và các nhận xét và đánh giá tích cực ở bậc kandidat nauk sẽ có giá khoảng 5.000 USD. Con số này là mức trung bình của giá cơ bản do các công ty niêm yết. Giá tối đa cho gói này vào khoảng 19 ngàn USD, gần gấp bốn lần giá cơ bản trung bình. Đối với bậc doktor nauk, giá cao hơn nhiều. Tổng chi phí cho luận văn, các công trình học thuật, và các nhận xét và đánh giá tích cực sẽ tốn khoảng 25 ngàn đô la Mỹ. Giá tối đa lên tới 82 ngàn đô la Mỹ. Vì kandidat nauk là điều kiện tiên quyết để chuyển lên bậc doktor nauk, nên giá tối đa của bậc sau là hơn 100 ngàn đô la Mỹ. Những mức giá cao này đều khó chấp nhận đối với hầu hết mọi người và không hợp lý. Thật vậy, có ai muốn bỏ ra tối thiểu 5000 đô la Mỹ cho tấm bằng kandidat nauk trong một hệ thống học thuật, nơi mà một phó giáo sư tại đại học công lập điển hình phải tồn tại với mức lương ít ỏi 300 đô la Mỹ một tháng hoặc thậm chí ít hơn? Tuy nhiên, sự gia tăng đáng kể về số lượng nhà cung cấp - từ 16 lên 46 - có thể là một dấu hiệu cho thấy nhu cầu lấy bằng tiến sĩ đã tăng lên. Ngoài những chi phí được liệt kê ở trên, còn có những chi phí khác, bao gồm những khoản đôi khi được gọi là chi phí tham nhũng trực tiếp. Không phải là chuyện lạ khi các ứng cử viên tiến sĩ, đặc biệt những người mua luận án, hối lộ các thành viên

của Hội đồng chấm bảo vệ tiến sĩ để được chấp nhận bảo vệ và được phiếu thông qua. Ngoài ra, những bữa tiệc xa hoa và quà tặng được coi như một phần mặc định của truyền thống thối nát này. Loại chi phí cuối cùng là cho thủ tục giấy tờ. Trước khi bảo vệ luận văn và cấp bằng tiến sĩ, một bộ tài liệu bắt buộc phải được nộp cho Bộ Giáo dục và Khoa học. Những tài liệu này cũng có thể mua được bằng một khoản phí trả cho những chuyên viên có liên kết chặt chẽ với những người bán luận án. Ngoài ra, còn rất nhiều khoản chi phí vặt khác nữa. Những chi phí này đẩy tổng giá của mỗi bậc cao hơn giá trung bình được sử dụng trong phân tích chi phí - lợi ích ban đầu.

### **Thu hồi vốn đầu tư vào bằng tiến sĩ**

Tuy nhiên, lợi ích có thể biện minh cho chi phí. Những người có bằng tiến sĩ được trả lương cao hơn đáng kể, cả trong các trường đại học và cao đẳng công lập và tư thực cũng như trong các công sở. Lợi ích còn bao gồm vị trí cao hơn trong hệ thống cấp bậc học thuật hoặc chính quyền và nhận lương hưu cao hơn. Việc làm được đảm bảo cũng là một lý do tính toán. Nói thẳng ra, bằng tiến sĩ là một thẻ công đoàn cung cấp sự đảm bảo và lợi nhuận tích lũy ngày càng lớn. Ngoài ra, ở một quốc gia tham nhũng như Ukraine, các giảng viên và quan chức nhà nước khai thác nguồn thu nhập bất hợp pháp dưới hình thức hối lộ để bổ sung vào tiền lương hợp pháp của họ. Nguồn thu nhập bất hợp pháp này thường lớn hơn nhiều so với mức lương chính thức. Thậm chí cao hơn có bằng tiến sĩ cũng hứa hẹn mức thu nhập bất chính cao hơn và nhiều cơ hội tham nhũng hơn.

## **Liên kết giá mạo và gian lận chỉ số chất lượng đại học**

**Vivienne C. Bachelet**

*Vivienne C. Bachelet là Phó giáo sư (Associate Professor) tại School of Medicine, Universidad de Santiago de Chile (USACH), Chile. Email: vivienne.bachelet@usach.cl.*

Hội nghị Thế giới lần thứ sáu về Liêm chính trong Nghiên cứu được tổ chức tại Hồng Kông vào những ngày đầu của tháng 6 năm 2019, ngay trước khi diễn ra các cuộc biểu tình quần chúng ngày 9 tháng 6. Hội nghị được tổ chức bởi Đại học Hồng Kông và quy tụ các học giả, các nhà nghiên cứu, người ủng hộ, nhà báo, biên tập viên, thanh tra đạo đức trong nghiên cứu đại học, quan chức chính phủ, v.v... từ khắp nơi trên thế giới. Trung Quốc có số lượng đại biểu tham gia đông đảo, và những đại diện hàng đầu của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa đã có những bài phát biểu quan trọng.

Một trong những phiên họp toàn thể chính được dành cho vai trò của các cơ quan tài trợ trong việc định hình các thực hành nghiên cứu có trách nhiệm. Một trong những diễn giả là Qikun Xue từ Đại học Thanh Hoa, bà đã trình bày tổng quan về những chính sách liêm chính trong nghiên cứu và thực tiễn trong Trường đại học này - được Bảng xếp hạng Đại học Thế giới

**Tóm tắt**

Các tổ chức xếp hạng sử dụng các công bố khoa học để xây dựng các chỉ số về chất lượng đại học. Nhiều trường đại học trên thế giới thường tiến nhằm khuyến khích các học giả và các nhà khoa học đăng bài trên những tạp chí có chỉ số hoặc tác động cao, như một cách thúc đẩy năng suất nghiên cứu của trường. Tuy nhiên, các trường đại học có thể đang sử dụng cả những cơ chế khác để tăng số lượng những ấn phẩm được ghi nhận cho trường, đánh lừa những chỉ số đang được sử dụng để xếp hạng các trường đại học.

Times Higher Education xếp số một ở Trung Quốc và châu Á. Sau bài phát biểu của bà, một đại biểu đã thẳng thừng chất vấn bà về việc các trường đại học Trung Quốc có chính sách trả tiền cho các nhà nghiên cứu để họ đăng bài trên những tạp chí có tác động cao. Đại biểu này có giọng điệu thù địch, và câu hỏi của ông ta về cơ bản giả định rằng việc trả tiền cho các nhà khoa học khi những bài báo của họ được công bố là trái với tính chính trực của nghiên cứu. Qikun Xue trả lời vấn đề rằng đã hơn một thập kỷ trường đại học của bà không trả tiền cho các nhà khoa học vì các ấn phẩm học thuật.

**Thưởng tiền cho các bài báo được công bố**

Có vấn đề gì với việc thưởng tiền cho những học giả hoặc nhà khoa học đã có nghiên cứu được công bố trong một tạp chí có tác động cao hoặc có bài báo được xuất bản trong những tạp chí được lập chỉ mục trong Scopus hay Web of Science (WoS)? Thực tế này rất phổ biến ở Trung Quốc cho đến khi bị cấm gần đây, và không chỉ diễn ra ở đó, mà trên thực tế nó lan rộng ở nhiều quốc gia. Ở Chile, gần như tất cả các trường đại học thưởng tiền cho những bài báo được công bố và mức thưởng được tính theo thứ hạng của tạp chí hoặc cơ sở dữ liệu chỉ mục (các bài báo được lập chỉ mục WoS được trả nhiều hơn các bài báo Scopus).

Động lực đằng sau chính sách này là khuyến khích những học giả không chỉ giảng dạy mà còn tham gia vào nghiên cứu và công bố. Ở nhiều quốc gia mới nổi với hệ thống giáo dục đại học vẫn đang cố gắng củng cố văn hóa nghiên cứu, đây có vẻ là một cách dễ dàng để nâng cao năng suất của họ và nhờ đó, đạt được vị trí trong các hệ thống xếp hạng trường đại học, mà hầu hết đều căn cứ vào kết quả đầu ra do WoS hoặc Scopus thông báo. Trong khi hình thức khuyến khích này dường như không được văn hóa khoa học phương Tây chấp nhận, và một số nước có thể coi đó là hành vi vi phạm tính liêm chính trong nghiên cứu, những nước khác coi chính sách này như một cách thúc đẩy nâng cao năng suất của các nhà khoa học, và do đó, tăng thêm uy tín và danh tiếng của tổ chức. Dù hệ thống khen thưởng này được thực hiện theo cách nào thì cách thức cơ bản vẫn là *thông cáo về sự liên kết với trường*.

**Các trường đại học có mua các công bố nghiên cứu không?**

Thưởng tiền để khuyến khích văn hóa nghiên cứu có thể đã biến chất thành một cách đánh lừa hệ thống đối với những trường đại học mong muốn nâng cao vị trí của họ trong hệ thống xếp hạng quốc tế. Cải thiện thứ hạng có thể đem lại nhiều lợi ích cho một trường đại học, vì thứ hạng cao hơn thu hút được nhiều sinh viên đăng ký học hơn và tạo ra doanh thu lớn hơn.

Các trường đại học ở Chile đang sử dụng nhiều cơ chế đánh lừa hệ thống, chẳng hạn như khuyến khích những học giả ngay thơ đưa liên kết với trường đại học vào phần thông tin về tác giả trong bản thảo gửi đi dù trường không đóng góp gì vào nghiên cứu hoặc không trả lương cho học giả. Có nhiều trường hợp các trường đại học tư nhân vì lợi nhuận của Chile liên hệ với các nhà nghiên cứu nước ngoài, đề nghị thưởng tiền để họ đưa liên kết với trường đại học vào những công bố tiếp theo của họ trên những tạp chí có tác động cao, ngay cả khi những tác giả này không có bất kỳ mối liên hệ nào với tất cả những trường đại học đó. Phần thưởng bằng tiền do các trường đại học đưa ra cũng có thể thu hút sự quan tâm của các nhà nghiên cứu lâm sàng độc lập

trong các bệnh viện giảng dạy. Trong khi liên kết thực sự của tác giả là bệnh viện nơi tác giả làm việc, một liên kết với trường đại học có thể bỗng nhiên xuất hiện trong bài công bố kết quả nghiên cứu - nhờ vào khoản tiền thưởng này. Tương tự như vậy, những giảng viên thời vụ, những người giảng dạy các khóa học ở nhiều trường đại học, có thể chọn khoản thưởng cao nhất cho bài báo, hoặc, thậm chí, nhận tất cả các khoản thưởng; trong bài gửi đăng, tác giả này sẽ xuất hiện như một học giả liên kết với nhiều trường đại học. Ở những nơi khác trên thế giới, một số trường đại học đề nghị trao những vị trí danh dự cho những học giả danh tiếng từ các trường đại học phương Tây, đôi khi ký kết hợp đồng, với kỳ vọng rằng trong những công bố của những học giả này sẽ xuất hiện tên của họ (các trường đại học) trong vai trò liên kết.

### Ảnh hưởng đến thứ hạng

Như vậy, thứ hạng phụ thuộc nhiều vào các mối liên kết, nhưng phụ thuộc nhiều hơn vào các liên kết với trường đại học. Hệ thống xếp hạng và kiểm định chất lượng và sự cạnh tranh giữa các trường đại học đã dẫn đến một nền văn hóa xếp-hạng-hay-là-chết. Nhiều chỉ số được sử dụng bởi các nhà xếp hạng (ví dụ như số lượng giải Nobel) không dễ dàng điều chỉnh trong một khung thời gian ngắn, trong khi năng suất (đầu ra) lại rất dễ điều chỉnh. Việc có nhiều liên kết ngày càng trở thành phổ biến - thậm chí có thể nói, thành chuẩn mực - do quá trình quốc tế hóa các trường đại học và sự phát triển của các dự án nghiên cứu hợp tác.

Do đó, không có gì ngạc nhiên khi hầu hết các bài báo, đặc biệt trong lĩnh vực y sinh, có nhiều đồng tác giả, và một số trong số họ có thể báo cáo có liên kết với nhiều trường. Khi một tác giả gửi bản thảo để xuất bản, tất cả những trường liên kết xuất hiện trong phần thông tin về tác giả tự động được ghi nhận. Đáng ngạc nhiên là không tạp chí nào đưa ra khuyến nghị về sự cần thiết báo cáo chính xác những trường liên kết và các tác giả dựa vào đánh giá tốt nhất của mình để đưa vào bài báo một hoặc nhiều liên kết, tùy thuộc vào phần thưởng có thể nhận được. Tuy nhiên, liệu chúng ta có biết những liên kết được báo cáo là thật hay không? Sự chính xác của những báo cáo liên kết đó được các bên liên quan xác minh đến mức nào? Trong một nghiên cứu kiểm tra và xác minh các liên kết của những tác giả báo cáo có nhiều đơn vị liên kết, với ít nhất một trong số đó thuộc một cơ sở giáo dục đại học của Chile, chúng tôi không thể xác thực 38% những đơn vị liên kết được báo cáo bằng cách sử dụng những phương tiện tra cứu có sẵn.

Khi các thước đo trở thành động lực làm nền tảng cho nhiều chính sách giáo dục đại học quan trọng, thì dữ liệu được sử dụng để xây dựng những thước đo này cần phải hợp lệ. Ngoài nghiên cứu của chúng tôi, dường như có rất ít hoặc không có sự quan tâm nào đến tính toàn vẹn của nghiên cứu và đạo đức của cộng đồng xuất bản, nên quy mô của vấn đề này chưa được thấy rõ. Nếu hệ thống giáo dục đại học toàn cầu tiếp tục sử dụng các ấn phẩm học thuật như một tiêu chí đánh giá chất lượng, thì cần đảm bảo để không xảy ra tình trạng gian lận. Những tác động cần sâu rộng, và những giải pháp phải thu hút sự tham gia của nhiều bên liên quan, bao gồm các trường đại học, các tổ chức xếp hạng, tạp chí, nhà tài trợ, và các tổ chức về đạo đức xuất bản và liêm chính trong nghiên cứu.

*Ngoài nghiên cứu của*

*chúng tôi, dường như có*

*rất ít hoặc không có sự*

*quan tâm nào đến tính*

*toàn vẹn của nghiên*

*cứu và đạo đức của cộng*

*đồng xuất bản, nên quy*

*mô của vấn đề này chưa*

*được thấy rõ.*

**Tóm tắt**

Tiếp tục bàn về những thay đổi chính sách quan trọng trong giáo dục đại học ở Brazil từ khi tổng thống Bolsonaro nhậm chức vào tháng 1 năm 2019, trong bài viết này chúng tôi trình bày về cái gọi là “niên đại của những bi kịch”, đưa ra một đánh giá tổng quan về những sự kiện diễn ra từ tháng 9 năm 2019. Những sự kiện này cho thấy cách thức các chính sách liên bang đang đe dọa quyền tự chủ đại học, mặc dù khu vực giáo dục đại học công lập đã chứng tỏ vai trò nền tảng của mình trong cuộc chiến chống lại đại dịch COVID-19 hiện tại.

## Bi kịch của nền giáo dục đại học Brazil

**Marcelo Knobel và Fernanda Leal**

*Marcelo Knobel là Hiệu trưởng của Universidade Estadual de Campinas (Unicamp) và là giáo sư toàn thời gian tại Viện Vật lý Gleb Wataghin, Unicamp, Brazil. Email: knobel@ifi.unicamp.br. Fernanda Leal là trợ lý Điều hành cho Hiệu trưởng Phát triển nhân lực và Quản lý tại Universidade Federal de Santa Catarina (UFSC), Brazil, và là cựu học giả thỉnh giảng tại Trung tâm Giáo dục Đại học Quốc tế (CIHE), Boston College, Hoa Kỳ. Email: fernanda.leal@ufsc.br.*

Trong các bài viết trước, chúng tôi đã tóm tắt những thay đổi chính sách quan trọng trong giáo dục đại học Brazil kể từ khi Tổng thống Jair Bolsonaro nhậm chức vào tháng 1 năm 2019. Về cơ bản, chúng tôi đề cập đến những bất ổn, những mâu thuẫn và trở ngại mà lĩnh vực này phải đối mặt: hạn chế ngân sách dành cho các cơ sở khoa học và giáo dục đại học công lập; sự thiên vị ý thức hệ của Tổng thống chống lại khoa học nhân văn; và chương trình “Future-se”, một đề xuất từ Bộ Giáo dục với quan điểm tân tự do, nhằm tăng quyền tự chủ tài chính của các đại học công/ liên bang - đồng thời tăng cường những cơ chế để kiểm soát chúng.

Tiếp tục xem xét chủ đề này, bài viết này của chúng tôi trình bày về cái gọi là “niên đại của những bi kịch”, như một đánh giá tổng quan về những sự kiện xảy ra trong giáo dục đại học Brazil từ tháng 9 năm 2019. Những sự kiện này cho thấy cách thức các chính sách liên bang đang đe dọa quyền tự chủ đại học, mặc dù khu vực giáo dục đại học công lập đã chứng tỏ vai trò nền tảng của mình trong cuộc chiến chống lại đại dịch COVID-19 hiện tại.

### Thêm những bất ổn, mâu thuẫn và phản ứng

Một trong những tác động đáng chú ý của những chính sách của Bolsonaro đối với giáo dục đại học là sự bất ổn định của ngành. Nhiều biện pháp của ông được áp dụng mà không có bất kỳ cuộc đối thoại nào với các trường đại học và các hiệp hội đại diện, dẫn đến sự phản kháng mạnh mẽ và những sáng kiến bị hủy bỏ hoặc trì hoãn.

Bộ trưởng giáo dục thứ ba trong nhiệm kỳ tổng thống của ông bị thay thế vào tháng 7 năm 2020. Bộ trưởng thứ hai, Abraham Weintraub, là người giữ vị trí lâu nhất (từ tháng 4 năm 2019 đến tháng 6 năm 2020) đã để lại một di sản rất tiêu cực. Do lập trường tư tưởng và thái độ thù địch với các trường đại học và học viện công lập, Weintraub đã phải từ chức. Những động thái gây tranh cãi của ông ta đi xa đến mức Tổng thống không thể biện minh cho việc giữ ông ta ở vị trí đó. Có lẽ một trong những khoảnh khắc nghiêm trọng nhất là khi Weintraub xuất hiện trong một cuộc biểu tình nhỏ ủng hộ chính phủ vào tháng 6 năm 2020, ngay giữa thời gian đang diễn ra một trong những thảm họa sức khỏe cộng đồng tồi tệ nhất trong lịch sử hiện đại, mà không mang khẩu trang. Ông ta chào những người biểu tình và tuyên bố: “Tôi không muốn có thêm những nhà xã hội học hoặc nhà nhân loại học. Tôi không muốn dùng tiền của mình để có thêm các triết gia”.

Nhà kinh tế học Carlos Alberto Decotelli được đề cử thay thế. Tuy nhiên, do một số chi tiết không rõ ràng về trình độ học thuật, bao gồm thông tin không chính xác và việc ông từng bị cáo buộc đạo văn, ông đã không được

bổ nhiệm. Vào tháng 7, linh mục Trưởng lão Milton Ribeiro đảm nhận chức vụ bộ trưởng, gây ra những lo ngại mới sau những phát biểu như cho rằng đồng tính luyến ái là hệ quả của giáo dục và các giá trị đạo đức. Nói chung, bộ trưởng mới cố gắng hết sức để không thu hút sự chú ý của dư luận, nhưng, thật không may, tình hình đối với giáo dục đại học và khoa học vẫn không được cải thiện.

### **Thêm những hạn chế ngân sách**

Ngân sách dành cho các trường đại học công lập và tài trợ khoa học tiếp tục bị cắt giảm và mức cắt giảm vào năm 2021 dự kiến sẽ còn lớn hơn. Vào đầu năm 2020, cơ quan liên bang Capes đã công bố một mô hình mới cấp học bổng nghiên cứu cho sinh viên sau đại học, ưu tiên các lĩnh vực công nghệ. Tương tự, cơ quan liên bang CNPq đã loại trừ các ngành khoa học xã hội và nhân văn khỏi các dự án nghiên cứu ưu tiên được tài trợ từ năm 2020 đến 2023. Điều này được biện minh là vì lợi ích của việc “thúc đẩy sự phát triển kinh tế và xã hội của đất nước”.

Capes và CNPq đều là những cơ quan chính tài trợ học bổng nghiên cứu ở Brazil. Capes cũng chịu trách nhiệm đánh giá và công nhận các chương trình sau đại học, do đó việc chỉ tài trợ nghiên cứu cho một số “lĩnh vực ưu tiên” có thể gây rủi ro cho sự phát triển của nhiều lĩnh vực và tự do học thuật, và dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng đối với tư duy phản biện.

Những hạn chế ngân sách sẽ còn trầm trọng hơn, bởi vì các đại học liên bang dự kiến phải đối mặt với khoản cắt giảm thêm 18% (tương ứng với khoảng 185 triệu USD) các chi phí linh hoạt (trả lương, đầu tư và hỗ trợ sinh viên) vào năm 2021. Tình hình này sẽ trở nên tồi tệ hơn khi một dự án phân bổ lại khoảng 260 triệu đô la Mỹ từ Bộ Giáo dục sang cho các bộ cơ sở hạ tầng và phát triển khu vực được phê duyệt vào tháng 11. Điều này, theo lập luận của các hiệp hội các đại học liên bang, sẽ gây tổn hại cho những hoạt động giảng dạy, nghiên cứu và những hoạt động mở rộng tiếp cận cộng đồng, và như vậy tác động trực tiếp đến xã hội Brazil.

### **Mối đe dọa khác đối với quyền tự chủ quản trị**

Sau khi đa số các đại học liên bang từ chối “Future-se”, chính phủ đã tìm kiếm những cách mới để can thiệp vào công việc quản trị của họ. Tháng 6 năm ngoái, Tổng thống công bố một biện pháp tạm thời, theo đó, khi nhiệm kỳ bốn năm của một hiệu trưởng kết thúc trong thời gian đại dịch COVID-19, Bộ Giáo dục sẽ chỉ định người kế nhiệm, bỏ qua truyền thống lâu đời là lãnh đạo các trường đại học được bầu ra bởi các giảng viên, quản trị viên và sinh viên. Do chính phủ liên bang vẫn rất ít quan tâm đến đại dịch COVID-19, biện pháp này dường như là một cách để can thiệp vào quyền tự chủ của các trường đại học. Thật vậy, ý kiến khẳng định rằng trong thời gian đại dịch không thể tổ chức bầu phiếu bầu lãnh đạo mới là hoàn toàn vô lý, bởi vì hầu hết các hoạt động vẫn đang được tiến hành từ xa và công nghệ hiện nay giúp cho việc bỏ phiếu từ xa trở nên khả thi và an toàn. May mắn thay, thượng viện đã bác bỏ quyết định này, vì nó trái với hiến pháp Brazil.

Theo hiến pháp, quá trình này bắt đầu bằng một cuộc bỏ phiếu nội bộ của trường. Sau đó Hội đồng trường đại học sẽ gửi cho Tổng thống danh sách để cử gồm ba người nhận được nhiều phiếu bầu nhất. Từ khi Brazil khôi phục

*Tiếng nói chung của họ*

*là một đối trọng cần*

*thiết bác bỏ những ý kiến*

*phủ nhận mức độ nghiêm*

*trọng của virus và ý kiến*

*cho rằng "khoa học là*

*viễn tưởng" - như cách*

*chính quyền Bolsonaro*

*vẫn tuyên truyền.*



lại chế độ dân chủ, thực tế diễn ra là Tổng thống bổ nhiệm ứng viên đứng đầu danh sách, tôn trọng sự lựa chọn của cộng đồng trường đại học. Từ năm 2019, Bolsonaro đã bổ nhiệm các hiệu trưởng sau 27 cuộc bầu cử đại học, nhưng 10 lần trong số đó ông bỏ qua sự lựa chọn của các trường. Trong một số trường hợp, ứng cử viên được Tổng thống bổ nhiệm thậm chí còn không có tên trong danh sách đề cử từ trường. Mặc dù không bắt buộc, nhưng việc chấp nhận đề cử của cộng đồng học thuật là một biểu hiện quan trọng về sự tôn trọng quyền tự chủ và tính hợp pháp của những thể chế từng chịu đựng tình trạng thiếu dân chủ dưới chế độ độc tài quân phiệt. Trao quyền quản lý một trường đại học phức hợp cho một cá nhân không được đa số cộng đồng lựa chọn chỉ làm sự căng thẳng trong môi trường học thuật thêm trầm trọng.

Một mối lo ngại khác là ý định của chính phủ liên bang trong việc mở rộng vĩnh viễn mô hình đào tạo từ xa tại các đại học liên bang. Vào tháng 10, Tổng thống đã lập hai nhóm công tác để trình bày những chiến lược theo nội dung này. Đại dịch COVID-19 đã khiến các trường đại học phải tìm cách triển khai hình thức học tập từ xa như một biện pháp khẩn cấp. Tuy nhiên, những nội dung như chất lượng và cơ hội tiếp cận công nghệ của sinh viên cần được các trường đại học và các cơ quan đại diện giải quyết và thảo luận rộng rãi. Do các đại học công đã mở rộng đối tượng tiếp cận giáo dục đại học trong những năm gần đây, nhiều sinh viên từ những gia đình có thu nhập thấp đã đăng ký theo học. Rủi ro của sự bất bình đẳng kỹ thuật số như hệ quả của việc mở rộng lâu dài mô hình đào tạo từ xa không nên bị coi thường. Trước khi thử thực hiện một thay đổi lớn như vậy, các trường đại học phải có khả năng đánh giá và giảm thiểu tác động tiềm tàng của nó trong khía cạnh tiếp cận và chất lượng.

Nghịch lý thay, bất chấp tất cả những bi kịch mà hệ thống giáo dục đại học công phải trải qua, thời điểm hiện tại có thể được coi là cơ hội để các trường đại học củng cố giá trị của họ đối với xã hội bằng cách đến gần hơn với những cộng đồng xung quanh họ. Sau nhiều năm tấn công không ngừng vào giới học thuật, khi đại dịch lan rộng, các phương tiện truyền thông đã dành nhiều không gian hơn để tiếng nói của các giảng viên được lắng nghe và nhấn mạnh tầm quan trọng của nghiên cứu trong việc giải quyết những vấn đề công cộng quan trọng như chống lại virus. Các đại học công lập có công trong 95% nghiên cứu của đất nước và tiếng nói chung của họ là một đối trọng cần thiết bác bỏ những ý kiến phủ nhận mức độ nghiêm trọng của virus và ý kiến cho rằng "khoa học là viễn tưởng" - như cách chính quyền Bolsonaro vẫn tuyên truyền. Những cố gắng bịt miệng giới học thuật và kiểm soát các trường đại học đang gây tổn hại cho nền dân chủ, sự phát triển và phúc lợi xã hội trên cả nước và phá hủy những thành tựu đạt được từ quyền tự chủ đại học và tự do học thuật trên toàn thế giới.

## Xuất hiện từ trong sương mù: các trường đại học Pháp và bảng xếp hạng toàn cầu

Ludovic Highman

*Ludovic Highman là giáo sư cộng tác môn quản lý giáo dục đại học tại Trung tâm quốc tế về Quản lý Giáo dục Đại học, Trường Quản lý Đại học Bath; và là cộng tác viên của trung tâm nghiên cứu, Khoa Giáo dục, Đại học Oxford, Vương quốc Anh. Email: lah26@bath.ac.uk.*

Hệ thống giáo dục đại học của Pháp có thể được mô tả là *sui generis* (độc nhất) và đã được xác định là phân mảnh, phân tầng và đa loại. Từ đầu thế kỷ XXI, Pháp đã bắt đầu hợp lý hóa hệ thống giáo dục đại học của mình, sau sự thất vọng vì thành tích mờ nhạt của các trường đại học Pháp trong bảng xếp hạng đại học toàn cầu. Để khắc phục điều này, chính phủ khởi xướng những quá trình cải cách nhằm thu hẹp khoảng cách giữa các grandes écoles với các trường đại học và khuyến khích sự tái hợp nhất của các trường đại học lịch sử. Để hiểu vì sao trong một thời gian dài, đối với các nhà hoạch định chính sách và học giả Pháp, việc tạo dựng những trường đại học mạnh của Pháp là một thách thức lớn và là một khái niệm gần như xa lạ - một bản tóm tắt tổng quan lịch sử là cần thiết.

### Từ một cộng hòa các khoa đến một cộng hòa các trường đại học?

Sau Cách mạng Pháp, tất cả các trường đại học đang có bị bãi bỏ, trong số đó có nhiều trường được thành lập theo Tông sắc của Giáo hoàng (Montpellier năm 1289, Grenoble năm 1339, v.v...). Những trường này được thay thế vào năm 1806 bởi một tổ chức toàn quốc duy nhất có tên gọi lần lượt là Đại học Hoàng gia, Đại học Pháp, hoặc đơn giản là l'Université. Sau này được đặt dưới quyền của một Grand Master, hoặc bộ trưởng chịu trách nhiệm về các khoa, với quyền hạn đáng kể đối với những khoa được tái lập (tức là thần học, luật, y học, khoa học nhân văn và khoa học tự nhiên). Những khoa này phát triển độc lập với nhau và không có mối liên hệ thể chế ngoài việc được đặt dưới sự bảo trợ của l'Université.

Song song đó, các grandes écoles được thành lập với mục đích hướng nghiệp, cung cấp nhân lực kỹ thuật và quân sự cho quốc gia. Điều này tạo ra một loại hình tổ chức mới đào tạo phần lớn giới tinh hoa của Pháp, nằm ngoài khu vực đại học và khác với các nước châu Âu khác. Việc thành lập Đại học Berlin năm 1810 đã ít nhiều ảnh hưởng đến việc nhập khẩu mô hình Humboldt vào Pháp, và phải đến năm 1896 các khoa riêng biệt nằm trong cùng một thành phố mới có chung một định dạng thể chế. Tuy nhiên, điều này đã kịp gây thiệt hại, và việc cho phép những khoa năng động dưới sự dẫn dắt của trường khoa bỏ qua bất kỳ sáng kiến tập trung nào do trường đại học đưa ra, dẫn đến cái gọi là "Cộng hòa các Khoa".

Được ủng hộ bởi những học giả Pháp ưa chuộng mô hình Mỹ, Điều luật loi Faure năm 1968 ban đầu cố gắng thành lập các trường đại học (universities) nghiên cứu đa ngành và tự chủ, chịu trách nhiệm về quản trị, tài chính và chương trình đào tạo của riêng từng trường. Tuy nhiên, di sản của "Cộng hòa các Khoa" tỏ ra quá mạnh, nên kết quả đạt được khá khiêm tốn, chỉ một số

### Tóm tắt

Bức tranh giáo dục đại học Pháp đã thay đổi đáng kể trong những năm đầu thế kỷ 21. Để nâng cao khả năng cạnh tranh của ngành ở cấp độ toàn cầu, chính phủ Pháp đã thông qua những quy trình chính sách cấu trúc nhằm củng cố hệ thống và khắc phục sự phân biệt có tính truyền thống giữa các trường đại học và grandes écoles, đồng thời đưa ra những chương trình khuyến khích hợp nhất.

trường đại học đa ngành được thành lập ở những thị trấn nhỏ và trung bình. Ở những nơi khác, các liên minh ngành học và chính trị ở những thành phố lớn và ở thủ đô quá mạnh không thể đảo ngược, dẫn đến những "trường đại học" được tạo ra chỉ bao gồm một hoặc hai lĩnh vực của những ngành học liên quan, nói cách khác là những khoa trước đây.

### **Động lực cải cách**

Bảng xếp hạng toàn cầu đầu tiên của các trường đại học vào năm 2003, cụ thể là Xếp hạng Học thuật các trường đại học thế giới (ARWU), còn được gọi là xếp hạng Thượng Hải, đã gây ra thứ mà trong nước gọi là "cú sốc Thượng Hải". Nhiều người ngạc nhiên trước màn trình diễn đáng thất vọng của các trường Pháp. Vị thế kém cỏi của các grades écoles danh giá, nhiều trường hợp còn bị xếp ở những vị trí thấp hơn các trường đại học Pháp, gây ra tác động đặc biệt tàn phá đối với giới tinh hoa mà chúng đào tạo ra. Đây được coi là một rào cản đối với sức hấp dẫn của giáo dục đại học Pháp và hạn chế khả năng cạnh tranh của nền kinh tế dựa trên tri thức của Pháp.

Điều mà nhà cầm quyền không thấy rõ là các trường đại học chuyên ngành nhận được rất ít lợi ích từ việc sáp nhập thành các tổ chức đa ngành, khi ranh giới giữa các ngành đã ăn sâu trong trong tâm trí giảng viên (và sinh viên). Điều này còn do thiếu sự quan tâm từ giới tinh hoa chính trị, vì phần lớn trong số họ được đào tạo trong các grandes écoles. Tuy nhiên, xếp hạng đại học và sự xuất hiện của Mô hình Toàn cầu Mới nổi (EGM - Emerging Global Model) của trường đại học nghiên cứu đã chấm dứt sự thờ ơ chính trị này, thách thức tư duy của giới học thuật Pháp và các nhà quản trị đại học.

### **Đầu tư để trở thành "tốt nhất": các sáng kiến xuất sắc**

Kế hoạch Sáng kiến Xuất sắc (IDEX - Initiatives for Excellence), được khởi động vào năm 2010 với mục tiêu phát triển được 5 đến 10 trường đại học đẳng cấp thế giới, đã tạo ra sự thay đổi cơ cấu sâu sắc, hơn nữa hiệu quả hơn so với những chương trình khuyến khích trước đây (ví dụ như Plan Campus), nếu như tài trợ được phân bổ đầy đủ và mục tiêu thực hiện một chính sách tạo sự khác biệt trong khu vực đại học được cân nhắc kỹ lưỡng. Điều này có nghĩa là một sự chia tay quan trọng với chính sách trước đây vốn không thừa nhận bất kỳ sự khác biệt nào về vị thế hoặc chất lượng giữa các trường đại học, hoặc trong bất kỳ loại tổ chức chính thức nào. Cấu trúc tương đối "phẳng" của khu vực đại học của Pháp sắp có sự phân hóa đáng kể theo chiều dọc. Nhân IDEX uy tín đã được trao cho 10 trường đại học hoặc liên hiệp các học viện đặt tại Aix-Marseille, Bordeaux, Grenoble, Lyon, Nice, Paris và Strasbourg, cho phép những tổ chức này tự thể hiện mình như những trường đại học nghiên cứu hàng đầu của Pháp.

Kế hoạch IDEX tìm cách cung cấp những động lực cần thiết để hoàn thành việc củng cố cơ cấu của khu vực giáo dục đại học (lần đầu tiên vào năm 2007 thông qua pôles de recherche et d'enseignement supérieur [PRES], hay các trung tâm nghiên cứu và giáo dục đại học, được thay thế vào năm 2013 bởi communautes 'universités et établissements [COMUE] (cộng đồng các cơ sở giáo dục đại học). Kế hoạch IDEX trao cho những trường đa ngành, có quy mô lớn sứ mệnh nghiên cứu mạnh mẽ, thông qua việc hợp nhất các grandes écoles với các trường đại học, hoặc bằng cách hợp nhất các trường

*Một trong những tổ chức*

*hợp nhất mới nhất hoàn*

*thành vào năm 2019 là*

*Đại học Paris-Saclay, hiện*

*xếp thứ 14 trên toàn cầu.*

đại học chuyên ngành trong cùng một thành phố. Một trong những tổ chức hợp nhất mới nhất hoàn thành vào năm 2019 là Đại học Paris-Saclay, hiện xếp thứ 14 trên toàn cầu, trong một bảng xếp hạng, trong đó cả Đại học Paris Sciences et Lettres (PSL) và Đại học Sorbonne lọt vào Top 40, trong khi Đại học Paris và Đại học Grenoble-Alpes xuất hiện trong Top 100 (ARWU, 2020)

### Kết luận

Với một lịch sử đau thương như vậy, không có gì ngạc nhiên khi các trường đại học Pháp gặp khó khăn khi tìm chỗ đứng của họ. Hệ thống giáo dục đại học của Pháp đã trải qua chủ nghĩa địa phương và sự phân biệt tự áp đặt, giữa một bên là các trường đại học dành cho số đông sinh viên và bên kia là những grandes écoles phục vụ giới tinh hoa, đào tạo sinh viên cho những vị trí điều hành cấp cao trong dịch vụ dân sự hoặc khu vực tư nhân.

Không phải là điều lạ khi được xếp hạng cao nhất là những trường vượt qua được tính chất phân tán của giáo dục đại học Pháp, và giữ được những đặc tính tốt nhất của cả hai khu vực, là các grandes écoles và các trường đại học. Chất lượng của các cơ sở giáo dục ở Pháp không đột nhiên được cải thiện theo cấp số nhân, nó vẫn luôn có ở đó. Tuy nhiên, các chính phủ kế tiếp đã cố gắng khai thác chất lượng đó và cải cách cảnh quan giáo dục đại học để cho phép nó chuyển đổi và phù hợp với các tiêu chuẩn và khái niệm được chấp nhận trên toàn cầu về trường đại học “đẳng cấp thế giới” và mô hình EGM ngày càng chiếm ưu thế.

Những hậu quả của sự phân tầng theo chiều dọc này vẫn có thể nhận thấy, đặc biệt là những tác động đối với việc tiếp cận và lựa chọn của sinh viên. Bằng cách khôi phục trường đại học như một phương tiện giảng dạy và nghiên cứu chính được tài trợ công ở Pháp, các nhà hoạch định chính sách và quản lý cấp cao trong các tổ chức đã thừa nhận khuôn mẫu trường đại học toàn cầu do mô hình Humboldt và EGM cung cấp.

## Chưa phải là niết bàn: hệ quả của cuộc bầu cử Hoa Kỳ đối với giáo dục đại học quốc tế

**Philip G. Altbach và Hans de Wit**

*Philip G. Altbach là Giáo sư Nghiên cứu và là thành viên xuất sắc tại Trung tâm Giáo dục Đại học Quốc tế thuộc Boston College (CIHE), Hoa Kỳ. Email: altbach@bc.edu. Hans de Wit là Giáo sư danh dự và là thành viên xuất sắc của CIHE. Email: dewitj@bc.edu.*

**P**hần lớn thế giới giáo dục đại học, ở Hoa Kỳ và rộng hơn nữa, vui mừng khôn xiết rằng Donald Trump sớm rời bỏ quyền lực. Sự ra đi của ông sẽ mang lại những thay đổi tích cực và tức thì, tác động đến cảnh quan nền giáo dục đại học Hoa Kỳ và quốc tế. Nhưng chủ nghĩa Trump còn lâu mới biến mất. Chủ nghĩa dân túy và chủ nghĩa dân tộc mà Trump đại diện vẫn là một phần của thực tế ở Mỹ và ở nhiều quốc gia khác. Sự chia rẽ giữa một bên là những người phản đối quốc tế hóa, chống nhập cư và những người phủ nhận

**Tóm tắt**

Việc Donald Trump rời Nhà Trắng sẽ mang lại một số thay đổi tích cực và tác động đối với bức tranh giáo dục đại học của Hoa Kỳ và quốc tế. Nhưng chủ nghĩa dân túy và chủ nghĩa dân tộc mà Trump đại diện vẫn là một phần của thực tế ở Hoa Kỳ và ở nhiều quốc gia khác. Điều tốt nhất có thể nói được là giáo dục đại học quốc tế dưới thời Biden sẽ bớt thảm hại hơn dưới thời Trump, và chỉ riêng điều này, tự nó cũng đáng để vui mừng.

biến đổi khí hậu, và bên kia là những người ủng hộ sự hợp tác quốc tế để giúp giải quyết những thách thức chính ở địa phương và toàn cầu - đang gay gắt hơn bao giờ hết, cả ở Hoa Kỳ và ở phần còn lại của thế giới.

**Những thay đổi nhanh chóng**

Tất nhiên, trong nhiệm kỳ Tổng thống Trump, cộng đồng giáo dục đại học Hoa Kỳ vẫn tham gia vào những hoạt động quốc tế, nhưng những chính sách và luận điệu của chính quyền Trump đã gây ra tác động nghiêm trọng.

Những chính sách có thể được đảo ngược nhanh chóng là những hạn chế về thị thực, những yếu tố của “Lệnh cấm Hồi giáo” có thể vẫn đang được thực hiện, những hạn chế về thời gian đối với thị thực sinh viên, những quy định cứng nhắc về Chương trình Đào tạo Tùy chọn (Optional Practical Trainin - OPT) và thị thực H-1B và những quy định khác. Những quy định liên quan đến bố trí công việc sau tốt nghiệp tiến sĩ sẽ quay lại với thông lệ truyền thống. Thủ tục để sinh viên tốt nghiệp người nước ngoài có thể xanh sẽ trở nên dễ dàng hơn. Và DACA (Chương trình Tạm hoãn Thi hành Lệnh trục xuất những người đến Hoa Kỳ từ Thơ ấu - Deferred Action for Childhood Arrivals), dù không ảnh hưởng trực tiếp đến giáo dục đại học quốc tế nhưng cung cấp sự bảo vệ cho 643 ngàn người nhập cư, sẽ được khôi phục. Những chương trình trao đổi hiện tại như Fulbright, đang bị đe dọa và bị cắt giảm ngân sách, sẽ được an toàn. Hy vọng rằng, tình trạng chính trị hóa đảng phái trong các sáng kiến quốc tế sẽ chấm dứt.

Nhìn chung, hầu hết những chính sách của chính phủ Hoa Kỳ liên quan đến giáo dục đại học quốc tế có lẽ sẽ trở lại với những quy tắc có trước thời Trump. Nhưng với cuộc khủng hoảng COVID-19 vẫn tiếp diễn và những gián đoạn kinh tế và tài khóa xảy ra sau đó, rất khó xuất hiện những sáng kiến mới. Nhờ quyết tâm mạnh mẽ của Phó Tổng thống tương lai Kamala Harris, những vấn đề quan trọng về phân biệt chủng tộc và bất bình đẳng trong giáo dục đại học, đặc biệt là những chính sách về du học và sinh viên quốc tế, sẽ nhận được sự quan tâm mới. Nhưng vì đây là những vấn đề mang tính hệ thống, khắc phục chúng sẽ không dễ dàng.

**Xu hướng rộng hơn**

Nhìn chung, quá trình chuyển đổi sang chính quyền của Tổng thống Biden ở Hoa Kỳ sẽ ngụ ý một sự thay đổi đáng kể theo hướng tăng cường hợp tác quốc tế trong nghiên cứu và giáo dục và sửa đổi một số biện pháp hà khắc đã ảnh hưởng đến sinh viên, giảng viên và quan hệ đối tác quốc tế. Nhưng câu hỏi đặt ra là liệu điều đó có thể sửa chữa những thiệt hại to lớn mà những biện pháp đó đã gây ra cho danh tiếng quốc tế của đất nước trong bốn năm qua hay không. Điều tốt nhất có thể nói được là giáo dục đại học quốc tế dưới thời Biden sẽ bớt thảm hại hơn so với thời Trump, và chỉ riêng điều này, tự nó, cũng đáng để vui mừng.

## TIN TỨC VÀ ẨM PHẨM MỚI

As of November 1, 2020, the Center for International Higher Education (CIHE) at the Lynch School of Education and Human Development, Boston College, has undergone a change in its leadership and their titles. The center will be led by Academic Director Gerardo Blanco, also associate professor, and by Managing Director Rebecca Schendel, also assistant professor. Hans de Wit, Director of the Center from 2015 to 2020, will become Distinguished Fellow of CIHE and Professor Emeritus, and Founding Director Philip Altbach will combine his position of Research Professor with the title of Distinguished Fellow of CIHE. They form the team in charge of the center's activities in the area of teaching and training, research, and publication, with the support of CIHE's current graduate assistants: Tessa DeLaquil, Lizhou (Jo) Wang, Maia Gelashvili, and Mathew Rombalski, and of Administrative Assistant Salina Kopellas.

### CIHE Conference

On October 23–24, 2021, CIHE will organize its first International Higher Education Conference, an event originally planned for October 2020 to celebrate the 25th anniversary of the center and its flagship publication *International Higher Education*. The conference will have two tracks: International Higher Education and Internationalization of Higher Education. We invite you to send us a proposal for a paper, with a title, an abstract of maximum 500 words, and a short bio of 175 words. Submissions should be sent to [internationalhighered@bc.edu](mailto:internationalhighered@bc.edu) by May 15, 2021. Please explicitly label your e-mail “Conference submission”.

### WES–CIHE Summer Institute

Assuming that it will be possible to gather in person by June 2021, we have launched the call for proposals for the 2021 WES-CIHE Summer Institute, scheduled to be held at Boston College from June 9 to 11, 2021. All graduate students and early-career professionals are now invited to submit a proposal on the theme of “Innovative and Inclusive Internationalization in Higher Education”.

### CIHE PUBLICATIONS

In its series *CIHE Perspectives*, the center published “Catholic Higher Education Institutes in Francophone West Africa: Challenges, Promises, and Networking Commitments”, by Jean Baptiste Diatta (*CIHE Perspectives* No. 17) and “Innovative and Inclusive Internationalization: Proceedings of the WES-CIHE Summer Institute 2020,” edited by Hans de Wit and Tessa DeLaquil (*CIHE Perspectives* No. 18).

### Trường ĐH FPT đồng tổ chức Hội thảo ACBSP Region 10

Ngày 01 – 02/04 vừa qua, Hội thảo ACBSP Region 10 với chủ đề “Developing Business Leaders for a Better Tomorrow” (Phát triển các nhà lãnh đạo tương lai) do Trường ĐH FPT và Trường ĐH Kinh tế Quốc dân đồng tổ chức đã chính thức khai mạc tại campus Trường ĐH Kinh tế Quốc dân Hà Nội.

Tham dự Hội thảo, về phía FPT Edu có TS. Nguyễn Khắc Thành – Hiệu trưởng Trường Đại học FPT, TS. Nguyễn Kim Ánh – Phó Hiệu trưởng Trường ĐH FPT, TS. Trần Ngọc Tuấn – Phó Hiệu trưởng Trường ĐH FPT và TS. Trịnh Trọng Hùng – Trưởng bộ môn QTKD Trường ĐH FPT Hà Nội.

Trong lễ khai mạc, TS. Nguyễn Khắc Thành đã nói về tầm quan trọng của việc phát triển các nhà lãnh đạo Doanh nghiệp tương lai trong bối cảnh xã hội hiện đại, đồng thời chia sẻ những kinh nghiệm kiểm định ACBSP của Trường ĐH FPT Hà Nội với các đơn vị giáo dục cùng tham dự Hội thảo. TS. Nguyễn Khắc Thành cho biết, Trường ĐH FPT đã định hướng kiểm định ngành Quản trị Kinh doanh theo chuẩn ACBSP từ sớm và may mắn nhận được sự hỗ trợ, tư vấn nhiệt tình từ các mentor của ACBSP.

Được biết, vào tháng 11/2019, ACBSP đã chính thức công nhận chất lượng đào tạo ngành Quản trị kinh doanh Trường Đại học FPT (campus Hà Nội) đạt chuẩn chất lượng giáo dục quốc tế. Kết quả này là minh chứng khách quan thể hiện chất lượng đào tạo của Trường Đại học FPT (campus Hà Nội), đồng thời thúc đẩy khối ngành Quản trị kinh doanh liên tục cải tiến để phù hợp và tương đồng với các trường kinh doanh hàng đầu trên thế giới.



TS. Nguyễn Khắc Thành chia sẻ về quá trình và kinh nghiệm kiểm định ACBSP của Trường Đại học FPT Hà Nội

### FPT Edu Global tổ chức hội thảo online về hợp tác giáo dục Việt Nam – Nam Á

Mới đây, FPT Education Global đã tổ chức thành công Hội thảo trực tuyến “Triển vọng mới về đầu tư nước ngoài và phát triển giáo dục đại học giữa Việt Nam và Nam Á” với sự tham dự của các đối tác Đại học và Cơ quan Giáo dục tại Việt Nam và Nam Á.

Hội thảo có sự tham gia chia sẻ của ông Phạm Sanh Châu – Đại sứ đặc mệnh toàn quyền Việt Nam tại Ấn Độ, GS. Ngô Tự Lập – Hiệu trưởng Viện Quốc tế Pháp Ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội và ông Sanjay Gupta – Phó Chủ tịch Công ty HCL Technologies Việt Nam, đại diện doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tư vấn giáo dục. Tại Hội thảo, các diễn giả đã mang đến nhiều thông tin hữu ích cũng như giải đáp những thắc mắc về việc đầu tư và triển khai các hoạt động giáo dục tại thị trường Việt Nam và Nam Á, đồng thời bày tỏ quan điểm Việt Nam là một điểm đến tiềm năng dành cho các nhà đầu tư giáo dục.

Thông qua Hội thảo, FPT Edu Global hy vọng có thể thúc đẩy quá trình hợp tác giáo dục liên quốc gia, đồng thời góp phần hình thành cách thức hợp tác giáo dục trong bối cảnh bình thường mới.



Đại sứ Phạm Sanh Châu cho rằng Việt Nam là một điểm đến đáng đầu tư, dựa trên sự ổn định chính trị, tốc độ phát triển kinh tế và các yếu tố khác



## **Giáo dục Đại học Quốc tế**

*International Higher Education*

**Tổng biên tập:**

Philip G. Altbach

**Phó tổng biên tập:**

Hans de Wit  
Rebecca Schendel  
Gerardo Blanco

**Phát hành:**

Hélène Bernot Ullero  
Tessa DeLaquil

**Văn phòng:**

Center for International Higher Education,  
Campion Hall, Boston College, Chestnut Hill, MA 02467-USA;  
Tel: +1 617 552-4236; E-mail: ihe@bc.edu  
www.internationalhighereducation.net

Hoan nghênh các thư từ, ý tưởng thể hiện qua vài viết và báo cáo. Xin vui lòng gửi bài viết qua e-mail tới ihe@bc.edu, với thông tin về vị trí công việc (sinh viên Đại học, Giáo sư, quản trị Giáo dục, hoạch định chính sách, v.v...) cùng lĩnh vực quan tâm và chuyên môn của bạn. Không phải trả phí.

**ISSN:**

1084-0613 (bản cứng tiếng Anh)  
2372-4501 (bản mềm tiếng Anh)

© Center for International Higher Education

**Chịu trách nhiệm về bản tiếng Việt**

Lê Trường Tùng

**Dịch và biên tập**

Nguyễn Kim Ánh  
Trần Ngọc Tuấn  
Đỗ Thủy Uyên  
Đào Thị Thanh Lam

**Thư ký:**

Lê Thị Loan

**Thiết kế bản in và Web**

Nguyễn Thị Thu Nga  
Huỳnh Lệ Thục Anh  
Nguyễn Thị Hà

**Văn phòng:**

Trường Đại học FPT,  
Khu Giáo dục và Đào tạo, Khu CNC Hòa Lạc, Thạch Thất, Hà Nội  
E-mail: ihe@fpt.edu.vn  
http://ihe.fpt.edu.vn  
Điện thoại: 024 7300 5588  
© Trường Đại học FPT

In 1.000 bản, mỗi bản 56 trang, khổ 19x27cm, tại Công ty TNHH Thương mại - Quảng cáo và In Phú Sĩ  
Văn phòng: C5-14, Tầng 14, Tòa nhà Golden West, 2 Lê Văn Thiêm, Thanh Xuân, Tp. Hà Nội  
Nhà máy: Km11, Xã Song Phương, Huyện Hoài Đức, Tp. Hà Nội  
Giấy phép xuất bản đặc san số 20/GP-XBĐS cấp ngày 15/01/2021  
In xong và nộp lưu chiểu Quý II năm 2021

